VƯƠNG THÚY-KIỀU
CHU-GIAI TÂN-TRUYÊN

Nguyên-Du

Tan-Dà
Nguyên-khac-Hiêu
CHU-THICH VÀ BINH-LUÂN

NHÀ XUÂT-BAN HƯƠNG-SƠN

Tản-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

VƯƠNG THÚY-KIỀU

CHÚ-GIẢI TÂN-TRUYỆN



NHÀ XUẤT-BẢN HƯƠNG-SƠN
6, ĐẠI-LỘ GIA-LONG, HÀ-NỘI

TỰA

*Quyển truyện « Vương Thúy-Kiều » này nguyên tên là «*斷腸新聲 Đoạn-trường tân-thanh » ; *một tên nữa là «*金雲翹傳 Kim Vân Kiều truyện». *Tác-giả là Nguyễn-Du tiên-sinh, một người trong đám cố-gia đời nhà Lê, mà ra làm quan buổi tân-triều đời nhà Nguyễn. Vì một mối cảm-tưởng ở chỗ cương-thường đó, cho nên tác-giả mới mượn quyển Phong tình-lục của Trung-quốc, mà làm ra quyển truyện này trong quốc-văn. Cảm thương cho một người khuê các có tài sắc, nhân gia-biến mà phải ba chìm bẩy nổi, không được hưởng cái hạnh-phúc thanh quý ở gia-đình; để ngụ thương cho tự mình là con nhà thế-phiệt thi-thư, nhân quốc-biến mà cũng phải chìm nổi theo thì, không giữ được tấm lòng trung-trinh đối với cố-chủ vậy. Cũng vì văn-chương bởi tâm-sự như thế, cho nên như có một cái sức thiêng-liêng khiến cho người ta dễ cảm động; ấy quyển Kiều mà hay, chỗ gốc thực ở đó, mà văn-tài của Tác-giả lại là phần thứ hai.*

Tuy vậy, nay ta chỉ biết qua như thế là đủ; đó là việc riêng của Tác-giả, ta không cần đem mà nghị-luận với văn-chương trong quyển truyện làm chi.

Thường thấy có nhiều người bàn nói về quyển Kiều, lẩn-thẩn mê-man, gần khiến cho người nghe đến không rõ quyển truyện đó là truyện « nàng Thúy-Kiều » *hay truyện* « ông Nguyễn-Du » *nữa. Lại có những người quá sùng-bái cổ-nhân, tự cam nô-lệ, xướng ra những lời đàm-phán quá đáng, không đích-đáng ; chẳng làm thêm giá-trị cho Tác-giả chút chi, mà chỉ làm mất cái diện-mục của văn-chương đã lắm. Rồi nữa, kẻ tung lên, người dập xuống ; một quyển văn vô tội, gần thành như một quả ban-lông (ballon). Nghĩ thật đáng buồn cho dư luận văn-học-giới !*

Tôi từng được nghe ông Tú làng Minh-Hương (明 鄉), *tự* Tiểu-Minh (小 明), *tên là* Phan-thạch-Sơ (潘 石 初), *thơ đề Kiều có hai câu rằng :*

有 明 一 代 無 雙 妓
Hữu-Minh nhất đại vô song kỹ,
大 越 千 秋 絕 妙 詞
Đại-Việt thiên thu tuyệt diệu từ

(Cô đĩ không có hai ở trong một đời nhà Hữu-Minh ; — lời văn rất hay để lại nghìn năm nước Đại-Việt).

Phê bình nghị-luận về quyển Kiều, tưởng như hai câu đây, thật đã đủ mà phải.

Nay bản chú-giải *này, cũng chỉ vì một mối cảm-tình đối với văn-chương của cổ-nhân, như quyển truyện lục-bát đây, thật đáng kể là một quyển văn hay ; ngoài ra, xin không dám biết đến.*

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU.

NGUYỄN-DU TIÊN-SINH
TIỂU TRUYỆN



Cụ *Nguyễn-Du*, 阮攸 người làng Tiên-điền 僊田, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh ; tự là « *Tố như* » 素如, hiệu là « *Thanh-hiên* » 清軒 ; sinh năm Ất-dậu đời Cảnh-hưng nhà Lê (1765). Bố là Nguyễn-Nghiễm, đỗ Tiến-sĩ, làm tướng, tước phong Xuân-quận-công. Bác và anh đều là bực người khoa giáp cuối đời Lê cả. Hai chữ cương-thường, in vào trong trí-nghĩ của Tiên-sinh cũng là phải.

Nguyễn-Huệ đánh Thăng-long, vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, vận nhà Lê đến đó đã hết. Trừ những người theo vua đi khỏi nước và những người chết nạn, các thần-tử họ Lê phần nhiều trốn náu, cam lấy chỗ sơn-lâm điền-giã, vùi hai chữ cô-trung. Nguyễn-Du tiên-sinh chính là hạng người ấy. Cái biệt-hiệu « *Hồng-sơn liệp-hộ* » 鴻山獵戶, cũng vì sự mải chơi săn-bắn mà cố đặt cái tên phóng-khoáng, cho khuây-khỏa u-hoài. Song mà thân-thế của Tiên-sinh, nào có mãi như thế.

Vua Gia-long nhất thống toàn quốc, vời các thần-tử nhà Lê đều cho ra làm quan. Nguyễn-Du tiên-sinh cũng lại là hạng người làm quan ấy. Gia-long năm thứ 12 (1813), Tiên-sinh lấy chức Cần-chánh-điện học-sĩ, xung làm cống-sứ sang Tàu. Quyển truyện Thúy-Kiều đây, thực chấp mối tơ-duyên từ đó

Phong-tình-lục (風情錄), *Thanh-tâm tài-nhân* (青心才人), nguyên ở Tàu là một cuốn tiểu-thuyết không lấy gì làm giá-trị; chỉ cảm vì thân-thế của Thúy-Kiều có chỗ đáng thương-tiếc, cho nên mới gợi lòng tài-tử, mượn giai-nhân mà giãi mối sầu chung. Từ đấy mà tác-giả Nguyễn-Du hợp với người trong truyện là Kiều, cùng nhau thiên-cổ vậy.

Tiên-sinh mất vào năm 1820, là Minh-Mạnh nguyên-niên, tháng tám ta, ngày mồng mười; thọ năm mươi sáu tuổi.

TẢN-ĐÀ.
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU.

MẤY LỜI NÓI VỀ THỂ-LỆ TRONG QUYỂN

1º) Quyển truyện này nguyên tên là « Đoạn-trường tân-thanh » 斷腸新聲, *là tác-giả có ngụ-cảm tâm-sự. Một tên nữa là* « Kim Vân Kiều truyện » 金雲翹傳, *là người sau muốn tóm-tắt sự-tích. Nay đã biết như thế, mà xét ở trong truyện chỉ có một Thúy-Kiều là vai chính, cho nên lấy ba chữ* « Vương Thúy-Kiều » *làm tên. Bản truyện này,* có chú, *có* giải, *cho nên theo với chữ tên chính, có đặt thêm hai chữ* « chú giải » *ở sau. Phần nhiều lời chú giải trong bản đây, xem với các bản có mới, khác, cho nên có chữ* « tân ». *Theo tiếng thường, đều gọi là* « Truyện Kiều », *cho nên có chữ* «truyện». « Vương Thúy-Kiều chú giải tân truyện » 王翠翹註解新傳, *bảy chữ tên của bản truyện này in ra, lấy nghĩa vì thế.*

2º) Bản truyện này trước khi sửa-soạn để in, có họp nhiều các bản chữ nôm và các bản quốc-ngữ đã

in trước; *phàm những chữ trong truyện, bản nọ in khác bản kia, đều so-sánh lựa-chọn, mong được thế nào là phải hơn. Song đã là công việc sao-lục, thời phải hay chăng, hơn hay kém, sự-lý không lấy gì làm bằng; quyền thẩm-định tự ở các Độc-giả.*

3°) *Phàm các chữ phân-vân bất-nhất, mà ý-định trong bản đây có khác với phần nhiều các bản đã in trước, thời đều có nói rõ sự xét-đoán là như sao. — Những chữ phân-vân mà ở trong bản đây không dám có ý-định như sao, thời đành cứ để theo như trong bản nôm xưa, chịu là một lẽ chưa tường, mà có phụ dẫn những chữ để khác nhau và các nghĩa chú giải của các bản khác.*

4°) *Bản truyện này cứ theo nguyên-văn in luôn suốt từ đầu đến hết, như các bản chữ nôm; mà không có phân ra từng đoạn như các bản quốc-ngữ khác, là lấy rằng trong văn-chương của Tác-giả phần nhiều những câu chuyển-tiếp rất tài-tình, nếu ngắt đoạn mà in, thời những câu ấy để theo đoạn trước hay để xuống đoạn sau, đều là mất cả cái hay của Tác-giả.*

5°) *Phàm việc* chú thích *trong bản đây, cốt mong lấy đủ sáng văn-nghĩa, cho nên có chữ bất-đắc-dĩ mà phải tường, phần nhiều chữ không cần tường mà phải lược; dù tường dù lược, đều có so-sánh ở các bản và tra-khảo ở các sách, không dám tự ý sơ-xuất chú theo một cách hồ-đồ. Những chữ do ở Hán-văn, dù là giản-dị đơn-thường, mà việc*

chú thích không bỏ qua, là một ý nghĩ xa về hậu vận của chữ Hán mỗi ngay càng mòn-mỏi đi vậy.

6°) Phàm việc giảng giải trong bản đây, cốt để tỏ thấy các cái hay, cái khéo trong văn-chương, cho được rõ chỗ tinh-thần của Tác-giả; mà nếu có những chỗ đáng hồ-nghi về văn-lý, cũng xin chỉ rõ những chỗ hồ-nghi ấy, mong để độc-giả cùng nhận coi. Ngoài ra, hoặc có những câu, những chữ nào, nguyên không cần phải giảng-giải, song vì thấy ở các bản khác giảng đi một nghĩa riêng, cho nên tường xét mà biện minh, là một lẽ bất-đắc-dĩ vậy.

VƯƠNG THÚY-KIỀU

CHÚ - GIẢI TÀN - TRUYỆN



Trăm năm trong cõi người ta (1),
Chữ *tài*, chữ *mệnh*, khéo là ghét nhau (2):
Trải qua một cuộc bể dâu (3),
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc, tư phong (4),
Trời xanh quen với má hồng đánh ghen.

---

(1) Hai chữ *« trăm năm »* do ở những chữ 百年 *bách-niên*, 百歲 *bách tuế* mà dịch nghĩa ra, nói đại phàm trong một đời người ta ở trần-thế.

(2) *Ghét nhau* như là nói xung-khắc với nhau, nghĩa là có tài hơn người thời phần mệnh thường phải kém.

(3) Hai chữ *« bể dâu »* bởi chữ 桑滄 *tang thương* dịch ra, nguyên là *bể* mà hóa làm đất trồng dâu, nói cuộc đời biến đổi như thế. *« Ai bầy trò bãi bể nương dâu »*, như câu đó cũng tức là nghĩa này.

(4) *Bỉ sắc tư phong* 彼嗇斯豐 là cái điều kia kém thời cái điều này được hơn. Câu này ý muốn nói đã hơn tài thời phải kém mệnh, mà vì theo bằng trắc và vần, cho nên lời văn có hơi ép, vì đảo ngược văn-nghĩa.

Cảo thơm (1) lần giở trước đèn,
Phong-tình cổ lục còn truyền sử-xanh (2).
Rằng : năm Gia-tĩnh triều Minh (3),
Bốn phương phẳng-lặng, hai kinh (4) vững-vàng.
Có nhà viên-ngoại (5) họ Vương,
Gia-tư nghỉ (6) cũng thường-thường bậc trung.

---

(1) *Cảo thơm* bởi chữ 芳稿 *phương cảo*, là nói cái bản chép hay, có thể để thơm lại về sau. Câu này và câu dưới, tức trỏ vào nguyên gốc quyển *Thanh-tâm tài-nhân.*

(2) *Sử xanh* bởi chữ 青史 *thanh-sử*. Ở nước Tàu từ xưa chưa biết chế ra giấy, dùng tre xanh chẻ ra từng phiến để viết, vì thế có chữ *« thanh sử »*. — *« Phong-tình có lục »*, nghĩa là có cái bản truyện phong-tình. Chữ *có*, nhiều bản đề là *cổ*, vì ở chữ nôm ta xưa, trong chữ 固 *có*, có chữ 古 *cổ*.

(3) *Gia-tĩnh* 嘉靖 là niên hiệu vua Thế-tôn nhà Minh, vào khoảng 1522-1566.

(4) Hai kinh là Bắc-kinh và Nam-kinh. — Câu này lời văn rất đường-hoàng tự-nhiên, mà đã có tròng xuống chỗ Từ-Hải gây cuộc binh-đao ở dưới.

(5) *Viên-ngoại* 員外 nguyên là một chức quan ngoại-ngạch, để cho những người giầu được bỏ tiền ra mua. Sau rồi những người giầu thường được người ta tôn gọi là *viên-ngoại*, vậy cũng như tiếng *« Bá-hộ »* hay *« cụ bá »* của ta.

(6) *Gia-tư* 家資 là của-cải trong nhà, cũng như nói gia-sản. — *Nghỉ* là hắn, là ông ấy, chữ này bây giờ không thường dùng.

Một trai con thứ rốt lòng,
Vương-Quan là chữ, nối dòng nho-gia (1).
Đầu lòng hai ả tố-nga (2),
Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân (3).
Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần (4),
Mỗi người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười (5).
Vân xem trang-trọng khác vời (6),
Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang (7).
Hoa cười ngọc thốt đoan-trang (8);
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn (9),
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

---

(1) *Vương-Quan* 王觀. *Nho-gia* 儒家 là nhà người học trò.

(2) *Tố-Nga* 素娥 cũng như nói tố-nữ, là người con gái đẹp.

(3) *Thúy-Kiều* 翠翹, *Thúy-Vân* 翠雲.

(4) Sáu chữ này chỉ là nói vẻ người thanh-tú.

(5) Chữ *mỗi* trong câu đây, có nhiều bản đề là chữ *một*.

(6) Đoạn này đem Vân lên nói trước, rồi nói đến Kiều sau, cho được khỏi nhạt. Chỗ đó về sự lập-thế có ít nhiều công-phu.

(7) Câu này tả sự đẹp tỏ ra phúc-hậu phương-phi. Tác-giả có ý nhòm xuống hậu-vận của cô Vân ở đó.

(8) Chữ « *thốt* » nghĩa là nói, tiếng ở Trung-kỳ thường dùng. — *Đoan-trang* 端莊 là đứng-đắn.

(9) *Thu thủy* 秋水 là nước mùa thu, nói con mắt sắc sáng. — *Xuân sơn* 春山 là vệt núi mùa xuân, nói lông mày thanh đẹp.

Một hai nghiêng nước, nghiêng thành (1),
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai (2).
Thông-minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương, làu bậc ngũ-âm (3),
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương (4) :
Khúc nhà tay lựa nên xoang (5),
Một thiên «*bạc mệnh*» lại càng não nhân (6).
Phong-lưu rất mực hồng quần (7),

---

(1) Câu này bóc ý ở hai câu : 一笑傾人城. 再笑傾人國, *nhất tiếu khuynh nhân-thành, tái tiếu khuynh nhân-quốc.* Nghĩa là: một cái cười làm cho nghiêng được thành của người ; hai cái cười làm cho nghiêng được nước của người, nói cái giá-trị của nhan-sắc có thể khiến cho ông vua mê say mà tai-hại đến thế. Câu đây dẫn dùng, là nói chị em Thúy-Kiều đã đẹp đến hạng ấy.

(2) Câu này chỉ là nói sắc đẹp có một mà tài hoặc có hai, song mà lời nói hơi tối và kém xuôi.

(3) *Ngũ-âm* 五音 là năm tiếng trong cung-bực của đờn, tức là 宮, 商, 角, 徵, 羽, *cung, thương, giốc, trủy, võ.*

(4) *Hồ-cầm* 胡琴 là cái đờn của rợ Hồ, nguyên chính là cái *nhị* ; vì có kiểu nhị làm giống như cái tỳ-bà, cho nên tỳ-bà người ta cũng gọi là *hồ-cầm.* — *Trương* 張 là nói cái cây đờn.

(5) *Xoang* [illegible] là điệu hát. Có bản đề là *chương,* lời và nghĩa cùng kém.

(6) *Bạc-mệnh* 薄命 là khúc hát của Thúy-Kiều tự chế ra. Nghĩa đen là nói cái số-mệnh mong-manh của người hồng-nhan. — *Não nhân* 惱人 là làm cho người ta nghe mà phải sầu-não.

(7) *Hồng-quần* 紅裙 là cái quần đỏ. Phụ-nữ nước Tàu thuở xưa thường mặc như vậy, cho nên hai chữ này thành tiếng gọi chỉ về phái phụ-nữ.

Xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê (1).
Êm-đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
Ngày xuân con én đưa thoi (2),
Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu-mươi (3).
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh-minh (4), trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh (5).
Gần xa nô-nức én anh,
Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.
Dập-dìu tài-tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
Ngổn-ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng-bỏ rắc, gio tiền-giấy bay.

---

(1) *Cập* 及 là đến ; *kê* 笄 là cái cài đầu, như loài cái trâm cái thoa. Con gái Tàu khi xưa, theo lễ thời đến 15 tuổi bắt đầu cài cái kê lên đầu, ấy là đến tuổi gả chồng. — Cứ vậy thời trong câu đây đã có chữ «*tới tuần*», chữ *cập* có lẽ là thừa nghĩa.

(2) Câu này muốn nói ngày xuân đi nhanh thấm-thoắt, mà nhân cảnh xuân có những con én bay đi bay lại, cho nên đặt như đây, là lời văn tả cảnh. — Có bản giảng vì cái thoi dệt cửi lắm như hình con chim én, nghĩa đó thực sai.

(3) *Thiều quang* 韶光 là bóng sáng êm hòa, tức là nói ngày xuân. *Chín chục* mà đã ngoài *sáu-mươi*, tức là nói đã hơn hai tháng mà sang đầu tháng ba.

(4) *Thanh-minh* 清明 là một tiết trong mùa xuân, thuộc về đầu tháng ba.

(5) *Tảo mộ* 掃墓 là quét mộ, nghĩa là đi viếng mộ mà sửa-sang quét-tước cho sạch. — *Đạp-thanh* 踏青 là giẫm chơi lên làn cỏ xanh.

Tà-tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ-thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu-khê (1),
Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.
Nao-nao dòng nước cuốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè-sè nấm đất bên đường,
Rầu-rầu ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh.
Rằng: « Sao trong tiết Thanh-minh,
« Mà đày hương khói vắng tanh thế mà? »
Vương-Quan mới dẫn gần xa:
« Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi.
« Nổi danh tài sắc một thì,
« Xôn-xao ngoài cửa, thiếu gì yến anh.
« Kiếp hồng-nhan có mong-manh,
« Nửa chừng xuân, thoắt gẫy cành thiên-hương (2).
« Có người khách ở viễn-phương,
« Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
« Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
« Thì đà trâm gẫy bình rơi bao giờ (3)!
« Buồng không lặng ngắt như tờ (4),

(1) *Tiểu-khê* 小溪 là cái ngòi nước nhỏ.

(2) *Thiên-hương* 天香 là mùi thơm của trời, *cành thiên-hương* tức là cành hoa, nói ví với phẩm giá của người mỹ-nhân.

(3) *Trâm gẫy bình rơi* là người đã chết.

(4) *Tờ* là tờ giấy. Giòng sông lúc lặng-tĩnh thời như mặt tờ giấy. Đây chỉ là nói sự bình-tĩnh không *xôn-xao* như trước. « *Trắng xóa tràng-giang phẳng-lặng tờ* », tức là nghĩa chữ *tờ* đó.

« Dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh (1).
« Khóc than khôn xiết sự-tình,
« Khéo vô duyên bấy là mình với ta !
« Đã không duyên trước chăng mà,
« Thời chi chút đỉnh gọi là duyên sau.
« Sắm-sanh nếp tử, xe châu (2),
« Bụi hồng (3) một nấm, mặc dầu cỏ hoa.
« Trải bao thỏ lặn, ác tà (4),
« Ấy mồ vô-chủ, ai mà viếng thăm ! »
Lòng đâu sẵn mối thương-tâm,
Thoắt nghe, Kiều đã đầm-đầm châu sa :
« Đau-đớn thay, phận đàn-bà !
« Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.
« Phũ-phàng chi bấy Hóa-công !
« Ngày xanh (5) mòn-mỏi, má hồng phôi-pha.

---

(1) Câu này có thể văn đặc-biệt. Văn lục-bát thường hai chữ đi với nhau một chập ; như câu đây thời chữ *xe* ở thứ hai đi luôn với chữ *ngựa* ở thứ ba, lại chữ *lờ* ở thứ sáu đi luôn với chữ *mờ* ở thứ bảy ; trong tam chữ không thể ngắt hơi vào chữ nào, mà tiếng trong tiếng đục xứng hợp, khéo ngâm tự thấy có hưởng-điệu khác hẳn các câu thường.

(2) *Nếp tử* là cái áo quan ; gỗ *tử* 梓 là một thứ thường dùng làm cỗ quan thì tốt. *Xe châu* là cái linh-xa có trang-điểm hoa-mỹ. — Người khách chôn Đạm-Tiên thật hữu-tình, mà tiếc không còn tên để lại ở trong truyện.

(3) Hai chữ *« bụi hồng »* đây chỉ là lời văn lịch-sự, nói cái mả chôn ở bên đường. Có nhiều bản đề là *« vùi nông »* thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tình của người khách không có trung-hậu. Như sự sai lầm đó rất có hại đến văn-lý.

(4) *Thỏ* 兎 là con thỏ, là cái tinh trong mặt trăng ; *ác* 鴉 là con quạ, là cái hình trong mặt trời. Câu này, ý nói hết đêm lại ngày, mà ngày ấy qua ngày khác.

(5) *Ngày xanh* bởi chữ 青春 *thanh xuân.*

« Sống làm vợ khắp người ta,
« Khéo thay thác xuống làm ma không chồng (1) !
« Nào người phượng chạ loan chung,
« Nào người tiếc lục tham hồng, là ai (2) ?
« Đã không kẻ đoái, người hoài,
« Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.
« Gọi là gặp-gỡ giữa đường,
« Họa là người dưới suối vàng (3) biết cho. »
Lầm-dầm khấn-vái nhỏ to,
Sụp ngồi vài gật trước mồ, bước ra.
Một vùng cỏ áy (4), bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một và bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê-mẩn tâm-thần,
Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra.
Lại càng ủ-dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài !
Vân rằng : « Chị cũng nực cười,
« Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa ! »
Rằng : « Hồng-nhan tự thuở xưa,
« Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu.

---

(1) Hai câu này thoát ở hai câu thơ : 生爲萬人妻, 死作無夫鬼. *Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu quỉ.* — « Sống làm vợ muôn người, chết làm ma không chồng. »

(2) Hai chữ *người* trong hai câu đây nói vào những người khách làng chơi khi trước qua lại.

(3) *Suối vàng*, bởi chữ 黄泉 *hoàng-tuyền*, tức là nói chốn âm-phủ.

(4) Chữ *áy*, nghĩa là vàng lụi.

« Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
« Thấy người nằm đó, biết sau thế nào ? »
Quan rằng : « Chị nói hay sao,
« Một lời là một vận vào, khó nghe !
« Ở đây âm-khí (1) nặng-nề,
« Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa... »
Kiều rằng : « Những đấng tài-hoa,
« Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.
« Dễ hay tình lại gặp tình,
« Chờ xem, ắt thấy hiển linh bây giờ. »
Một lời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ (2) đến ngay :
Ào-ào đổ lộc, rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.
Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng : « Này thực tinh-thành chẳng xa.
« Hữu-tình ta lại gặp ta,
« Chớ nề u hiển (3), mới là chị em »
Đã lòng hiển-hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài lời.

---

(1) *Âm-khí* 陰氣 là cái khí u-âm ảm-đạm, tức là nói chỗ tha-ma.

(2) Tức là ngọn gió lốc, có thể làm cho cuốn cờ.

(3) *U* 幽 là mờ tối, nói về phần người đã chết. *Hiển* 顯 là rõ-rệt, nói về phần người hiện sống.

Lòng thơ (1) lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi (2).
Dùng-dằng nửa ở, nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần-gần.
Trông chừng thấy một văn-nhân.
Lỏng buông tay khấu (3) bước lần dặm băng.
Đề-huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con-con.
Tuyết in sắc ngựa câu dòn (4),
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh, cành giao (5).
Chàng Vương, quen mặt ra chào,
Hai kiều (6) e-thẹn nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh (7).

---

(1) *Lòng thơ* cũng như nói *hứng thơ.*

(2) *Cổ thi* 古詩 là bài thơ theo điệu cổ.

(3) Buông lỏng cương cho ngựa đi thong-thả.

(4) *Câu* 駒 là con ngựa con. Chữ *dòn* chưa được tường nghĩa, có bản cho là nghĩa xinh-đẹp.

(5) Nói người đẹp như thể những cái cây bằng ngọc vậy.

(6) Đời Tam-quốc có hai con gái của ông họ Kiều 喬 gọi là 二喬 *nhị kiều ;* đây là nhân chữ *Kiều* đồng âm mà tiện đặt cho sinh-tình.

(7) *Trâm-anh* 簪纓 là nói nhà dòng-dõi.

Nền phú-hậu, bậc tài-danh,
Văn-chương nếp (1) đất, thông-minh tính trời.
Phong-tư tài-mạo tót vời (2),
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương-Quan, trước vẫn là đồng-thân (3).
Vẫn nghe thơm nức hương-lân (4),
Một nền Đồng-tước, khóa xuân hai kiều (5).
Nước non cách mấy buồng điều (6),
Những là trộm nhớ thầm yêu chốc mòng (7).
May thay giải-cấu tương-phùng (8),
Gặp tuần đổi lá (9), thỏa lòng tìm hoa.

---

(1) *Nếp* là nền nếp. Bốn chữ này tức là theo với ba chữ *« nền phú hậu »* ở câu trên, cũng như nói nhà có đất hay chữ.

(2) *Phong-tư* 丰姿 là dáng-điệu. *Tót vời* là hơn thường.

(3) *Đồng-thân* 同親 cũng tức là nghĩa bạn học.

(4) *Hương-lân* 鄉鄰 là chỗ láng-giềng trong làng. Trong nguyên truyện, Kim-Trọng là người cùng làng với nhà Kiều.

(5) Câu này nhân ở câu thơ 銅雀春深鎖二喬 *Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị kiều.* Đài Đồng-tước mùa xuân sâu khóa kín hai nàng Kiều. — Nguyên là câu truyện đời Tam-quốc, Tào-Tháo định hễ phá được Ngô thời bắt hai nàng họ Kiều là vợ Tôn-Sách và vợ Chu-Du, khóa giam vào ở đài Đồng-tước. Đây chỉ là mượn chữ Kiều mà nói.

(6) *Buồng điều* tức là buồng đào, bởi chữ 紅閨 *hồng khuê* là chỗ người con gái ở.

(7) *Chốc mòng* cũng như nói *bấy lâu, lâu nay.*

(8) *Giải-cấu* 邂逅 là sự gặp-gỡ tình-cờ.

(9) *Đổi lá* nghĩa là lúc các cây thay lá non mới. Có nhiều bản để là *đố lá, đua lá*, là nói có cái hội như thế, song xét lên với chữ *tuần* không thông.

Bóng hồng (1) nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan, thu cúc, mặn-mà cả hai.
Người quốc-sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn (2).
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn nghé theo.
Dưới giòng nước chẩy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.
Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời tới đất (3), chiêng đà thu-không (4).

---

(1) *Bóng hồng* là người con gái, bởi những chữ 紅裙 *hồng-quần*, 紅妝 *hồng-trang* mà ra. Một chữ *hồng* thường dùng để nói riêng về đàn-bà, con gái, vì phụ-nữ khi xưa hay mặc đồ đỏ.

(2) *Chỉn khôn* là khó yên, là không xong.

(3) *Tới đất* là sát tới mặt đất. Hai chữ này, phần nhiều các bản đề là *gác núi*. Song xét từ lúc Vương-Quan nói chuyện với Kiều, có câu *« Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa »*; sau đó rồi còn chờ xem một cơn gió lốc, Kiều lại còn đề thơ ở gốc cây; đến lúc tương-biệt với Kim-Trọng, có câu *« Bóng tà như giục cơn buồn »*. Vậy thời khi Kiều về đến *trướng-hoa*, không phải là lúc mặt trời còn *gác núi* nữa. Lại xem như chữ *« thu-không »* ở luôn đó càng rõ. Cho nên đây theo một bản nôm chữ viết, đề là *« tới đất »*, cho được hợp văn lý, dù là ở nguyên-văn hoặc sai.

(4) *Thu-không* 收空 là thu các công-việc ban ngày đã làm xong. Hai chữ này có lẽ riêng là chữ về việc quan của ta, ở văn Hán chưa được thấy có. Các dinh phủ huyện, thường cứ sẩm tối thời trống lớn, trống con, kiểng và mõ cùng theo nhau mà đánh cho đến tan hồi. Viết ra chữ thời là 搜空 *sin-không*, mà tiếng thường vẫn nói là *thu-không*.

Gương nga (1) chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải-đường lả ngọn đông-lân (2),
Giọt sương chìu nặng (3) cành xuân la-đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga (4),
Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời :
« Người mà đến thế thời thôi !
« Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !

(1) *Gương nga* là nói mặt trăng. Chữ *nga* bởi chữ *Hằng-nga* mà đặt ra. Có bản chua là «cái gương của ả Hằng-nga» thời nghĩa sai.

(2) *Hải-đường* 海 棠 là cây hải-đường. *Đông-lân* 東 鄰 là láng-diềng bên phía đông. Câu này, trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn và của ông Hồ-đắc-Hàm đều cho là *cái bóng* của cây hải-đường lả ngọn sang, lấy vì lẽ mặt trăng xế phía tây, cho nên chiếu ngọn cây lả bóng sang đông. Song e rằng tiếp xuống câu dưới, một hư một thực, không được liền nghĩa.

(3) *Chìu*, nghĩa là treo bám vào đó mà làm cho ra nặng. Chữ này, nguyên văn nôm là 㨲, các bản đề là *gieo*, là *đeo*, đều là không sành nghĩa ; duy trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm đề là *chìu*, thực tình đúng hơn. — Nhân đây, xin phụ ghi một câu cũng là nói về chữ *chìu*. Trong bài Trường hận-ca, câu : 梨 花 一 枝 春 帶 雨 *Lê hoa nhất chi xuân đới vũ*, tôi có dịch là : *cành lê hoa chìu hạt mưa xuân đầm*, thường riêng lấy chữ *chìu* làm đắc-ý ; nay được coi thấy chữ này ở trong bản của ông Hồ, không xiết vui-mừng trong việc văn.

(4) *Bóng nga* là bóng trăng, bởi chữ *Hằng-nga* ra, cũng như nói « gương nga » ở trên.

«Người đâu gặp-gỡ làm chi?
«Trăm năm biết có duyên gì hay không (1)?»
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt-diệu (2) ngụ trong tính-tình.
Chênh chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa ngồi (3) bên triện, một mình thiu-thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều (4),
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân,
Sương in mặt, tuyết pha thân (5),

---

(1) Mấy câu đây thật tài-tình! Dùng hai chữ *«người»*, mà trên nói được ra Đạm-Tiên, dưới nói được ra Kim-Trọng. Sự linh-động ở hai chữ khiến là chữ *«mà»* và chữ *«đâu»*.

(2) *Tuyệt-diệu* 絕妙 là rất hay.

(3) Chữ *ngồi*, các bản có để là chữ *lan*, chữ *nương*. — *Triện*, ý là cái ghế có trạm, mà thực tiếng chưa được tường.

(4) *Tiểu-kiều* 小嬌 là người con gái xinh bé.

(5) Câu này ý nói trên mặt và trên thân người tiểu-kiều ấy, còn như có sương tuyết in phủ, ấy là tả cái tình-trạng của một người đêm tối đi đến; mà nhận kỹ thời thấy rằng người khách ấy tức là người ở chỗ *«dưới giòng nước chẩy, bên trên có cầu»*, từ nơi xa đó đến chơi vậy. Sáu chữ này của Tác-giả rất là công-phu, chữ *in* và chữ *pha* nên để ý nhận xét. Nhận thấy có mấy bản khác chú nghĩa câu này, cho chữ *sương* chữ *tuyết* là tả sự trắng đẹp của đàn-bà, nghĩa là *mặt* và *thân* trong-trắng như *sương tuyết*. Nghĩ theo sự giảng như thế thời lầm to, cho nên câu đây nói i dài giòng, mong được Độc-giả chú ý.

Sen vàng lững-đững (1) như gần như xa.
Rước mừng, đón hỏi dò-la :
« Đào-Nguyên (2) lạc lối đâu mà đến đây ? »
Thưa rằng : « Thanh khí xưa nay,
« Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên.
« Hàn-gia (3) ở mé tây-thiên (4),
« Dưới giòng nước chảy, bên trên có cầu.
« Mấy lòng hạ-cố đến nhau (5),
« Mấy lời hạ-tứ ném châu gieo vàng (6).

---

(1) Hai chữ *« sen vàng »* bởi một tích truyện cổ. Xưa ở Tàu có ông vua yêu một nàng phi, đúc hoa sen bằng vàng lát xuống mặt đất, cho nàng ấy bước đi lên trên, ngồi xem lấy làm thú-vị mà khen rằng : « mỗi bước chân sinh ra hoa sen ». Cho nên chữ *« gót sen »*, hay *« sen vàng »*, dùng để nói *gót chân*, hay *bước chân* người con gái là thế. — Hai chữ *lững-đững*, các bản khác đều để là *lãng-đãng* ; nay theo lời ông Trúc-Khê Ngô-văn-Triện để như đây, thực hợp nghĩa với cái dáng đi *như gần như xa* hơn, chiếu với trong bản nôm nguyên chữ 𨁦 𨀈 cũng không là sai ngoa.

(2) *Đào-nguyên* 桃 源 là nguồn đào, là cái ngòi nước mà có nhiều cây đào. Xưa đời Tấn có người ngư-phủ chèo thuyền đi theo một cái nguồn nước, dần thấy có nhiều cây đào, tới cùng, thành ra thấy một chỗ tiên-cảnh. Đây ý nói người khách là tiên.

(3), (4) *Hàn-gia* 寒 家 là cái nhà hèn mọn, lời nói nhún, cũng như chữ 敝 舍. — *Tây-thiên* 西 阡 là con đường đi ở chỗ mộ-địa mà ở về phía tây.

(5) *Hạ-cố* 下 顧 là trông xuống, đoái tới.

(6) *Hạ-tứ* 下 賜 là cho xuống, ban xuống cho.

« Vâng trình hội chủ (1) xem tường,
« Mà xem trong sổ đoạn-trường (2) có tên.
« Âu đành quả-kiếp nhân-duyên (3),
« Cũng người một hội, một thuyền đâu xa (4)!

(1) *Hội-chủ* 會主 là người chủ hội. Đây ý trỏ nói vào vị chủ hội Đoạn-trường.

(2) *Đoạn-trường* 斷腸 nghĩa đen là đứt ruột. — Hai chữ này, gốc ở truyện Sưu-thần: Có người bắt được hai con vượn con, ngày thường đem ra hiên nhà bỡn chơi, con vượn mẹ mỗi ngày cứ đến ở trên cây gần đầu nhà, trông vào nhà kêu thảm. Tới lâu, con vượn lớn kêu mãi mà chết, rơi xuống ở gốc cây. Người ta đem vào mổ ra, thời thấy ở trong ruột nó đứt ra từng tấc. Nhân đó, phàm sự gì bi-thảm thời người ta hay nói là *đoạn-trường.* — Trong bài *Trường-hận-ca* 長恨歌 của ông Bạch-cư-Dị tả lúc vua Minh-Hoàng chạy vào Ba-Thục, nàng Dương phi đã bị chết ở Mã-ngôi, đêm trời mưa mà vua nghe tiếng chiêng canh, thật là buồn thảm, cho nên có câu 夜雨聞鈴斷腸聲 *« Dạ vũ văn linh đoạn-trường thanh ».* Ấy chữ *« đoạn-trường »* nguyên nghĩa chỉ có như thế. Trong bản truyện Kiều này, Tác-giả đã định lấy hai chữ ấy làm tên, đặt là *« Đoạn-trường tân-thanh »*, cho nên nhân đó mà đặt luôn ra những chữ *« sổ đoạn-trường, tập đoạn-trường »* từ chỗ không làm ra có, cho mặn-mà câu truyện. Người sau yên chí như có cái sổ biên tên những người hồng-nhan bạc mệnh, phải chịu sự đau-đớn khổ-sở, như những người trong lầu xanh là cái kiếp đoạn trường. Ấy đều đã bị Tác-giả trỏ bỡn làm thật.

(3) *Quả-kiếp nhân-duyên* 果刧因緣 là nghĩa nói có duyên-kiếp tiền-định.

(4) Theo chữ *« hội-chủ »* trên đây, thấy như có một cái hội đoạn-trường, cho nên trong câu này chữ *« một hội một thuyền »*, cũng như nói cùng trong một bọn người với nhau vậy.

«Này mười bài mới (1) mới ra,
«Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời».
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nấc-nở khen thầm:
«Giá đành tú-khẩu, cẩm-tâm (2) khác thường!
«Vi đem vào tập đoạn-trường,
«Thi treo giải nhất, chi nhường cho ai!»
Thềm hoa khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại một hai tự-tình.
Gió đâu sịch bức mành-mành,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa dường hãy ra vào đâu đây.
Một mình lượng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh!
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi!
Nỗi riêng lớp lớp sóng giồi,
Nghỉ đòi cơn, lại sụt-sùi dòi cơn.
Giọng Kiều rền-rĩ trướng loan,
Nhà huyên (3) chợt tỉnh, hỏi: «Can-cớ gì?

(1) *«Mười bài mới»* như: *Thương bạc-mạnh, Tiếc xuân-xanh,* vân vân...

(2) *Tú-khẩu cẩm-tâm* 繡口錦心 là miệng thêu, lòng gấm, nói hạng người có tài văn-chương.

(3) *Nhà huyên* là nói bà mẹ, bởi chữ 萱堂 *huyên đường* ra. Tục thường kêu mẹ là *huyên,* nguyên vì ở trong kinh Thi có câu thơ nói rằng: «Ước gì được thứ cỏ huyên, để trồng ở chỗ chái bắc». Chái bắc là chỗ mẹ ở.

« Cớ sao trằn-trọc canh khuya,
« Màu hoa lê hãy đầm-đìa giọt mưa ? ».
Thưa rằng : « Chút phận ngây thơ,
« Dưỡng sinh đôi nợ (1) tóc tơ chưa đền.
« Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên,
« Chợp đi, thoắt thấy ứng liền chiêm-bao.
« Đoạn-trường là số thế nào ?
« Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
« Cứ trong mộng-triệu (2) mà suy,
« Thân con thôi có ra gì mai sau ! »
Dạy rằng : « Mộng-huyễn (3) cứ đâu !
« Bỗng không mua não chuốc sầu, nghĩ nao ! »
Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương (4).
Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay ngang trước mành.
Hiên tà gác bóng chênh chênh,
Nỗi riêng, riêng trạnh tấc riêng một mình.

---

(1) Nói công ơn *sinh* và *dưỡng* của cha mẹ cũng bởi chữ « *cha sinh mẹ dưỡng* ».

(2) *Mộng-triệu* 夢兆 là cái điềm thấy trong mộng.

(3) *Mộng huyễn* 夢幻 nghĩa là câu truyện mơ-hồ không lấy gì làm cứ. Chữ *huyễn*, nhiều bản đề lầm là *ảo*, vì ở văn nôm khi xưa, 幻 *huyễn* giống như chữ 幼 *ấu*.

(4) Xưa vua Thuấn đi tuần-thú mà mất ở Thương-ngô, hai vợ là Nga-hoàng và Nữ-anh cùng khóc thảm-thiết ở trên bờ sông *Tương* 湘. Cho nên hai chữ « *mạch tương* » đây mượn nói là nước mắt của đàn-bà, kể cũng chỉ như chữ « *hạt châu* » mà nhân vì bắt vần vậy. Có bản cho nghĩa là nước mắt tương-tư, mà giảng là tương-tư Kim-Trọng, như thế thực thêm lời mà sai.

Cho hay là thói hữu-tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong! (1)
Chàng Kim từ lại thư-song,
Nỗi nàng canh-cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đong càng lắc càng đầy (2),
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê (3)!
Mây Tần khóa kín song the, (4)
Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm-bao. (5)
Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Buồng văn hơi giá như đồng,
Trúc se ngọn thỏ (6), tơ trùng phím loan.

---

(1) Hai câu này lời văn lơ-lửng, chỉ là nói chung, nhận là nói Kiều hay nói Kim-Trọng đều phải cả, đó là một câu chuyền có thần-tình. Các bản quốc-văn in chia từng đoạn đều đem hai câu này để hẳn xuống đầu đoạn dưới, như thế đã làm mất cái hay. Lại có bản nói rõ chữ *«ai»* là *«chỉ Kim-Trọng»*, thì không còn chút tình văn chi hết.

(2) Phàm sự đong như ngô, gạo, thời *lắc* cho nó vơi, mà đây thì càng lắc càng đầy, chỉ là nói cái *sầu* không thể át đi được.

(3) Câu này lấy chữ trong Thi mà tứ văn nồng đậm hơn, đem *ba thu* mà *dồn lại* trong *một ngày*, cho nên thấy là *dài ghê*.

(4) Trong câu này, hai chữ *«mây Tần»* chỉ là lời văn đặt lịch-sự; các bản chú-thích dẫn tích lắm, thêm nát.

(5) Nghĩa rằng chỉ có thể đi lại trong chiêm-bao được mà thôi.

(6) *Ngọn thỏ* là nói ngòi bút, vì ngòi bút tàu thường làm bằng lông con thỏ.

Mành tương (1) phất-phất gió đàn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình :
« Vì chăng duyên nợ ba sinh (2),
« Làm chi đem thói khuynh-thành trêu ngươi ? »
Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
Nhớ nơi kỳ-ngộ, vội dời chân đi.
Một vùng cỏ mọc xanh-rì,
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu !
Gió chiều như giục cơn sầu,
Bông lau hiu-hắt như màu gợi-trêu.
Nỗi riêng nhớ ít, tưởng nhiều,
Xăm-xăm đè nẻo Lam-kiều (3) lần sang.

---

(1) Hai chữ « *Mành Tương* » đây, trong hai bản của ông Bùi-Kỷ, ông Hồ-đắc-Hàm đều chua nghĩa là cái mành có căng the, vậy thời theo nghĩa chữ 緗 *tương* là loài the lụa. Trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu thơ Đường, lấy về nghĩa chẻ trúc trên núi Tương làm mành, vậy thời theo nghĩa chữ 湘 *tương* là tên núi. (Hoặc là sông Tương. Chữ 湘 có cả nghĩa là sông và là núi). Chưa biết ai phải.

(2) *Ba sinh* bởi chữ 三 生 *tam sinh* ra. Nghĩa là nói ba đời luân-chuyển kiếp này sang kiếp khác.

(3) *Lam-kiều* 藍 橋 là cái cầu trên sông Lam, ở mạn đông-nam huyện Lam-điền tỉnh Thiểm-tây, tục truyền chỗ đó từ xưa có tiên ở, tức là chỗ Bùi-Hàng gặp Vân-Anh. Đây chỉ là mượn nói chỗ có con gái đẹp.

Thẳm nghiêm, kín cống (1) cao tường,
Gạn giòng lá thắm, (2) dứt đường chim xanh (3).
Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mỉa-mai.
Mấy lần cửa đóng, then cài,
Đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu ?
Tần-ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh, chợt thấy mái sau có nhà.

---

(1) Đây là chữ *cống*, nhiều bản đề là *cồng*, thực sai, xem lời chú ở câu dưới đây sẽ rõ.

(2) *Lá thắm* bởi chữ 紅葉 *hồng-diệp* ra. Xưa chàng Vu-Hựu đời Đường nhặt được ở trong ngòi nhà vua trôi ra có một cái lá đỏ, có bài thơ đề rằng : 流水何太急. 深宮盡日閑. 慇懃謝紅葉. 好去到人間. « *Lưu-thủy hà thái-cấp, thâm-cung tận nhật nhàn, ân-cần tạ hồng-diệp, hảo-khứ đáo nhân-gian.* » Nghĩa là : Nước chẩy coi sao rất nhanh kíp, chỗ cung sâu kín suốt ngày nhàn, ân-cần xin rã cái lá đỏ, mày đi cho tốt đến nhân-gian. Hựu bắt được cái lá có thơ ấy, rồi cũng đề thơ vào một cái lá, thả ở trên giòng nước cho trôi vào trong cung, thời cung-nhân họ Hàn bắt được. Đến sau có một dịp cung-nữ được thải ra ba ngàn người, Hàn-thị và Vu-Hựu lấy nhau, hai người cùng đem cái lá đỏ đề ra coi, mới biết lá ấy tức là mối — Xem tích dẫn đây thời biết chữ « *kín cống* » ở câu trên, là vì *cống* kín, cái lá thắm ở bên trong không trôi ra được. — Chữ *gạn*, nghĩa là làm cho cạn. gióng với chữ *dứt* ở dưới, nhận rõ tự thấy.

(3) *Chim xanh* bởi chữ 青鳥 ra. Xưa vua Hán Võ-đế đương ngồi, thấy có hai con chim xanh bay đến, rồi một lát thời bà chúa tiên là Tây-vương-mẫu đến, mới biết hai con chim xanh đó là Sứ-giả báo tin trước. Cho nên chữ *chim xanh* mượn nói là sứ thông tin. Bốn chữ này theo với hai chữ «*cao tường*» ở câu trên.

Là nhà Ngô Việt thương-gia, (1)
Buồng không để đó, người xa chưa về.
Lấy điều du-học, hỏi thuê, (2)
Túi đàn, cặp sách, (3) đề-huề dọn sang.
Có cây, có đá sẵn-sàng,
Có hiên Lãm-thúy (4), nét vàng chưa phai.
Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây!
Song hồ (5) nửa khép cánh mây,
Tường đông nghé mắt, ngày ngày hằng trông.
Tấc gang động khóa nguồn phong, (6)
Tuyệt-mù nào thấy bóng hồng (7) vào ra.

(1) *Ngô Việt thương-gia* 吳 越 商 家 là nhà làm nghiệp buôn, nay đi Ngô, mai đi Việt.

(2) *Du-học* 遊 學 là đi chơi trọ học.

(3) Hai chữ *« cặp sách »* đây là cái cặp để chứa sách của học-trò thủa xưa, hình làm như cái quang đèn dầu hột của nhà quê, ở dưới có một cái đế gỗ, một phiến khá rộng, hai bên có phiến gỗ hoặc tre đứng dựng đối nhau, ở trên có cái cắng ngang nữa, như thế rồi xếp sách vào giữa, ở đâu thời treo lên một chỗ, đi thời mang xách dọn đi. — E rằng người không để ý mà nhận lầm với cái cặp sách bằng da của học-trò hiện-thời, thời sai nghĩa, mà đi với chữ *« đề- huề »* không đắt, cho nên đây chú tường.

(4) *Lãm-thúy* 覽 翠 là tên cái hiên, nghĩa là cái hiên có chữ đề như thế, mà nghĩa đen thời là chỗ chơi để xem các sắc xanh đẹp của các cây cảnh. — Vì một chữ *thúy*, cho nên dưới đây Kim Trọng mừng thầm.

(5) *Song hồ* là cửa sổ dán bằng giấy. Ở chữ Hán thường nói là 紙 窗 *chỉ-song*, mà chữ *hồ* 糊 đây nghĩa là dán.

(6) *Động khóa nguồn phong* là cửa động khóa mà đầu-nguồn niêm-phong, nói như cảnh tiên Thiên-thai, Đào-nguyên, không dễ lại đến được. Đây là nói gần trong gang tấc mà cách tuyệt như thế.

(7) *Bóng hồng*, đã chua ở câu « . . . *nhác thấy nẻo xa* ».

Nhận từ quán khách lân-la,
Tuần trăng thấm-thoắt nay đà thèm hai (1).
Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào dường có bóng người thướt-tha.
Buông cầm xóc áo vội ra.
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
Lần theo tường gấm (2) dạo quanh,
Trên đào nhác thấy một cành kim-thoa.
Gian tay cất lấy về nhà :
« Này trong khuê-các, đâu mà đến đây ?
« Gẫm âu người ấy, báu này,
« Chẳng duyên, chưa dễ vào tay ai cầm ! »
Liền tay ngắm-nghía, biếng nằm,
Hãy còn thoang-thoảng hương-trầm chưa phai.
Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngơ.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng :
« Thoa này bắt được như không !
« Biết đâu Hợp-phố mà mong châu về ? (3) »

---

(1) Nghĩa là gần hai tháng. — Nhân câu này ngẫm ra thấy có một tình-sự đáng buồn cười. Kim-Trọng với Vương-Quan là chỗ bạn học thân, mà Trọng đến trọ sau nhà Quan đã gần hai tháng, hai người không hề sang chơi nhau, mà Kim chỉ để ý ngấp-nghé một sự khác. Chỗ đó nghĩ sao cho hợp tình ?

(2) *Tường gấm* là bức tường xây đẹp như gấm.

(3) Câu này lấy ở chữ 珠還合浦 *Châu hoàn Hợp-phố.* Nguyên xưa vùng bể quận Hợp-phố sản ra nhiều ngọc trai, vì quan-lại tham nhũng lắm, cho nên châu dời đi hạt khác hết ; đến hồi ông Mạnh-Thường làm quan quận đó, có đức-chính, châu đi lại về. Đây chỉ ý nói không biết của ai mà trả

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia (1) :
« Ơn lòng quân-tử xá gì của rơi.
« Chiếc thoa là của mấy mươi !
« Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao ! »
Sinh rằng : « Lân-lý ra vào,
« Gần đày, nào phải người nào xa-xôi,
« Được rày như chút thơm rơi,
« Kể đà thiểu-não lòng người bấy nay !
« Bấy lâu mới được một ngày,
« Dừng chân, gạn chút niềm tây (2) gọi là ».
Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông. (3)
Ven mây rón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ-ràng, chẳng nhe ?
Sượng-sùng giữ ý rụt-dè,
Kẻ nhìn tận mặt, người e cúi đầu.

(1) Câu này văn-pháp hơi có vẻ cao-kỳ, sự nhận nghĩa khó được minh-bạch. Cứ trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm chú rang : « *Tiếng* la tiếng nói của chàng Kim. Đây nói nàng Kiều ở bên kia nghe tiếng chàng Kim mà trả lời lại. » Theo thiển nghĩ : *Tiếng Kiều* là tiếng của nàng Kiều. Tiếng nàng Kiều nói ở bên kia mà nghe lọt sang bên này như sau. Vì văn đặt giản-ước, cho nên nghe không rõ nghĩa lắm, xin có Độc-giả cùng xét.

(2) *Niềm tây* là bụng nghĩ riêng.

(3) Câu này nghĩ đáng hồ-nghi về lẽ Kim-Trọng trong chỗ du-học, làm gì có « *xuyến vàng* » đem theo ? mà cũng không phải là cái vật của học-trò con trai thường có ?

Rằng : Từ ngẫu-nhĩ (1) gặp nhau,
« Thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn (2).
« Xương mai, tính đã thâu mòn (3),
« Lần-lừa ai biết hãi còn hôm nay !
« Tháng tròn như gửi cung mây (4),
« Trần-trần một phận ấp cây đã liều (5) !
« Tiện đây xin một hai điều,
« Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng (6) ? »
Ngẩn-ngơ, Nàng mới thưa rằng :
« Thói nhà băng tuyết, chất hằng phỉ phong (7).

---

(1) *Ngẫu-nhĩ* 偶爾 cũng như ngẫu-nhiên, là nghĩa tình-cờ.

(2) *Chồn* như là nhọc lòng, sốt ruột.

(3) *Thâu mòn* nghĩa là mỗi ngày một mòn dần đi. Đây nói ý vì tương-tư mà gầy mòn mãi người. — Cùng là một chữ *mai*, ở câu « *Mai cốt-cách* », thời nói về nghĩa *thanh* ; mà câu đây thời nói về nghĩa gầy. Nhà làm văn có quyền dùng chữ như vậy.

(4) Câu này chưa được tường nghĩa, các bản chú giải cũng đều không ra sao, cho nên không dẫn. Đại-ý chỉ là ngồi trông cho ngày tháng hết đi mà thôi.

(5) *Ấp cây* là ôm vào cái cây cột. Lấy nghĩa ở câu truyện *Vĩ-sinh* 尾生 ngày xưa. Vĩ-sinh hẹn với người con gái ở dưới cầu, ngồi đợi, nước lên bị chết. Câu đây ý nói đã đành chịu một số-kiếp như Vĩ-sinh.

(6) Câu này là lời Kim-Trọng trong lúc « tán gái » mà nâng người nhún mình như vậy.

(7) Bốn chữ trên nói nhà theo cách thanh-bạch, bốn chữ dưới nói mình là hạng người tầm thường. — *Phong* 葑, *phỉ* 菲 là tên hai thứ rau.

« Dù khi lá thắm, chỉ hồng (1),
« Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
« Nặng lòng xót liễu vì hoa,
« Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa ! »
Sinh rằng : « Rày gió, mai mưa,
« Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi !
« Dù chăng xét tấm tình-si,
« Thiệt đày, mà có ích gì đến ai ? (2)
« Chút chi gắn-bó một hai,
« Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối-manh.
« Khuôn thiêng (3) dầu phụ tấc thành,
« Cũng liều bỏ quá xuân-xanh một đời.
« Lượng xuân (4) dù quyết hẹp-hòi,
« Công đeo-đuổi chẳng thiệt-thòi lắm ru ? »

---

(1) Hai chữ « *lá thắm* » đã chua ở câu : « *Gạn gióng lá thắm...* » — Chữ *chỉ-hồng* bởi chữ 紅絲 *hồng-ty* ra. Xưa đời Đường, Quách-nguyên-Chấn muốn lấy con gái của Tề-Tướng là Trương-gia-Trinh. Trương có năm người con gái, cho mỗi người đều cầm một sợi tơ đứng ở sau màn, mà cho Quách ở trước màn tùy ý kéo lấy một sợi. Quách kéo sợi tơ đỏ, thành được người con gái thứ ba, rất đẹp.— Cũng có bản nhận nghĩa hai chữ này, lấy theo chữ 赤繩 *Xích-thằng* mà ra. *Xích-thằng* nghĩa là cái *dây đỏ*. Xưa Vi-Cố đi gặp một ông già có một túi dây đỏ, hỏi ra thời là dây để se buộc những người con trai, con gái cho lấy nhau. Hai chữ *ông tơ* thường cũng bởi ở đấy.

(2) Câu này, sáu chữ dưới thật như vơ-vẩn nhạt-nhẽo, không có ý-vị gì, mà chính tả được ra cái lời gạ-gẫm của Kim-Trọng lúc ấy như thế.

(3) *Khuôn thiêng* cũng như nói *khuôn xanh*, đều l nói trời.

(4) *Lượng xuân* là nói lượng rộng bao - dung như mùa xuân

Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến, nét thu ngại-ngùng (1).
Rằng: « Trong buổi mới lạ-lùng,
« Nể lòng, có lẽ cầm lòng cho đang !
« Đã lòng quân-tử đa mang,
« Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung. »
Được lời như cởi tấm lòng,
Giở kim-thoa với khăn-hồng trao tay.
Rằng: « Trăm năm cũng từ đây,
« Của tin, gọi một chút này làm ghi. »
Sẵn tay bẻ quạt hoa quì (2),
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.

(1) Câu này, trong mấy bản chỉ chua nghĩa chữ «*chiều xuân*» là tình-tứ hoài xuân, «*nét thu*» là con mắt; còn như ý-nghĩa của câu ra sao, thời không thấy có bản nào nói đến. Theo thiển nghĩ riêng lấy làm khó giải, hoặc nên chấm ngắt ở dưới chữ «*khiến*», nghĩa là trong lòng đã ưng thuận, mà ngoài mặt còn phải thẹn-thò. Mong được có Độc-giả cùng xét.

(2) Câu này, cứ theo các bản nôm cũ thời như bốn chữ đây, thực là không rõ nghĩa. Các bản quốc-văn mới, có bản in là «*bả quạt bồ qui*» lấy chữ 蒲 葵 扇 *bồ-qui-phiến* ở trong sách Tấn-thư làm căn-cứ, mà «*bả*» là một cái quạt. Có bản lại theo trong nguyên-truyện Thanh-tâm tài-nhân có chữ 金 扇 綿 帨 *kim-phiến cẩm-thuế* mà lấy nghĩa chữ đó, để là «*khăn gấm quạt qui*». Nếu như thế thời còn nhiều chỗ đổi đi được, mà hai chữ *kim-phiến* chiếu sang chữ «*quạt-qui*» cũng không hệt nhau. Cho nên nay đành cứ để nguyên như trong bản nôm xưa, bỏ làm một nghĩa chưa tường, để đợi được có người biết rõ.

Một lời vừa gắn tất-giao (1),
Mái sau dường có xôn-xao tiếng người.
Vội-vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về thư-viện, nàng dời lầu trang.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm-thía, dạ càng ngẩn-ngơ.
Sông Tương một dải nông lờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia (2).
Một tường tuyết điểm sương che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.
Lần-lần ngày gió, đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua. (3)
Ngày vừa sinh-nhật ngoại-gia,
Trên hai đường, dưới nữa là hai em,
Tưng-bừng sắm-sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ, xa đem tấc thành.
Nhà lan (4) thanh-vắng một mình,
Ngẫm cơ hội-ngộ đã đành hôm nay.

---

(1) *Tất-giao* 漆膠 là *sơn* và *keo*, hai cái cùng là loài dính mà lại đem gắn vào nhau thời càng dính chặt lắm. Đây lấy ý ở câu thơ cổ: 以膠投漆中. 誰能別離此 *Dĩ giao đầu tất trung, thùy năng biệt ly thử!* (Lấy keo mà bỏ vào trong sơn, ai làm cho chia rẽ được đó nữa).

(2) Hai câu này lấy ý ở bốn câu thơ cổ: 君在湘江頭. 妾在湘江尾. 相思不相見. 同飲湘江水. *Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương-tư bất tương-kiến, đồng ẩm Tương-giang thủy».* Ý như đây.

(3) Đây nói sang cảnh mùa hạ mà hoa ít đi, lá nhiều lên.

(4) *Nhà lan* là chữ đặt lấy lịch-sự, bởi hai chữ 蘭室 *lan thất*.

Thời-trân (1) thức thức sẵn bày,
Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mái tường. (2)
Cách hoa, sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :
« Trách lòng hờ-hững với lòng,
« Lửa hương chốc để lạnh-lùng bấy lâu.
« Những là đắp nhớ đổi sầu,
« Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa dâm (3) »
Nàng rằng : « Gió bắt, mưa cầm,
« Đã cam tệ với tri-âm bấy chầy.
« Vắng nhà, được buổi hôm nay,
« Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng. » (4)
Lần theo núi giả (5) đi vòng,
Cuối tường dường có nẻo thông mới rào ;

---

(1) *Thời-trân* 時 珍 là những thức quí đương mùa, tức như các hoa quả. Kiều bầy sẵn những thức đó, ý để mời Kim-Trọng sang chơi. Vì sau đây Kiều sang bên chỗ Kim-Trọng rồi ở luôn, chỗ thời trân này không lại nói đến nữa, cho nên có người lấy làm ngờ. Chẳng qua : một là vì cô Kiều quá mê ; hai là tự tác-giả sơ ý.

(2) Hai chữ *« thoăn-thoắt »* ngẫm thấy rất có vị, có thể tưởng-tượng như các cô con gái tân-thời. — Chữ *« gót sen »* xem lời chua ở câu *« Sen vàng lững-đững... »*

(3) Câu này, nếu nhận nghĩa là vì tương-tư đến bạc một nửa đầu, e lời lẽ có quá-đáng ; chỉ nên coi như câu phong-dao : *« Kẻo anh chờ đợi sương sa lạnh-lùng »* có lẽ là phải hơn.

(4) Hai chữ *« lòng »* trong câu đây, rất có mầu-nhiệm. Nguyên trên kia lời Kim-Trọng : *« Trách lòng hờ-hững với lòng »*, cũng hai chữ *lòng* nói buông không, mà một chữ trên nói Kiều, chữ dưới thời nói vào mình. Cho nên trong câu đây hai chữ, chữ trên nói vào mình mà chữ dưới nói chàng Kim, thực là giọng tri-âm với nhau lắm.

(5) *Núi giả* bởi chữ 假 山 *giả-sơn*, là cái núi bầy ra làm cảnh chơi, tức là kiểu núi *« non-bộ »*.

Sấn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai. (1)
Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,
Bên, lời vạn-phúc, bên, lời hàn-huyên (2).
Sánh vai về chốn thư-hiên,
Ngẫm lời phong nguyệt, nặng nguyền non sông.
Trên yên, bút-giá thi đồng (3),
Đạm thanh một bức tranh tùng (4) treo trên.
Phong sương (5) được vẻ thiên-nhiên,
Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Sinh rằng : « Phác-họa (6) vừa rồi,
« Phẩm-đề xin một vài lời thêm hoa ».
Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

---

(1) Hai câu này đi luôn một hơi, nên như thế nhận nghĩa. Xưa hai chàng Lưu, Nguyễn vào núi Thiên-thai gặp tiên, lúc quay về mà trở lại thời cửa động đã khóa. Đây hai chữ « *Thiên-thai* » chỉ là mượn nói như tiên-cảnh ; hai chữ « *động-đào* » cũng như nói *động-tiên* mà thôi. Đại-loại như những câu này, người làm văn khoái ý ở đặt lời, người xem văn cũng không nên khắc-khổ xét ở nghĩa.

(2) *Vạn phúc* 萬福, *hàn-huyên* 寒暄, là những tiếng chào nhau.

(3) *Bút-giá* 筆架 là cái giá để gác bút. — *Thi-đồng* 詩筒 là cái ống để đựng thơ. Xưa ông Bạch-cư-Dị trong lúc làm quan Thứ-sử ở Hàng-châu, cùng các quan Thái-thú họa thơ, thường làm cái ống bằng tre để đựng thơ gửi đi gửi lại.

(4) *Đạm thanh* 淡青 là mùi xanh nhạt. *Tùng* 松 là cây thông.

(5) *Phong sương* 風霜 là gió và sương. Nói cái tinh-thần của bức họa, như có sương gió làm mầu cho cây thông. Giống thông qui ở chịu sương gió.

(6) *Phác họa* 撲畫 là vẽ xoàng ra, như nói vẽ «*chấm phá*».

Khen : « Tài nhả ngọc phun châu,
« Nàng Ban, ả Tạ (1) cũng đâu thế này !
« Kiếp tu xưa ví chẳng dày,
« Phúc nào nhắc (2) được giá này cho ngang ! »
Nàng rằng : « Trộm liếc dung-quang,
« Chẳng sân ngọc-bội, cũng phường kim-môn (3).
« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
« Khuôn xanh (4) biết có vuông tròn mà hay ?
« Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
« Cứ trong tướng-pháp lắm thầy chê bai :
« Anh-hoa phát tiết ra ngoài,
« Nghìn thu bạc-mệnh, một đời tài-hoa.
« Trông người lại ngẫm đến ta,
« Một dày, một mỏng biết là có nên ? »
Sinh rằng : « Giải-cấu (5) là duyên,
« Xưa nay nhân định thắng thiên (6) cũng nhiều.

---

(1) *Nàng Ban* là 班 昭 *Ban Chiêu* đời nhà Hán ; *ả Tạ* là 謝 道 蘊 *Tạ-đạo-Uẩn* đời Tấn. Hai người con gái có tiếng ở trong sự văn-học.

(2) Chữ *nhắc* là nghĩa nhắc dậy đồng cân.

(3) *Ngọc-bội* 玉 佩 là có đeo ngọc ở mình. *Kim-môn* 金 門 là một chỗ cửa của nhà vua. Đại-ý nói là hạng người vinh-quí.

(4) *Khuôn xanh* cũng như *khuôn thiêng*, là nói về trời. Chữ *xanh* bởi chữ 蒼 天 *thương-thiên* là trời xanh.

(5) Hai chữ này đã có chua ở câu : « *May thay giải-cấu tương phùng* ».

(6) *Nhơn định thắng thiên* 人 定 勝 天 là lòng người đã quyết thời trời cũng phải thua.

« Ví dù giải kết (1) đến điều,
« Thì đem vàng đá mà liều với thân. »
Đủ điều trung-khúc (2) ân-cần,
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài (3).
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dời song sa (4).

---

(1) *Giải-kết* 解結, hai chữ này, trong các bản chú nghĩa đều cho là sự bất-hạnh, điều chẳng may, sự rủi-ro ; mà ở bản cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn chữ sách nhà Phật. 解結. 解結. 解冤結. *giải kết, giải kết, giải oan kết.* Ở bản hai ông Bùi-Kỷ; Trần-trọng-Kim cùng dẫn chữ sách nhà Phật 解冤結俗 *giải oan kết tục.* Như thế, hai bản đã khác nhau, mà đều không sao giảng cho ra nghĩa « chẳng may » được. Trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm dẫn câu cổ-thi : 蒼天若解同心結. 金石爲盟我與君. *Thương thiên nhược giải đồng tâm kết. kim thạch vi minh ngã dữ quân.* Cứ văn-thế của đoạn này, thời lời dẫn thơ của ông Hồ thực là hợp hơn. Nguyên chữ 解 *giải*, nghĩa là *cởi* : chữ 結 *kết* là cái mối buộc. Hai câu thơ dẫn đây, nghĩa là : « ông trời xanh dù có cởi cái mối buộc đồng-tâm nữa, thời cái lời thề vàng đá, ta cũng cứ giữ với mình ». Xem như trên có chữ « *nhân định thắng thiên* », dưới có câu « *Thì đem vàng đá mà liều với thân* ». Vậy càng rõ thấy câu thơ dẫn của ông Hồ thật là đúng nghĩa. Duy lời chua nghĩa ở trong bản ông Hồ rằng : « Dù rủi-ro sinh ra sự gì... » ý vẫn phải mà nghĩa không rõ. Theo thiển-nghĩ nên giảng rằng : « dù trời có không cho lấy nhau nữa », như thế mới thấy nghĩa của chữ « giải kết » hơn.

(2) *Trung-khúc* 衷曲 nghĩa là bởi ở trong bụng thật.

(3) Xem lời chua ở câu « *...thỏ lặn ác tà* ». Sáu chữ đây cũng tức là nghĩa chữ « *ác tà* ».

(4) *Song sa* cũng như *song the.*

Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn giở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhặt, thưa, gương giọi đầu cành (1),
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh (2) hắt-hiu.
Sinh vừa tựa án thiu-thiu,
Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.
Tiếng sen sẽ động giấc hòe (3).
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần (4).

---

(1) Câu này nói bóng trăng soi vào các cành cây, chỗ mau chỗ thưa.

(2) *Trướng* 帳 là cái màn; *huỳnh* 螢 là con đom-đóm. Hai chữ này, hai bản của ông Hồ-đắc-Hàm và ông Bùi-Kỷ lấy nghĩa ở tích Trác-Dận ngày xưa nhà nghèo bắt đom-đóm để học, cho nên hai chữ «*trướng huỳnh*» dùng để gọi chỗ buồng học. Trong bản cụ Bùi-khánh-Diễn thời dẫn câu thơ của ông Chu-tử nói về cảnh «mùa hè đọc sách» rằng: 夜深燈落螢入幃. *Dạ thâm tẫn lạc huỳnh nhập vi*. Nghĩa là: đêm khuya ngọn đèn tàn, đom-đóm bay vào màn. Dù nói về nghĩa nào thời «*trướng huỳnh*» cũng là chỗ ngồi học mà nhận ra lúc đó chính là cảnh đêm khuya về mùa hạ, vậy lời dẫn thơ của cụ Bùi có phần đắt nghĩa hơn.

(3) *Giấc hoè* là giấc mơ. Xưa có người nằm dưới gốc cây hòe 槐 mà mơ thấy phú quí vinh hiển. — Hai chữ: «*tiếng sen*» xem ở câu «*sen vàng lững-dững...*» tức là tiếng chân đi của người con gái.

(4) Câu này lấy ở câu: 月移花影玉人來 *Nguyệt di hoa ảnh ngọc-nhân lai*. Ánh trăng đưa cái bóng hoa, như thể có người ngọc đi tới. Tả lúc đêm khuya, Kim-Trọng còn đương trong giấc mơ mà Thúy-Kiều đến gần. Câu này thật tinh khéo. Chữ *lê* chỉ là nói lấy đẹp lời và nhân vì bắt vần.

Bàng-khuâng đỉnh Giáp non thần (1),
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng.
Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,
« Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.
« Bây giờ rõ mặt đôi ta,
« Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao (2)? »
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nối sáp, song đào thêm hương. (3)
Tiên thề cùng thảo một trương (4),
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
Đinh-ninh hai mặt, một lời song-song.
Tóc tơ căn-vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng (5) đến xương.

---

(1) Vua Tương-vương nước Sở đi chơi đất Cao-đường, nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp, tự xưng là thần-nữ ở núi Vu-Giáp đến thăm vua. Hai chữ « *đỉnh Giáp* » đây lấy nghĩa ở đó. Chữ « *non thần* » cũng nhân đấy mà đặt ra.

(2) Câu này nói đến thấm-thiết, mà quả sau thành ra sự-thực. Tác-giả hoặc có ý chăng?

(3) *Đài sen* là cái đế thắp sáp mà có làm hình hoa sen, hay lá sen. — *Song đào*, có bản chua là cửa sổ có trồng cây đào ở một bên; có bản nói là cái lư, cái đỉnh để đốt hương mà làm hình quả đào. Hai nghĩa đều không xuôi, chỉ xin tạm nhận là một nghĩa chưa tường, để đợi người biết.

(4) *Tiên thề* là cái giấy hoa-tiên, chép lời thề.

(5) Chữ « *đồng* » là lấy ở chữ 同 心 *đồng tâm*.

Chén hà (1) sánh giọng quỳnh-tương (2),
Dải the hương lộn, bình gương bóng lồng (3).
Sinh rằng : « Gió mát trăng trong,
« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam ;
« Chày sương chưa nện cầu Lam (4),
« Sợ lần-khân quá, ra sàm-sỡ chăng ? » (5)

(1) *Chén hà* là cái chén bằng ngọc để đựng rượu, mà sắc đẹp như ráng mặt trời chiều. Nghĩa chữ *hà* 霞 là cái ráng mặt trời buổi chiều soi chiếu lại.

(2) *Quỳnh tương* 瓊漿 là nước ngọc, nói vì những thứ rượu quí.

(3) Mùi thơm ở cái dải lụa bay lộn lên, mà bóng người soi lồng vào trong cái bức gương ở bình-phong.

(4) *Cầu Lam* tức là *Lam-kiều*, đã có chua ở câu : « *Xăm xăm dè nẻo Lam-kiều..* ». Xưa người Bùi-Hàng đi tới chỗ cầu ấy bị khát, thấy trong một cái nhà có bà lão, vái chào để xin nước uống ; bà già sai người con gái đem nước ra cho. Người con gái ấy tên là Vân-Anh. Hàng thấy đẹp, muốn lấy. Bà lão thách rằng phải kiếm được cái chày bằng ngọc để giã thuốc, thời sẽ gả cho. Sau Bùi kiếm được chày bằng ngọc đem đến thật, bèn kết duyên cùng Vân-Anh. — Chữ *sương* trong câu này, là vì khi trước Bùi-Hàng gặp người cho bài thơ, có câu : 玄霜搗盡見雲英 *Huyền sương đảo tận kiến Vân-Anh.* (Vị thuốc huyền-sương giã hết thời thấy nàng Vân-Anh. — Huyền-sương nghĩa là thứ thuốc tiên). — Cứ điển-tích của câu này như thế, mà đây đại-ý chỉ là nói chưa thực lấy nhau. Vậy thời sáu chữ đây, văn quá cầu-kỳ, mà như một chữ « *nện* » nghe thấy rất nặng-nề ; những chỗ như đó tưởng người xem truyện cũng nên xét.

(5) Mấy câu của Kim-Trọng nói đây, trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm và hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim đều giải là : ý muốn cầu sự đánh đàn mà rụt-dè chưa tiện nói rõ. Có khi phải.

Nàng rằng: « Hồng-diệp xích-thằng (1),
« Một lời cũng đã tiếng rằng tương-tri.
« Đừng điều nguyệt nọ, hoa kia,
« Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai ».
Rằng: « Nghe nổi tiếng Cầm-đài (2),
« Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ (3) ».
Thưa rằng: « Tiện-kỹ (4) xá chi!
« Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng ».
Hiên sau treo sẵn cầm-trăng, (5)
Vội-vàng Sinh đã tay nâng ngang mày (6).
Nàng rằng: « Nghề mọn riêng tay,
« Làm chi cho bận lòng này lắm, thân (7)? »
So dần dây vũ, dây văn (8),
Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương: (9)

(1) Chữ *hồng-diệp* đã chua ở câu: « *Gạn gióng lá thắm...* » Chữ *xích-thằng* đã chua ở câu: « *Dù khi lá thắm chỉ hồng.* »

(2) *Cầm-đài* 琴臺 là cái đài ngồi đánh đàn của ông Tư-mã Tương-như ngày xưa. Vì Tương-như hay đàn, cho nên đây mượn nói sự đàn hay.

(3) *Chung-Kỳ* 鍾期 là người sành nghe đàn. Bá-Nha đánh đàn, bụng nghĩ ở non, hay ở nước, Chung-Kỳ nghe đều hiểu cả. Cho nên trong câu đây có hai chữ « *nước non* ».

(4) *Tiện-kỹ* 賤技 là cái nghề hèn mọn, lời nói nhún.

(5) *Cầm-trăng* là cái đàn nguyệt.

(6) *Tay nâng ngang mày* là ý kính trọng. Xưa nàng Mạnh-Quang là một người đờn bà hiền, mỗi bận bưng mâm cơm lên cho chồng, thường tay nâng ngang mày.

(7) Chữ *thân* đây là tiếng thêm đệm, mà giọng nói có vẻ nũng-nịu.

(8) *Vũ* 武 là dây đờn to; *văn* 文 là dây đờn nhỏ.

(9) *Cung thương*, hai chữ đã chua ở câu: « *Cung thương lầu bực ngũ âm* ».

Khúc đâu Hán Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau ; (1)
Khúc đâu Tư-mã Phượng-cầu, (2)
Nghe ra như oán, như sầu, phải chăng !
Kê-Khang này khúc Quảng-lăng,
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân (3) ;
Quá-quan này khúc Chiêu-quân,
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia. (4)
Trong, như tiếng hạc bay qua ;
Đục, như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài ;
Tiếng mau, sầm-sập như trời đổ mưa (5).

---

(1) *Hán Sở chiến-trường* là chỗ trận-mạc hai nước Hán Sở đánh nhau ; *tiếng sắt tiếng vàng* là những tiếng ngựa sắt gươm vàng xô-xát. Đây nói khúc đờn gẩy hùng dũng như vậy.

(2) *Tư-mã Phượng cầu* 司馬鳳求 là khúc đờn *Qui phượng cầu hoàng* 歸鳳求凰 của Tư-Mã Tương-Như đánh để tỏ tình với nàng Trác-Văn-Quân. Đây nói khúc đờn gẩy có ý buồn như vậy.

(3) Ông *Kê-Khang* 嵇康 có khúc đờn *Quảng-lăng* 廣陵. *Lưu-thủy, Hành-vân*, nghĩa là như nước trôi, mây đi. Đây nói khúc đờn gẩy nghe thấy lưu-loát như vậy.

(4) Nàng *Chiêu-quân* 昭君 nhà Hán khi đi cống Hồ mà qua cửa ải, đánh tiếng đờn nhớ chúa thương nhà. Đây nói khúc đờn gẩy nghe ra sầu não như vậy.

(5) Bốn câu này nói tiếng đờn, *trong* thời như thế, *đục* thời như thế, *khoan* thời như thế, *mau* thời như thế. — Đoạn này tất cả 12 câu tả sự đánh đờn. Tám câu trên nói về *khúc*, cứ hai câu ăn một nghĩa, hai lần dùng chữ *« khúc đâu »*, lại hai lần đổi dùng chữ *« này khúc »*. Bốn câu dưới nói về *tiếng*, mà hai câu trước nói trống-không, hai câu sau mới nói rõ chữ tiếng. Đó là văn-pháp đổi thay cho được nghe khỏi chán ; mà ngẫm kỹ tất cả bấy nhiêu câu, thời thấy những lời văn của Tác-giả thật có như những điệu đờn mà Tác-giả muốn tả vậy. Nghe văn kém chi nghe đờn !

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ-ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
Rằng: « Hay thì thực là hay!
« Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào!
« Lựa chi những bậc tiêu-tao (1),
« Thiệt lòng mình, cũng nao-nao lòng người? »
Rằng: « Quen mất nết đi rồi,
« Tẻ, vui, thôi cũng tính trời biết sao!
« Lời vàng, vâng lĩnh ý cao,
« Họa dần-dần bớt chút nào được không. »
Hơa hương càng tỏ thức hồng (2),
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
Xem trong âu-yếm, có chiều lả-lơi.
Thưa rằng: « Đừng lấy làm chơi,
« Dễ cho thưa hết một lời đã nao.
« Vẻ chi một đóa yêu-đào (3),
« Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.

(1) *Tiêu-tao* 蕭 騷 là ý buồn rầu.

(2) Chữ *thức* đây cũng như chữ *sắc*.

(3) *Yêu đào* 夭 桃 là đào non. Chữ trong kinh Thi, nói như người con gái đến tuổi lấy chồng.

« Đã cho vào bậc bố kinh (1),
« Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.
« Ra tuồng trên Bộc trong dâu (2),
« Thì con người ấy, ai cầu làm chi!
« Phải điều ăn-xổi ở-thì,
« Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày!
« Ngẫm duyên kỳ-ngộ xưa nay,
« Lứa đôi ai lại đẹp tầy Thôi, Trương (3)?
« Mây mưa đánh đổ đá vàng (4),
« Quá chiều nên đã chán-chường yến anh.
« Trong khi chắp cánh, liền cành (5),
« Mà lòng rẻ-rúng đã dành một bên!

---

(1) *Bố* 布 là vải ; *kinh* 荊 là gai. Bởi chữ 荊釵布裙 *kinh thoa bố-quần*, là thoa gai quần vải. Xưa nàng Mạnh-Quang là vợ của Lương-Hồng, là một người đàn-bà hiền, thường chỉ dùng thoa bằng chà-gai, và quần bằng vải. Câu đây mượn chữ dùng, nói là đã cho vào hạng người vợ đứng-dắn.

(2) *Trên Bộc* là trên sông Bộc ; *trong dâu* là trong bãi dâu. Những nơi có thói dâm đãng bất-chính.

(3) *Thôi* 崔 là nàng Thôi Oanh-Oanh ; *Trương* 張 là chàng Trương quân-Thụy. Hai người ở trong truyện Tây-Sương, thật là trai tài gái sắc, gặp gỡ nhau đáng là đẹp lứa.

(4) Vì sự mây mưa mà làm cho đổ cuộc đá vàng, là nói quá yêu nhau từ trước, thành ra rồi không lấy nhau nữa.

(5) *Chắp cánh liền cành* là cái tình thân-thiết với nhau lắm. Mấy chữ này lấy ở câu 在天願作比翼鳥, 在地願爲連理枝 *Tại thiên nguyện tác tỵ giực điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi*. Ở trên trời thời xin được làm như con chim liền cánh ; ở dưới đất thời xin được làm như cái cây liền cành.

« Mái tây để lạnh hương nguyền (1),
« Cho duyên đằm-thắm ra duyên bẽ-bàng.
« Gieo thoi (2), trước chẳng giữ-giàng,
« Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
« Vội chi liễu ép hoa nài,
« Còn thân ắt một đền-bồi có khi. »
Thấy lời đoan-chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể, thêm vì mười phân.
Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân (3),
Tin đâu đã gõ cửa ngăn gọi vào.
Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.
Cửa ngoài (4) vừa ngỏ then hoa,
Gia-đồng vào gởi thư nhà mới sang.

---

(1) *Mái tây* là nói cái mái tây ở chỗ chùa Phổ-cứu, Thôi Oanh-Oanh cùng Trương-Sinh đi lại với nhau ở đấy, rồi sau hai người không thật lấy nhau.

(2) *Gieo thoi* là ý nói chống cự. Lấy tích ngày xưa có người Tạ-Côn ghẹo gái ở láng giềng, người con gái đương ngồi dệt cửi, cầm cái thoi ném Còn gẫy răng. Đây chỉ là ý nói chống cự.

(3) Bóng mái nhà đã nhạt vẻ trăng sáng.

(4) *Cửa ngoài* tức là cửa ngăn. Chữ này, có nhiều bản in là cửa *sài*, là lầm. Vì *cửa sài* thời bởi chữ 柴門 *sài-môn*, là cái cửa làm bằng củi, hay nhánh tre, là cửa ngõ của những nhà nghèo, hay những người cao-đạo ẩn-dật, chớ không phải là cái thái-độ của nhà « *Ngô-Việt thương-gia* », xem như câu : « *Có cây, có đá sẵn sàng ; có hiên Lãm-thúy ét vàng chưa phai* », đủ rõ.

Đem tin thúc-phụ từ đường (1),
Bơ-vơ lữ-thấn (2) tha-hương đề-huề.
Liêu-dương cách trở sơn khê, (3)
Xuân-đường kíp gọi sinh về hộ tang. (4)
Mảng tin, xiết nỗi kinh-hoàng,
Băng mình lên trước đài-trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đinh-ninh,
Nỗi nhà tang-tóc, nỗi mình xa-xôi :
« Sự đâu chưa kịp đôi-hồi,
« Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
« Trăng thề còn đó trơ-trơ,
« Dám xa-xôi mặt, mà thơ-thớt lòng.
« Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông, (5)
« Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy (6).

---

(1) *Thúc-phụ* 叔 父 là ông chú. *Từ đường* 辭 堂 là từ giã chỗ nhà ở, nghĩa là chết.

(2) *Lữ-thấn* 旅 櫬 là còn quàn để quan tài ở chỗ đất khách.

(3) *Liêu-dương* 遼 陽 là tên đất, nay là huyện thuộc đạo Liêu-Thẩm tỉnh Phụng-thiên. Chú Kim-Trọng qua mất ở đó. — *Sơn khê* 山 溪 là núi và đường khe núi, cũng như nói sơn xuyên.

(4) *Xuân-đường* 椿 堂 là bố, cây *xuân* sống lâu, cho nên ví là bố. — *Hộ tang* 護 喪 là trông coi việc tang.

(5) *Chốc ba đông*, có người nói là vì Kim-Trọng đứng lập tự cho ông chú ấy, cho nên phải để trở ba năm.

(6) *Chầy* là chậm, là lâu. — Hai câu này là nói việc xảy ra thế, thời có lấy được nhau cũng còn lâu, tức là trông lên chữ ba đông mà nói sự hết chế.

« Gìn vàng, giữ ngọc, cho hay,
« Cho đành lòng kẻ chưn mây, cuối trời.»
Tai nghe, ruột rối bời-bời,
Ngập-ngừng, nàng mới giãi lời trước sau :
« Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
« Chưa vui xum-hợp, đã sầu chia-phôi !
« Cùng nhau chót đã nặng lời,
« Dầu thay mái tóc, dám dời lòng tơ!
« Quản bao tháng đợi, năm chờ,
« Nghĩ người ăn gió, nằm mưa, xót thầm.
« Đã nguyền hai chữ đồng-tâm,
« Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai (1).
« Còn non, còn nước, còn dài,
« Còn về, còn nhớ đến người hôm nay ! »
Dùng-dằng chưa nỡ rời tay,
Vầng đông tròng đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại-ngùng một bước, một xa,
Một lời trân-trọng, châu sa mấy hàng
Buộc yên quẩy gánh vội-vàng,
Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai.

(1) *Ôm cầm thuyền ai* là ôm đàn ở thuyền người khác, nghĩa là thề chẳng lấy người khác.

Buồn trông phong-cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhặt, cuối trời nhạn thưa (1).
Não người cữ gió, tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.
Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vấn-vít như vầy mối tơ.
Trông chừng khói ngất song thưa,
Hoa trôi-trát thắm, liễu xơ-xác vàng (2).
Tần-ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại-hương mới về.
Hàn-huyên chưa kịp giãi-giề,
Sai-nha (3) bỗng thấy bốn bề xôn-xao :
Người nách thước, kẻ tay dao,
Đầu trâu, mặt ngựa, ào-ào như sôi. (4)
Già giang (5) một lão một trai,
Một dây vô-loại buộc hai thâm-tình (6).

---

(1) Câu này, các bản đều chua chữ « *quyên nhặt* » là tiếng quyên kêu mau, « nhạn thưa » là hàng nhạn bay thưa. Như vậy thời hai chữ « *quyên nhặt* » hơi gượng.

(2) Hai câu này là tả thu, mà là cái cảnh nhân lúc buồn nom ra thế. — Hai chữ « *trôi-trát* » có nhiều bản đề là *trôi giạt*, như thế thời không giống với chữ xơ-xác ở dưới. Tiếng ta nhiều chữ nói đòi như thế, *trôi-trát* chỉ là nghĩa bay nhạt mất mầu đi, chữ *trát* là tiếng nối thêm.

(3) *Sai-nha* 差 衙 là đám nha-lại bị sai-phái đi.

(4) Chữ *sôi* nghe hơi khó nghĩa, cho nên bản in chữ nôm cũ, có bản đề *như mưa*, song lại lạc vần quá.

(5) *Già-giang* 枷 杠 là gông trói.

(6) *Vô loại* 無 類 là không ra nghĩa-lý gì, cũng như chữ 不 良 *bất-lương*. *Thâm-tình* là cái tình bố con.

Đầy nhà vang tiếng nhặng xanh (1),
Rụng rơi khung dệt, tan-tành gối may. (2)
Đồ tế-nhuyễn (3), của riêng tây,
Sạch-sành-sanh (4) vét cho đầy túi tham.
Điều đâu bay buộc ai làm ?
Này ai đan giậm, giật giàm (5) bỗng dưng ?
Hỏi ra sau mới biết rằng :
Phải tên xưng-xuất (6) tại thằng bán tơ.
Một nhà hoảng-hốt, ngẩn-ngơ,
Tiếng oan rậy đất, án ngờ lòa mây.
Hạ từ, van lạy suốt ngày,
Điếc tai lân-tuất, phũ tay tồi-tàn (7).

---

(1) Nói những cái tiếng khả-ố của bọn ấy vang ngậu như đàn nhặng vậy. *Nhặng xanh* là con ruồi to mà xanh.

(2) Câu này, có bản viết là : « *Rụng-rời giọt liễu, tan-tành gối mai* », có bản lại viết là : « *Rụng-rời giậu liễu, tan-tành cội mai* ». Song những lời giải đều không thông, và mai với liễu là những tiếng đặt lấy đẹp lời, không hợp dùng ở trong câu đây.

(3) *Tế-nhuyễn* 細 軟 là nhỏ nhặt, mềm mỏng, là nói những đồ dùng của đàn-bà, con gái.

(4) Ba chữ này, văn-khí rất mạnh, tức là một cái « *loc, adverbial* » của chữ « *vét* » ở sau, làm cho thấy cái chỗ rất đáng ghét.

(5) Bốn chữ này bởi chữ 羅 織 *la chức* ra, nghĩa là thêu dệt cho nên tội.

(6) *Xưng xuất* 稱 出 nghĩa là nó xưng ra cho.

(7) *Lân tuất* 憐 恤 là thương xót. *Tồi tàn* 摧 殘 là đánh đập.

Rường cao rút ngược dây oan, (1)
Dẫu rằng đá cũng nát gan, lọ người!
Mặt trông đau-đớn rụng-rời,
Oan này có một kêu trời, nhưng xa!
Một ngày lạ thói sai-nha?
Làm cho khốc-hại, chẳng qua vì tiền.
Sao cho cốt-nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tùng quyền, (2) biết sao?
Duyên hội-ngộ, đức cù-lao (3),
Bên tình, bên hiếu (4), bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn (5),
Làm con, trước phải đền ơn sinh thành (6).

---

(1) *Rường* là cái xà nhà, tức là nghĩa chữ 樑 *lương*. Câu này nói treo ngược hai người lên xà nhà.

(2) *Ngộ biến tùng quyền* 遇變從權 là gặp cảnh biến thời phải theo đạo quyền, không thể giữ thường được.

(3) *Cù lao* 劬勞 là khó-nhọc, tức là nó công ơn cha mẹ, chữ ở trong kinh Thi.

(4) Chữ *tình*, tức trông lên chữ « *duyên hội-ngộ* »; chữ *hiếu* trông lên chữ « *đức cù-lao* » ở câu trên.

(5) *Thệ hải minh sơn* 誓海盟山, nghĩa là chỉ non thề biển.

(6) *Sinh-thành* 生成 là công cha mẹ sinh đẻ và nuôi nấng cho nên người, cũng như trời đất đối với vạn vật.

Quyết tình, nàng mới hạ tình :
« Dễ cho để thiếp bán mình chuộc cha ! » (1)
Họ Chung (2) có kẻ lại già,
Cũng trong nha-dịch, lại là từ-tâm ;
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vay.
Tính bài lót đó, luồn đây,
Có ba trăm lạng, việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Dặn nàng qui-liệu (3) trong đôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ-ngây,
Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ !
Đau lòng tử biệt, sinh ly,
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !
Hạt mưa (4) sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ, quyết đền ba xuân. (5)

---

(1) Câu này, nghe quả như thấy cái lời nói trước lúc mạo-hiểm, mà thần-tình ở một chữ « *dễ* ». — Lại riêng nghĩ như lúc đó, Kim-Trọng mới đi khỏi, liệu chưa xa cách là mấy, mà Kim là con nhà giầu ; sao trước khi quyết sự bán mình này, Kiều không tính qua hãy mưu việc với Kim-Trọng ? Chỗ đó hoặc có khe hở chăng ?

(2) *Chung* 終.

(3) *Qui liệu* 規料 nghĩa là thu-xếp.

(4) Hai chữ này lấy ở câu : « *Đàn bà như hạt mưa sa...* »

(5) Câu này, mượn nghĩa ở hai câu thơ cổ : 誰言寸草心. 報答三春暉. *Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy.* (Ai nói rằng cái lòng của tấc cỏ, mà báo đáp được ánh sáng của ba mùa xuân !) là lời của một người đi chơi xa nhớ mẹ. *Tấc cỏ* là ví như con ; *ba xuân* ví như cha mẹ.

Sự lòng ngỏ với băng-nhân (1),
Tin sương (2) đồn-đại xa gần xôn-xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách, tìm vào vấn danh.
Hỏi tên, rằng: « Mã Giám-sinh (3) »;
Hỏi quê, rằng: « Huyện Lâm-thanh (4) cũng gần ».
Quá niên trạc ngoại tứ tuần, (5)
Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.
Trước thầy, sau tớ xôn-xao,
Nhà băng đưa mối, rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ-sàng;
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng!
Ngại-ngùng giợn gió e sương,
Ngừng (6) hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.

---

(1) *Băng-nhân* 氷 人 là người làm mối. Nguyên xưa có người nằm mơ thấy mình đứng ở trên từng băng mà nói chuyện với một người ở dưới băng. Sau hỏi một người khác, bảo rằng: đó là cái mộng-triệu sẽ có sự làm mối cho người, quả vậy.

(2) *Tin sương* là ý nói cái tin đồn đi rất sớm.

(3) *Mã Giám-Sinh* 馬 監 生.

(4) *Lâm-thanh* 臨 清. Huyện này, nay thuộc đạo Đông-lâm, tỉnh Sơn-đông.

(5) *Quá niên* 過 年 là cái tuổi đã qua đến trạc ấy.

(6) *Ngừng*, nghĩa là vừa đi vừa nhìn.

Mối càng vén tóc, bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn-đo cân sắc, cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt-dìu.
Rằng : « Mua ngọc đến Lam-kiều,
« Sính-nghi (1) xin dạy bao nhiêu cho tường ».
Mối rằng : « Đáng giá nghìn vàng,
« Gấp nhà, (2) nhờ lượng người thương dám nài ! »
Cò-kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá xin (3) ngoài bốn trăm.
Một lời thuyền đã êm giầm (4),
Hãy đưa canh thiếp, (5) trước cầm làm ghi.

---

(1) *Sính nghi* 聘儀 tức là đồ dẫn cưới. Đây cũng là lời nói lịch-sự của họ Mã.

(2) Chữ *gấp* này, nhiều bản để mỗi khác, chữ *rấp*, chữ *ngặt*, nghĩa cũng đều như vậy. Lại có bản để là gặp, cho là gặp lúc nhà như thế. Đại-ý cũng không lấy gì làm khác nhau.

(3) Chữ *xin* này, nhiều bản để là *vâng*, nghĩa cũng vậy. Lại thường có nghe người đọc là *ra*, có lẽ tự-nhiên hơn.

(4) Nghĩa là câu chuyện đã xuôi.

(5) *Canh-thiếp* 庚帖 là cái thiếp có biên nói đến tuổi.

Định ngày nạp-thái, vu-qui, (1)
Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong ! (2)
Một lời cậy với Chung-công,
Khất-từ tạm lĩnh Vương-ông về nhà.
Thương tình con trẻ, cha già,
Nhìn nàng, ông những máu sa, ruột rầu :
« Nuôi con những ước về sau,
« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi (3).
« Trời làm chi cực bấy trời !
« Này ai vu thác, cho người hợp tan !
« Phủ cân (4) bao quản thân tàn,
« Nỡ đày-đọa trẻ càng oan-khốc già !
« Một lần sau trước cũng là,
« Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau ! »
Theo lời như chảy giòng châu,
Liều mình, ông rắp gieo đầu tường vôi.

---

(1) *Nạp-thái* 納采 là dẫn của. *Vu-qui* 于歸 là cho cưới.

(2) Câu này, chính-ý nói về việc Mã Giám-Sinh mua Kiều, mà cũng có ý động đến việc nhà Kiều chuộc tội. Như câu đó, vừa là tự-sự, vừa là chuyển.

(3) Hai chữ *trao tơ* nghĩa đã thấy ở chỗ chua « *chỉ hồng* ». — Hai chữ *gieo cầu*, các bản nói có khác nhau, đại-khái là người con gái ngồi trên lầu cao, tung quả cầu xuống cho bọn con trai ở dưới, ai nhặt được thì lấy làm vợ chồng.

(4) *Phủ cân* 斧斤 là búa rìu, nói những đồ hình-phạt.

Vội-vàng kẻ giữ, người lôi,
Nhỏ to, nàng lại tìm lời khuyên can :
« Vẻ chi một mảnh hồng-nhan,
« Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh-thành.
« Dâng thư đã thẹn nàng Oanh (1).
« Lại thua ả Lý (2) bán mình hay sao ?
« Trời xuân (3) tuổi hạc càng cao,
« Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
« Lượng trên dù chẳng dứt tình,
« Gió mưa âu hẳn tan-tành nước non.
« Thà rằng liều một thân con,
« Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
« Phận sao đành vậy cũng vầy,
« Cầm như chẳng đỗ những ngày còn xanh (4).
« Cũng đừng tính quẩn, lo quanh,
« Tan nhà là một, thiệt mình là hai. »

---

(1) Nàng *Đề-Oanh* 緹 縈 đời nhà Hán dâng thư lên vua mà cha được thoát tội.

(2) *Ả Lý* là nàng *Lý-Ký* 李 寄 nhà Đường, vì nhà nghèo không có nuôi bố mẹ, nàng bán mình cho người làng, chịu để đem cúng thần rắn. Rồi sau nàng ấy lại giết được thần rắn.

(3) Hai chữ này là nói vào ông Viên-ngoại, nghĩa đã thấy ở chỗ chua « *xuân-đường* ».

(4) *Đỗ*, nghĩa là đậu được, như các thứ cây quả được đến lúc thành-thục, gọi là đỗ. Câu này nói : ví bằng không nuôi được từ lúc còn nhỏ.

Phải lời, ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngắn giọt giài ngổn-ngang.
Mái ngoài, họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.
Trăng già độc-địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự-nhiên!
Trong tay sẵn có đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng, thay đen khó gì!
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ-tâm đã đặt, tụng-kỳ cũng xong. (1)
Việc nhà đã tạm thong-dong,
Tinh-kỳ (2) giục-giã đã mong độ về.
Một mình nàng, ngọn đèn khuya, (3)
Áo đầm giọt tủi, tóc se mối sầu.
« Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,
« Xót lòng đeo-đẳng bấy lâu một lời!
« Công-trình kể biết mấy mươi,
« Vì ta khăng-khít cho người dở-dang.

---

(1) *Lễ tâm* 禮心. Hai chữ này, đặt mới mà hay, tức như dân sự lên quan đem lễ-vật mà thường nói *thành-tâm* hay *vi-thành*. Những chữ đó coi như tầm-thường, mà là chỗ đáo-để của tác-giả. — *Tụng-kỳ* 訟期 là cái kỳ xử kiện-cáo. — Câu trên, mấy chữ « *ra sức...* » cũng có ý mắng mát đời.

(2) *Tinh-kỳ* 星期 là cái kỳ trông thấy sao. Tục cổ ở Tàu thường đưa đón dâu về đêm.

(3) Mấy đoạn trên đây, luôn những cảnh-sự lộn-sộn, bời bời kẻ nọ người kia; xuống một câu này, chuyển cảnh động vào cảnh tĩnh, để rồi tả mối tâm-sự riêng của Kiều, thật có như một hồi trống thu-không ở chỗ huyện-nha vậy. Như vậy mà những bản in chia ra từng đoạn, có bản lấy từ chữ « *Việc nhà đã...* » để làm đầu đoạn dưới, mất hết tinh-thần của văn-chương.

« Thề hoa chưa ráo chén vàng,
« Lỗi thề, thôi đã phụ-phàng với hoa!
« Trời Liêu (1) non nước bao xa!
« Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà từ tôi.
« Biết bao duyên nợ thề-bồi,
« Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?
« Tái-sinh chưa dứt hương thề, (2)
« Làm thân trâu ngựa (3) đền nghì trúc mai (4).
« Nợ tình chưa trả cho ai,
« Khối tình mang xuống tuyền-đài (5) chưa tan! »
Nỗi riêng, riêng những bàn-hoàn (6),
Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.
Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han.
« Cơ trời dâu bể đa-đoan,
« Một nhà để chị riêng oan một mình.
« Cớ chi ngồi nhẫn tàn canh,
« Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây? » (7)

---

(1) *Trời Liêu* là nói chỗ Liêu-dương, Kim-Trọng hiện đi hộ tang ở đó.

(2) *Tái-sinh* 再生 là kiếp sau, cũng như nói *lai-sinh*.

(3) Tức là hóa kiếp để trả nợ.

(4) *Trúc mai*, nói tình nghĩa cùng thân yêu nhau như hai thứ cây đó.

(5) *Tuyền-đài* 泉臺 là nói âm-phủ. — Xưa có người con gái phải lòng một người lái buôn, đến ốm mà chết; mãi đến lúc cải táng, trong bụng thấy có một cái cục, đập không vỡ, đem soi thời có hình người lái buôn ở trong. Sau anh chàng ấy đến coi nhìn mà sa lệ vào, thời cục ấy ra là máu. Hai chữ « khối tình » vì đó.

(6) *Bàn-hoàn* là nghĩ quanh-quẩn.

(7) Xem câu này thời cái tình-sự của Kiều với Kim-Trọng, Thúy-Vân cũng có biết.

Rằng : « Lòng đương thổn-thức đầy,
« Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
« Hở môi ra cũng thẹn-thùng,
« Để lòng thì phụ tấm lòng với ai !
« Cậy em, em có chịu lời,
« Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. (1)
« Giữa đường đứt gánh tương-tư,
« Keo loan (2) chắp mối tơ thừa mặc em.

---

(1) Càu này lời quá thấm-thiết, nghĩa là tất mong cho Vân phải nhận lời.

(2) *Keo loan*, bởi chữ 鸞 膠 *loan giao* ra. Theo sách cách-vật tàu khi xưa, lấy máu con chim loan chế làm keo, nối dây đòn rất bền. — Xưa đời Hán, miền Tây-hải dâng thứ *keo loan*. Vua Vũ-đế có dây cung đứt, lấy keo đó để nối, rồi mà bắn xuốt ngày không lại đứt, vua rất vui lòng, đặt tên cho thứ keo đó là 續 弦 膠 *tục huyền giao*, nghĩa là thứ keo nối dây cung. — Lại đời Tống, Đào-Cốc đi xứ sang xứ Giang-nam, được gặp một người yêu là Tản-nhược-Lan, ngủ với nhau một đêm, sau Cốc về, có làm bài ca từ gửi cho, trong có những câu rằng : 琵 琶 撥 盡 相 思 調. 知 音 少 ; 待 得 鸞 膠 續 斷 絃. 是 何 年 ? *Tỳ-bà bát tận tương-tư điệu, tri-âm thiểu : đãi đắc loan giao tục đoạn huyền, thị hà niên ?* Nghĩa là : đàn tỳ-bà đã gầy hết khúc tương-tư, mà người tri-âm có ít ; đợi được có keo loan để nối cái dây đứt, biết là năm nào ? Cứ trong câu đây, ba chữ « *mối tơ thừa* » thời là nói về dây đờn. – Hai chữ *keo loan* này, nhiều bản đã in ra quốc-văn đều là « *giao loan* ». Song nếu hẳn là nói chữ tàu thời chữ *loan* ở trên, chữ *giao* ở dưới ; nói sang quốc-văn ta thời chữ *giao* đó phải là *keo*. Chỉ vì chữ nôm ta khi xưa, viết cho ra chữ *keo* hơi khó ; cho nên người chép truyện cứ để luôn chữ 膠, coi cũng như chữ 車 là *xe*, chữ 旗 là *cờ* ; các bản in và chép nôm cùng đều theo như vậy. Đến các nhà in ra chữ quốc-ngữ không nhận xét chỗ đó, mà dịch âm là *giao*, thành ra nghĩa vẫn phải mà lời sai, lại nhận kỹ thời ra không có nghĩa. Vậy nay để là *keo loan*, cho được hợp với lời quốc-văn mà là nguyên-văn của tác-giả.

« Kể từ khi gặp chàng Kim.
« Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
« Sự đâu sóng gió bất kỳ,
« Hiếu, tình khôn nhẽ hai bề vẹn hai ?
« Ngày xuân em hãy còn dài,
« Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
« Chị dầu thịt nát, xương mòn,
« Ngậm cười chín suối (1) hãy còn thơm lây !
« Chiếc thoa (2) với bức tờ mây,
« Duyên này thì giữ, vật này của chung.
« Dù em nên vợ, nên chồng,
« Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.
« Mất người, còn chút của tin,
« Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.
« Mai sau, dù có bao giờ,
« Đốt lò hương ấy, so tơ phím này ;
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,
« Thấy hiu-hiu gió, thì hay chị về.
« Hồn còn mang nặng lời thề,
« Nát thân bồ-liễu, đền nghì trúc-mai.
« Dạ-đài (3) cách mặt, khuất lời,
« Rảy xin giọt nước cho người thác oan.

(1) *Ngậm cười* là bởi chữ 含 笑 *hàm tiếu*. *Chín suối* là bởi chữ 九 泉 *cửu tuyền*. Ngậm cười ở dưới chín suối, là nói dẫu chết cũng hả dạ.

(2) Chữ *thoa* đây, tức là chữ *thoa* trong câu « *Giở kim thoa với khăn hồng trao tay* ». Có nhiều bản đổi làm chữ *vòng*, hay *vành*, thêm việc mà mất cả âm-ưởng.

(3) *Dạ-đài* 夜 臺 là chỗ ở đêm tối, tức là nơi âm phủ.

« Bây giờ trâm gay, gương tan,
« Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân !
« Trăm nghìn gởi lạy tình quân,
« Tóc tơ vắn-vủn có ngần ấy thôi.
« Phận sao phận bạc như vôi ?
« Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ-làng.
« Ôi Kim-lang ! hỡi Kim-lang !
« Thôi thôi ! thiếp đã phụ chàng từ đây ! » (1)
Cạn lời, phách tán hồn bay,
Một hơi lặng ngất, đôi tay lạnh đồng.
Xuân, huyên chợt tỉnh .giấc nồng,
Một nhà tấp-nập kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang, người thuốc bời-bời,
Mới tan cơn vựng, chưa phai giọt hồng.
Hỏi (2) : « Sao ra sự lạ-lùng ? »
Kiều càng nức-nở, nói không ra lời.
Nỗi nàng, Vân mới rỉ tai :
« Chiếc thoa này, với tờ-bồi ở đây ! »
— « Này cha làm lỗi duyên mày,
« Thôi thì nỗi ấy sau này đã em !

---

(1) Trong cả quyền Kiều, văn tả tình không mấy đoạn dài hơn như đây. Đoạn này thật lâm-ly, mà như thế mới hết tình-sự.

(2) Chữ *hỏi* đây, thuộc hai chữ « *Xuân, huyên* » ở trên. Xuống đến câu « *Này cha làm lỗi...* » chỉ cứ nói luôn, cũng là theo một mạch văn cho được giản chữ.

«Vì ai rụng cải, rơi kim (1),
«Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
«Lời con dặn lại một hai,
«Dẫu mòn bia đá, dám sai tấc vàng!»
Lạy thôi, nàng lại thưa tường:
«Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi. (2)
«Xá chi thân phận tôi-đòi,
«Dẫu rằng xương trắng quê người, quản đâu!»
Xiết bao kể nỗi thảm sầu,
Khắc canh đã giục nam-lâu (3) mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyền, đâu đã giục người sinh-ly. (4)
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.
Trời hôm, mây kéo tối rầm,
Rầu-rầu ngọn cỏ, đầm-đầm cành sương.

---

(1) *Cải* là hột cải, để gần hổ-phách thì bắt vào; *kim* là cái kim, để gần đá nam-châm thì dính vào, ấy là cái vật ưa hợp nhau. Đây nói *«rụng cải rơi kim»*, nghĩa là làm cho tình duyên phải phân rẽ.

(2) Hai chữ *«nghĩa chàng»*, ngẫm ra rất buồn cười. Câu này, tác giả cũng vì cô Kiều được thể mà làm nũng.

(3) *Nam-lâu* là cái lầu ở phía nam, nói chỗ gác canh.

(4) *Quản* 管 là cái ống, là nói tiếng sáo. *Huyền* 弦 là dây đờn là nói tiếng đờn. *Sinh ly* 生 離 là sống mà lìa nhau. Có câu 悲 莫 悲 兮 生 別 離 *Bi mạc bi hề, sinh biệt ly.* (Kể cái thương chẳng gì đáng thương hơn là cùng sống mà phải xa lìa nhau.) — Câu này có một cái văn-tình rất hay: *Quản huyền* là tiếng vui, đặt với chữ *sinh-ly* là cảnh sầu, mà sự thực như thế. Ấy thật là «tả chân».

Rước nàng về đến trú-phường (1)
Bốn bề xuân khóa (2) một nàng ở trong.
Ngập-ngừng thẹn lục e hồng,
Nghĩ lòng lại xót-xa lòng đòi phen :
« Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
« Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai !
« Biết thân đến bước lạc-loài,
« Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung (3) !
« Vì ai ngăn đón gió đông,
« Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
« Trùng-phùng dù họa có khi,
« Thân này thôi có ra gì mà mong !
« Đã sinh ra số long-đong,
« Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »
Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này.
Đêm thu, một khắc một chầy,
Bâng-khuâng như tỉnh, như say một mình.

---

(1) *Trú phường* 住 房 là chỗ phố trọ.

(2) Chữ *khóa* đây, các bản đều là *tỏa*, như thế thời không đúng với quốc-âm. Xét ra, chỉ vì chữ 鎖 *tỏa* trong Hán-văn với chữ *khóa* của ta, thanh âm không xa nhau, cho nên người chép văn lười mà đề nguyên ; các nhà in ra quốc-ngữ cũng cứ theo thế, cũng như chữ *keo loan* mà cứ đề là *giao loan*, đều do ở chỗ không nhận xét.

(3) *Tình chung* bởi chữ 情 之 所 鍾 *tình chi sở chung*, nghĩa là cái tình chung-đúc vào đó.

Chẳng ngờ : gã (1) Mã Giám-sinh,
Vẫn là một đứa (2) phong-tình đã quen.
Quá chơi lại gặp hồi đen,
Quen vùng (3) lại kiếm-ăn miền nguyệt-hoa.
Lầu xanh (4) có mụ Tú-bà,
Làng chơi đã trở về già hết duyên.

---

(1) Chữ *gã* đây thật mới, mà nghĩ ra không thể có đặt chữ gì hơn. Tác-giả thật cũng đã tốn công.

(2) Chữ *đứa* cũng mới, đi theo với chữ gã, thiệt hay !

(3) Chữ *vùng* đây, nhiều bản in là *mùi*, hay *mồi*, thiệt đều không phải nghĩa. Phàm vật gì đã ăn thấy ngon mà rồi cứ ăn mãi, như thế là « *quen mùi* » ; sự gì đã kiếm ăn được mà rồi cứ kiếm mãi, như thế là « *quen mồi* ». Hai nghĩa đó, đều không hợp với tình-sự ở chỗ đây. Mã-Giám-Sinh nguyên là một người làng chơi, mà tốn hại đã lắm, mới xoay quanh lại làm chủ về việc chơi, tức như người thua bạc đã nhiều mà quay ra gá chứa để lại kiếm lời ở trong sự đánh bạc. Hai chữ « *quen vùng* », nghĩa là thế. Chữ *lại* trong câu đây, có ý « *trái lại* », nghĩa là chơi nguyệt-hoa thường phải mất tiền, mà Mã lại lấy làm chỗ kiếm-ăn.

(4) *Lầu xanh* bởi chữ 青樓 *thanh lâu* ra. Nguyên chữ « thanh-lâu » trong Hán-văn từ trước vẫn là nói chỗ ở của các nhà qui hiển, chỗ vua ở cũng có gọi là thanh-lâu. Đến khoảng đời Lương, Đường, các nhà thi-sĩ hay dùng chữ đó để nói về bọn gái ca xướng ; sau thành ra tiếng ấy chuyên dùng để gọi chỗ đĩ ở. — Lại từ tác-giả quyển Kiều dịch ra hai chữ « lầu xanh » đây, mà cũng thành tiếng thông dùng về xóm chơi của ta, vậy tiếng đó thực là của các nhà thi-sĩ.

Tình-cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt-cưa, mướp-đắng (1), đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phấn, bán hương đã lề.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn-chơi.
Rủi, may, âu cũng sự trời,
Đoạn-trường lại chọn mặt người vô-duyên ! (2)
Xót nàng chút phận thuyền-quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái-buôn.

(1) Bốn chữ này, theo các bản đã chú thời có hai nghĩa : 1) mặt cưa tức là cái lưỡi cưa, có nhiều răng ; quả mướp đắng thời da sần-sồ như những gai, đều nom ra gớm-ghiếc cả. — 2) Xưa có người lấy mạt cưa (tức là cám cưa) giả làm cám đem bán, lại gặp kẻ bán quả mướp đắng dại, hay lấy mướp đắng giả dưa chuột, đều phường giả-dối cả. Nghĩa sau thời viết là *mạt cưa*. — Theo như nghĩa trước, có lẽ thông thường mà tường bạch hơn ; nhưng dù sao, cũng có thể nhận biết chỉ là nói những phường người đáo-để cả.

(2) Từ câu : *« Chẳng ngờ gã Mã-Giám-sinh »* đến chữ *«... dạy nghề ăn chơi »*, chỉ lấy hai chữ *« Chẳng ngờ »* mà đem tung-tích của bọn lầu xanh ở Lâm-chi tả chèn vào, rồi hai câu đây thời lại chuyển nói về việc Kiều. Văn-chương đến những chỗ như đây, thật đã tốn nhiều công khuôn xếp.

Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính-nghi rẻ giá, nghinh-hôn sẵn ngày. (1)
Mừng thầm : «Cờ đã đến tay, (2)
«Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng ! (3)
«Đã nên quốc-sắc, thiên-hương. (4)
«Một cười này, hẳn nghìn vàng chẳng ngoa. (5)
«Về đây, nước trước bẻ hoa,
«Vương-tôn quí-khách, ắt là đua nhau.
«Hẳn ba trăm lạng kém đâu,
«Cũng đà vừa vốn, còn sau thì lời.
«Miếng ngon kề đến tận nơi,
«Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.

---

(1) *Sính-nghi* 聘儀 là đồ lễ cưới ; *nghinh-hôn* 迎婚 là đón dâu ; *rẻ giá* là không còn thách-thức gì nữa ; sẵn ngày là muốn ngày nào cũng được, không cần chọn ngày. Chỉ tám chữ tả ra cái đám cưới cô Kiều thật hay, mong rằng các người xem truyện không bỏ qua, mà càng nên nhận cái hay của tác-giả không chỉ ở những câu bóng-bẩy.

(2) «Cờ đến tay ai, người ấy phất», là câu ngạn-ngữ.

(3) Vì chữ *«ngọc»* ở trên, cho nên đặt chữ *vàng*, chỉ là nói trong lòng nghĩ.

(4) *Quốc-sắc* 國色 là nhan sắc đẹp hơn cả nước ; *thiên-hương* 天香 là hương trời, đã có ở câu *«... gãy cành thiên-hương »*.

(5) Câu này lấy bởi chữ 一笑千金 *nhất tiếu thiên kim*, một cái cười, đáng giá nghìn lạng vàng.

« Đào tiên đã bén tay phàm,
« Thì vin cành quít, cho cam sự đời (1) !

---

(1) Câu này, một chữ *« quít »* thật khó giải nghĩa, cho nên các bản đều khác nhau ; xin lược dẫn các lời và riêng có xét-đoán : Trong bản của cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn thơ vịnh quít của Lương Văn-Đế hai câu rằng : 攀 枝 折 縹 幹. 甘 旨 若 瓊 漿 *Phan chi chiết phiếu cán, cam chỉ nhược quỳnh-tương.* (Vin cành quít, bẻ cành nhỏ, có quả ngon ngọt như nước ngọc quỳnh). — Trong bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim dẫn hai câu Tô-thi rằng : 老 人 遊 戲 如 童 子. 不 折 梅 枝 折 橘 枝. *Lão-nhân du hí như đồng-tử, bất chiết mai chi chiết quất chi.* (Người già chơi như trẻ con, không bẻ cành mai, lại bẻ cành quít). — Trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm thời cho nghĩa chữ *« quít »* là *« cụp xuống »*, nghĩa là « ...*Vin cho cành đào quít xuống* ». — Trong bản của ông Nguyễn-văn-Vĩnh thời không đề chữ *quít* mà đề là *tít* chắc ông vì chữ *quít* ngang nghĩa, cho nên bỏ đi, mà đề chữ *tít*, lấy nghĩa ở cành cao tít. — Cứ tôi xét về câu này thời chữ đó vẫn là chữ *quít* mà các lời chú giải dẫn trên, đều không phải là nguyên-ý của tác-giả. Khúc vấn này, một câu trên sáu chữ *« Đào tiên đã bén tay phàm »*, Tác-giả đã ấn-định là như ý ; hạ một vần *cam* ở câu dưới lại là đắc-ý lắm, vì vần này khó gieo mà được chữ *cam* đó thật là đậm-đà, trên dưới đều hài lòng, mà còn mấy chữ phần trên ở câu tám, theo thế văn chỉ có đặt *« Thời vin cành đào »* là xuôi nghĩa, mà chữ *đào* lại là tiếng bằng, không thể đặt được ; ngoài chữ *đào* ra, kiếm được một chữ khác đặt vào mà có thể giữ được giá-trị của câu, thật khó. Trong khi quẫn-bách về một chữ, mà tại tiếc cái bóng-bẩy của một câu, tác-giả mới đem chữ *quít* đặt tạm đó để thế nghĩa cho chữ *đào*, mà ở dưới ăn đi với chữ *cam*, rất là có hứng-thú. Sự đặt tạm ấy rồi sau cũng không thể thay được, tác-giả đành cứ để luôn, nhất là hay, nhị là dở, phần nhận nghĩa phó mặc người xem văn. Văn-chương đến chỗ ấy, thật là ngang-tàng ; ngoài cụ Nguyễn-Du, ít người dám có chữ như thế. Nay ta đọc đến câu này, biết đó là chữ *quít*, mà cứ nhận nghĩa cho nó là chữ *đào*, ấy là tri-kỷ của tác-giả.

« Dưới trần mấy mặt làng chơi,
« Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa !
« Nước vỏ lựu, máu mào gà,
« Mượn mầu chiêu-tập lại là còn nguyên. (1)
« Mập-mờ đánh lận con đen (2),
« Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi ?
« Mụ già hoặc có điều gì,
« Liều công mất một buổi quì mà thôi.
« Vả đây đường-sá xa-xôi,
« Mà ta bất động, (3) nữa người sinh nghi. »
Tiếc thay ! Một đóa trà-mi (4),
Con ong đã mở (5) đường đi, lối về !

(1) Vỏ cây thìu-lịu sắc lấy nước, hòa với máu lấy ở mào con gà, dùng để rửa sau khi khách chơi thời lại được như mới. Ấy là một cách giả-dối của đám lầu xanh để lừa bọn du-khách.

(2) *Con đen* là nói những hạng khách chơi ngu ngốc ; *đen* nghĩa là đen đầu.

(3) *Bất động* 不動 nghĩa là chẳng đụng đến. Hai chữ này tầm-thường mà rất hay, nói cho ai cũng hiểu nghĩa mà không tục, lại là khẩu-khí của Mã với tình sự lúc ấy. — Hai câu đây là lời Mã Giám-Sinh kiếm lý.

(4) Hai chữ này, trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm đề là *đồ-my* thực đúng chữ Hán hơn. Nay theo tiếng thường đã quen đọc, để là trà. — Bao câu trên còn đương tả bụng nghĩ của Mã-Giám-Sinh, xuống hai chữ *« tiếc thay ! »* nói luôn vào sự-thực, mạnh mà nhanh.

(5) Chữ này, có bản viết là *tỏ*, cũng hay.

Một cơn mưa gió nặng-nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương (1).
Đêm xuân một giấc mơ-màng,
Đuốc hoa (2) để đó, một nàng nằm trơ!
Nỗi riêng tầm-tã tuôn mưa,
Phần căm nỗi khách, phần dơ nỗi mình:
« Tuồng chi là giống hôi tanh,
« Thân nghìn vàng (3) để ô danh má hồng!
« Thôi còn chi nữa mà mong,
« Đời người thôi thế là xong một đời! »
Giận duyên, tủi phận bời-bời,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên sinh (4).
Nghĩ đi, nghĩ lại một mình:
« Một mình thì chớ, hai tình thì sao (5)?

---

(1) Bởi những chữ 憐 香 惜 玉 *liên hương tích ngọc.*

(2) *Đuốc hoa* bởi chữ 花 燭 *hoa chúc*, là cái đèn thắp trong đêm vợ chồng mới cùng nhau vào buồng. — Hai chữ « *Đuốc hoa* » là cảnh vui, đặt đi với sáu câu dưới, họa ra một cảnh rất sầu. — Chữ *một* trong câu đây, có nhiều bản để là *mặc*, như thế e nôm quá mà thừa nghĩa.

(3) Hán văn có chữ 千 金 之 軀 *thiên kim chi khu*, là cái thân đáng giá đến nghìn vàng.

(4) *Quyên sinh* 捐 生 là bỏ sự sống, tức là nói tự tử.

(5) Nói là nghĩ đến hai thân.

« Sau dầu sinh sự thế nào,
« Truy nguyên, (1) chẳng kẻo lụy vào song-thân.
« Nỗi mình âu cũng giãn dần,
« Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi ! »
Những là đo-đắn ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái tường.
Lầu mai vừa rúc còi sương (2),
Mã-sinh giục-giã vội-vàng ra đi.
Đoạn trường thay, lúc phân kỳ (3) !
Vó câu khấp-khểnh, bánh xe gập-ghềnh.
Bề ngoài mười dặm tràng-đình (4),
Vương-ông mở tiệc tiễn-hành đưa theo.
Ngoài thì chủ khách dập-dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã-chã giọt hồng (5),
Rỉ tai, nàng mới giãi lòng thấp cao :
« Hồ sinh ra phận thơ-đào,
« Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?

(1) *Truy nguyên* 追原 là tìm xét đến căn-nguyên, hai chữ này như riêng thuộc về chữ việc quan.

(2) Tiếng hiệu ở chỗ điếm canh.

(3) *Phân kỳ* 分岐 là chia đường, tức là kẻ ngược người xuôi.

(4) Đời nhà Tần bên Tàu, cứ mười dặm đường dài thời có một cái quán trạm, chữ Hán là 十里長亭 *thập lý trường đình*.

(5) *Giọt hồng* là nước mắt rất thắm-thiết, đỏ như máu.

« Lỡ-làng nước đục, bụi trong (1).
« Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
« Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
« Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già :
« Khi về, bỏ vắng trong nhà,
« Khi vào dùng-dắng, khi ra vội-vàng,
« Khi ăn, khi nói lỡ-làng,
« Khi thầy, khi tớ, xem thường, xem khinh.
« Khác màu kẻ quí, người thanh,
« Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buôn.
« Thôi con, còn nói chi con,
« Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người ! »
Vương-bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên,
Mái ngoài, nghỉ đã giục liền ruổi xe.
Xót con, lòng nặng chề-chề,
Trước yên ông đã năn-nì thấp cao :
« Chút thân yếu liễu, thơ đào,
« Rấp nhà đến nỗi mắc vào tôi ngươi.

(1) Nước phải đục, bụi phải trong, cảnh-ngộ của người đời có nhiều khi ngang trái. Đây bởi chữ 水濁塵清 *thủy trọc trần thanh.*

«Từ đây góc bể bên trời,
« Nắng mưa thui-thủi quê người một thân.
« Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân (1),
« Tuyết sương che-chở cho thân cát đằng (2). »
Cạn lời, khách mới thưa rằng :
« Buộc chưn, thôi cũng xích-thằng nhiệm trao (3).
«Mai sau dầu đến thế nào,
« Kìa gương nhật nguyệt, nọ dao quỉ thần ! » (4)
Đùng-đùng gió giục mây vần,
Một xe trong cõi hồng-trần (5) như bay.
Trông vời, gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm-thẳm, đêm ngày đăm-đăm.
Nàng thì dặm khách xa-xăm,
Bạc phau cầu giá (6), đen rầm ngàn mây.

---

(1) *Tùng* 松 là cây thông, *quân* 筠 là cây tre to, là những cây có thể có nhiều bóng.

(2) *Cát đằng* 葛 藤 là những thứ dây mọc phải nhờ vào cây lớn mới lên được cao lớn.

(3) Chữ *xích-thằng*, nghĩa đã có ở trên. — Chữ *nhiệm* đây có bản chua nghĩa là *sẵn*, có bản chua là *mầu-nhiệm*, có bản lại in là *nhuốm*, nghe đều chưa ra nghĩa sao.

(4) Câu này là lời thề.

(5) *Hồng trần* 紅 塵 là bụi đỏ, tức là nói ở trên đường cái thiên-lý. — Dứt lời Mã-sinh, lại tả vào sự-thực, hai câu rất mạnh, khiến cho hết nỗi vương-vấn. Câu này nghĩ như cái xe ô-tô ngày nay mới phải, tác-giả thật quá là văn-chương.

(6) *Bạc phau cầu giá* là tả cảnh sang mùa rét, mà trên cầu giá (băng) đóng trắng phau. Song ngờ mùa thu làm gì đã có giá? Cho nên trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn lại chua là dùng điển cầu ô-thước, càng không thấy hợp nghĩa.

Vi-lô san-sát hơi may, (1)
Một trời thu để riêng say (2) một người.
Dặm khuya ngất tạnh, mù khơi (3),
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông !
Rừng thu rỗ biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn (4) !
Những là lạ nước, lạ non,
Lâm-tri (5) vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoát trông nhờn-nhợt màu da,
Ăn chi cao lớn, đẫy-đà làm sao ? (6)
Trước xe, lơi-lả han chào.
Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mày ngài ;
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi ;
Giữa thì hương-án hẳn-hoi,
Trên treo bức tượng trắng đôi lông mày.

---

(1) *Vi-lô* 葦 蘆 là lau sậy. *Hơi may* là hơi gió thu.

(2) Chữ này nhiều bản để là *ai*, song e trong câu có hụt nghĩa.

(3) Tả cảnh đi đêm trông cảnh trời buồn-bã.

(4) *Thần hôn* 晨 昏 là sớm, tối. Đạo con thờ bố mẹ, sớm tối thăm nom.

(5) *Lâm-tri* 臨 淄 là tên huyện, đời nhà Minh thuộc phủ Thanh-châu, tỉnh Sơn-đông, nay thời thuộc đạo Giao-đông ở Sơn-Đông. Xưa từ đời nhà Chu, nước Tề đóng quốc-đô ở đó, cho nên có vẻ phồn-thịnh.

(6) Hai câu tả Tú-bà, đã mất nhiều công nghĩ.

Lầu xanh, quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên-sư. (1)
Hương hoa hôm sớm phụng thờ ;
Cô nào xấu vía, có thưa mối hàng (2),
Cởi xiêm, trút áo sỗ-sàng,
Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương lầm-dầm.
Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,
Bướm ong bay lại ầm-ầm tứ vi ! (3)
Kiều còn ngơ-ngẩn biết gì,
Cứ lời, lạy xuống, mụ thì khấn ngay :
« Cửa hàng buôn bán cho may,
« Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu (4).
« Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
« Xôn-xao anh yến, dập-dìu trúc mai !
« Tin nhạn vẩn, lá thư bời, (5)
« Đưa người cửa trước, rước người cửa sau ! »

---

(1) Mấy câu nói được rất rõ, không phiền các nhà chú giải.

(2) Hai câu đây kém liền, vì câu tám chữ này phải ăn nghĩa xuống dưới.

(3) Mấy câu đây nói ả nào không được tốt khách, thời cúng thần một cách như thế, rồi đổi hoa khác lấy cái hoa đã cúng đem lót xuống chiếu, sẽ được đông khách ngay.

(4) *Hàn thực* 寒食 là ngày tết cấm sự ăn có dùng đến lửa, vào khoảng tháng ba, trước tết thanh-minh hai ngày. Tục truyền xưa có ông Giới-tử Thôi là một người hiền-nhơn quân-tử mà bị chết đốt oan ở trong rừng, cho nên người đời sau cám thương, cứ đến ngày ấy thời không dùng đến lửa. *Nguyên tiêu* 元宵 là ngày tết rằm tháng giêng. Câu này ý nói là ngày đêm lúc nào cũng được như ngày hội, ngày tết.

(5) Nói các thư-tín của làng chơi đưa đến nhiều.

Lạ tai, nghe chửa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dở-dang.
Lễ xong hương-hỏa gia-đường,
Tú-bà vắt-vẻo (1) lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: « Con lạy mẹ đây,
« Lạy rồi, sang lạy cậu mày bên kia ».
Nàng rằng: « Phải bước lưu-ly,
« Phận hèn vâng đã cam bề tiểu-tinh (2).
« Điều đâu lấy yến làm anh,
« Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì?
« Đủ điều nạp-thái vu-qui (3),
« Đã khi chung-chạ, lại khi đứng ngồi. (4)
« Giờ ra (5) thay bậc đổi ngôi,
« Dám xin gởi lại một lời cho minh ».
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành (6) mụ lên:
« Này này sự đã quả-nhiên,
« Thôi đà cướp sống chồng min (7) đi rồi!

---

(1) Chữ này, nhiều bản viết là *nóc: vắt nóc* nghĩa là ngồi vắt chân nọ lên chân kia. Chữ đó, ở Bắc thật ít nói, cho nên để chữ *vẻo* cho được thông thường.

(2) *Tiểu tinh* 小星 nghĩa đen là ngôi sao bé; mà nguyên chữ ở kinh Thi thời là nói phận người tỳ-thiếp.

(3) Nghĩa đã có ở trên.

(4) Nói là đã ăn nằm với nhau.

(5) *Giờ ra* là bây giờ lại té ra...

(6) *Tam Bành* là ba vị hung-thần trong minh người, hay xui giục cho người ta giận dữ. Ấy là lời nói trong sách Phật.

(7) Chữ *min* là tiếng Trung-kỳ, cũng như tiếng *ta* ở Bắc

«Bảo rằng: Đi dạo lấy người,
«Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
«Tuồng vô-nghĩa, ở bất-nhân,
«Buồn mình, trước đã tần-mần thử chơi.
«Màu hồ đã mất đi rồi,
«Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
«Con kia đã bán cho ta,
«Nhập gia (1) phải cứ phép nhà ta đây.
«Lão kia có giở bài-bây,
«Chẳng văng vào mặt, mà mày lại nghe!
«Cớ sao chịu trót một bề,
«Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao!
«Phải làm cho biết phép tao!»
Chập bì-tiên (2), rắp sẵn vào ra tay.
Nàng rằng: «Trời thẳm, đất dày!
«Thân này đã bỏ những ngày ra đi!
«Thôi thì thôi có tiếc gì!»
Sẵn dao tay áo, tức thì giở ra.
Sợ gan, nát ngọc liều hoa!
Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.
Thương ôi, tài sắc bậc này,
Một dao oan-nghiệt, rứt dây phong-trần.

---

(1) *Nhập gia* 入家 nghĩa là vào nhà, có bản để luôn là *vào nhà*, cũng tiện.

(2) *Bì tiên* 皮鞭 là cái roi bằng da.

Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chật một lần như nêm.
Nàng thì bẳn-bặt giấc tiên,
Mụ thì cầm-cập, mặt nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi-sóc, rước thầy thuốc-men.
Nào hay chưa hết trần-duyên,
Trong mê dường đã đứng bên một nàng (1).
Rỉ rằng : « Nhân quả (2) dở-dang,
« Đã toan trốn nợ đoạn-tràng được sao !
« Số còn nặng nghiệp má-đào,
« Người dù muốn quyết, (3) trời nào đã cho !
« Hãy xin hết kiếp liễu-bồ (4),
« Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau. » (5)
Thuốc-thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã giàu-giàu vừa tan.

---

(1) Có bản để là « *Trong mê đã thấy Đạm-Tiên rõ-ràng* », như thế cũng càng rõ.

(2) *Rỉ* là nói nhỏ. — *Nhân* 因 là cái phần làm ra. *Quả* 果 là cái phần được thế. Có nhân thì có quả. *Dở-dang* nghĩa là số kiếp còn chưa xong.

(3) Chữ này, các bản đều để là *quyết*. Riêng tôi thường nghe có nhiều người kể truyện thường hay đọc là *thác*, xin phụ biên.

(4) *Liễu bồ* 柳 蒲 là những cây mềm yếu, thường nói ví là phận gái.

(5) *Đạm-Tiên* là ma, mà là một vai hay nhất ở trong truyện.

Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên-giải mơn-man gỡ dần :
« Một người dễ có mấy thân !
« Hoa xuân đương nhụy, ngày xuân còn dài.
« Cũng là lỡ một, lầm hai,
« Đá vàng chi nỡ ép nài mưa mây (1) !
« Lỡ chưn (2) trót đã vào đây,
« Khóa buồng xuân, để đợi ngày đào non (3).
« Người còn, thì của hãi còn,
« Tìm nơi xứng-đáng làm con-cái nhà (4).
« Làm chi tội báo oan gia, (5)
« Thiệt mình, mà hại đến ta hay gì ? »
Kề tai mấy nỗi năn-nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch-ròi.

---

(1) *Đá vàng* là nói gan dạ. *Mưa mây* là nói sự tiếp khách.

(2) Hai chữ này, các bản đều như đây, mà cũng thường nghe có người kể đọc là *sa chơn.*

(3) *Đào-non* bởi chữ 桃 夭 *đào yêu.* Chữ trong kinh Thi, là nói thì lấy chồng. — Tám chữ này thật là ngọt lời ; nếu việc đời quả thật như thế, thời Kiều không có truyện.

(4) *Làm con cái nhà* nghĩa là : làm dâu con nhà người là nơi xứng-đáng ấy. Chữ *làm*, có bản đề là *là*, e rằng sai.

(5) Theo lời chú trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn thời bởi chữ 冤 冤 相 報 *oan oan tương báo* của nhà Phật. Song cứ bốn chữ này, nghe đã gần ra tiếng nôm, như ta thường nói *« ác báo ».*

Vả trong thần-mộng mấy lời, (1)
Túc-nhân (2) âu cũng có trời ở trong. (3)
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ trồng kiếp sau! (4)
Lặng nghe, thấm-thía gót đầu (5),
Thưa rằng: « Ai có muốn đâu thế này.
« Được như lời thế là may,
« Hẳn rằng mai có như rày cho chăng?
« Sợ khi ong bướm đãi-đằng (6),
« Đến điều sống đục, sao bằng thác trong! »
Mụ rằng: « Con hãy thong-dong,
« Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi!
« Mai sau ở chẳng như lời,
« Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. » (7)

---

(1) *Thần mộng* 神夢 là mộng thấy quỉ thần bảo, tức nói về lời Đạm-Tiên mấy câu trên đây.

(2) *Túc nhân* 夙因 là cái nhân-duyên có sẵn từ trước; câu này tức là ý nói như có tiền-định.

(3) Trong một đoạn này dẫn việc Đạm-Tiên báo mộng, có hai cái hay: Một là đem việc Tiền-đường nói trước lên, cho đến sau có thực, tức là lối văn trong Tả-truyện hay làm ra trương-bản. Hai là vì có lời Đạm-Tiên khuyên bảo, cho nên Kiều không quyết quyên sinh; chớ nếu không có cái thần-mộng ấy thời Thúy-Kiều chưa hẳn đã chịu sống ở lầu xanh. Chỗ đó là tác-giả khéo bênh-vực cái giá-trị cho người trong truyện của mình vậy.

(4) Câu này nhiều bản đề khác nhau. Các bả đề như đây thời chữ *trồng* nghĩa là trồng-chất lên. Lại cũng có những bản đề là « Làm chi thời cũng một chồng kiếp sau » thời lại nhận đi nghĩa khác.

(5) Hai chữ *thấm-thía*, có bản đề là *ngẫm-nghĩ*.

(6) *Đãi-đằng* là bảo nhau túm đông lại. *Ong bướm đãi-đằng* cũng tức là *xôn-xao anh yến* mà nói ra nghĩa xấu.

(7) Câu thề, cũng như « *Kìa gương nhật nguyệt...* »

Thấy lời quyết-đoán hẳn-hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi-nguôi dần.
Trước lầu Ngưng-bích (1) khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát-ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, (2) bụi hồng dặm kia.
Bẽ-bàng mày sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống hãy rày mong mai chờ.
Bên trời góc bể bơ-vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai, (3)
Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ?
Sân Lai (5) cách mấy nắng mưa,

---

(1) *Ngưng-bích* 凝碧 tên cái lầu. Nghĩa đen là đọng lại cái sắc biếc.

(2) Những nơi liền biển, cát ở biển bị sóng đánh cồn lên, như những cái gò to mà dài, như thế là *cồn cát*. *Cồn cát* ấy có bóng tà-dương soi thời trông ra thật vàng. Kiều khi đó ở Lâm-Tri gần biển, cho nên tả cảnh trông thấy như vậy.

(3) *Tựa cửa* là bởi chữ 倚 門 *Ỷ môn*; bà mẹ Vương-tôn Giả thường tựa cửa mong con.

(4) Trời nồng nực thì quạt, trời rét lạnh thì ấp, là đạo con thờ phụng bố mẹ; bởi chữ 冬 溫 夏 凊 *đông ôn hạ sảnh* trong kinh Lễ.

(5) Chữ *Lai* là ông *Lão-Lai* 老 萊. Ông Lão-Lai thủa xưa tuổi đã già, mà thường mặc áo sặc-sỡ múa ở sân, cho được vui lòng cha mẹ.

Có khi gốc tử đã vừa người ôm (1).
  Buồn trông cửa bể gần hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa-xa ?
  Buồn trông ngọn nước mới xa ?
Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?
  Buồn trông nội cỏ dầu-dầu,
Chưn mây mặt đất một mầu xanh-xanh.
  Buồn trông gió cuốn mặt duềnh (2),
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. (3)
  Chung-quanh những nước non người,
Đau lòng lưu-lạc, nên vài bốn câu.
  Ngậm-ngùi rủ bức rèm châu, (4)
Cách tường, nghe có tiếng đâu họa vần.
  Một chàng vừa trạc thanh-xuân,
Hình dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.
  Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương, (5)
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh. (6)

---

(1) Chữ *tử* là cây 梓 *tử*. Cây dâu và cây tử, tay bố mẹ trồng ra, cho nên coi như thể bố mẹ, lấy chữ trong kinh Thi. — Hai đoạn đây mỗi đoạn một chữ *người*. Chữ *người* ở đoạn trên, nói chàng Kim. Chữ *người* ở đoạn dưới nói ông bà Viên-ngoại. Tám câu đây tức là diễn hai chữ *« nửa tình »* ở câu trên.

(2) Chữ này, có nhiều bản đề là *gành, ghềnh.*

(3) Những cảnh tả đây đều là ở lầu nom ra thấy. Tám câu này tức là diễn hai chữ *« nửa cảnh »* ở trên.

(4) *Rèm châu* là bức Rèm kết ngọc châu làm nên, bởi chữ 珠簾 *châu liêm* ra.

(5) *Thư hương* 書香 là cái thơm của sách vở. *Mạch thư-hương* là nói con nhà học-trò.

(6) *Sở-Khanh* 楚卿. Hai chữ này đành là tên người, mà chữ *Sở* chưa hẳn có phải là họ ? vì ở các sách ít thấy có họ đó.

Bóng nga thấp-thoáng dưới mành, (1)
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-đai (2).
« Than ôi ! sắc nước hương trời, (3)
« Tiếc cho đâu bỗng lạc-loài đến đây ?
« Giá đành trong nguyệt trên mây,
« Hoa sao, hoa khéo đọa-đày bấy hoa ?
« Tức gan riêng giận trời già,
« Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng ?
« Thuyền-quyên (4) ví biết anh-hùng,
« Ra tay tháo cũi, xổ lồng, như chơi ! »
Song thu (5) đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng (6) mấy lời sắt đanh.
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cám lòng chua-xót, lạt tình chơ-vơ (7).

---

(1) Hai chữ « *bóng nga* » trong câu đây, ở bản của ông Hồ-đắc-Hàm cho là « *bóng nàng Kiều* » mà nhận chữ *nga* là nghĩa *tố-nga ;* ở bản của cụ Bùi-khánh-Diễn thời chua là « bóng cung giăng » mà cũng nhận là bóng của Kiều. Theo tôi thiển-nghĩ *bóng nga* cứ là bóng trăng, cũng như ở trong câu« *một mình lặng ngắm bóng nga* », vì có cái bóng trăng thấp-thoáng ở dưới mành, cho nên trông thấy nàng Kiều ; chớ không cần giải là trỏ vào Kiều.

(2) Hai chữ « *đeo-đai* », mấy bản đều chua là *quyến-luyến*. Hai chữ này có lẽ là tiếng cổ, hiện nay thấy ít có nói đến.

(3) Tức là nghĩa chữ « *quốc sắc thiên hương* » đã có chua ở trên.

(4) *Thuyền quyên* 嬋娟 là người con gái đẹp thùy-mỵ.

(5) *Song thu* là cửa sổ buổi mùa thu.

(6) *Đồng vọng* là nghe thấy văng-vẳng. Hai chữ này như cũng là tiếng cổ, có ý trong mà xa.

(7) Như thấy có người thương đến mình, mà tự-nhiên khuây bớt nỗi buồn lưu-lạc.

Những là lần-lữa nắng mưa,
Kiếp phong-trần biết bao giờ là thôi? (1)
Đánh liều nhắn một hai lời,
Nhờ tay tế-độ (2) vớt người trầm-luân. (3)
Mảnh tiên (4) kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo-đáp, nỗi thân lạc-loài (5).
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng (6) nàng mới nhắn lời gởi sang.
Trời tây lãng-đãng (7) bóng vàng,
Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.
Mở xem một bức tiên-mai (8),
Rành-rành « *tích-việt* » (9) có hai chữ đề.
Lấy trong ý-tứ mà suy:
« Ngày hai mươi mốt, tuất thì (10) phải chăng? »

---

(1) Bởi một sự nghĩ đây, cho nên mới có sự « đánh liều » ở sau.

(2) *Tế-độ* 濟渡 là nghĩa cứu vớt.

(3) *Trầm luân* 沉淪 là nghĩa đắm-đuối.

(4) *Mảnh tiên* là mảnh giấy viết thơ.

(5) Câu này ý là tóm kể từ lúc ngộ-biến.

(6) *Tiện hồng* là nhân tiện cánh chim hồng mà gửi thư. — Chữ *hồng* đây cũng tức như chữ *nhạn*. Hai chữ này lời đặt thực đẹp, duy đối với tình-sự lúc ấy, e chưa được minh-bạch. Thúy-Kiều trong lúc bấy giờ có thể cậy người đưa cho Sở-Khanh? hay chỉ là viết thư mà quăng liệng sang? Hai chữ « *phục thư* » ở câu dưới kia, cũng vậy.

(7) *Lãng-đãng* nghĩa cũng như lơ-lửng, là ý thiên-đi không định. Có bản đề là *bảng-lảng*, cũng vậy.

(8) *Tiên mai* là tờ giấy viết thư có vẽ cành hoa mai.

(9) Hai chữ *tích-việt* 昔越, nát ra nét thời là 廿 一 日 走 戌, *chấp nhất nhật tẩu tuất*, nghĩa hiểu tắt là *ngày 21 giờ tuất, ra đi*.

(10) *Tuất thì* 戌時 tức là giờ tuất: từ 7 giờ đến 9 giờ buổi tối.

Chim hôm thoi-thót về rừng,
Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành.
Tường đông lay động bóng cành,
Dẩy song, đã thấy Sở-Khanh lén vào.
Sượng-sùng đánh dạn ra chào,
Lạy thôi, nàng mới rỉ trao ân-cần.
Rằng: « Tôi bèo bọt chút thân,
« Lạc đàn (1) mang lấy nợ-nần én anh.
« Dám nhờ cốt nhục, tử sinh (2),
« Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau! » (3)
Lặng nghe lẩm-nhẩm gật đầu:
« Ta đây nào phải ai đâu? mà rằng!

---

(1) *Lạc đàn* là nói cảnh lìa cửa lìa nhà, như con chim lạc đàn. *Nợ nần én anh*, là nói mắc vào lầu xanh.

(2) Câu này nói sự mong ơn, như xương mà làm cho ra có thịt, chết mà làm cho sống lại được. Bốn chữ *cốt nhục tử sinh* 骨肉死生 có bởi ở những câu trong sách Hán, như 生既死而肉白骨, *sinh ký tử nhi nhục bạch cốt* hay là 肉白骨而生死人 *nhục bạch-cốt nhi sinh tử-nhân*, đại-khái cùng nghĩa như vậy.

(3) Câu này nói sự biết ơn sẽ xin còn báo đáp về lâu, như những truyện *kết cỏ, ngậm vành* vậy. — Xưa có chuyện Ngụy Thù nước Tấn đi đánh giặc, thấy như có ông già cứ quấn cỏ vào chân giặc, vì thế mà mình thành ra được. Đêm về nằm mơ thấy có ông già báo mộng rằng: vì khi trước ông có ơn với người con gái của tôi, để cho được sống, vậy nay tôi báo ơn. — Lại một chuyện nữa là đứa trẻ con bắt được con chim non mà không làm chết, thả cho bay đi, sau lâu ngày thấy có con chim ngậm chiếc vòng vàng bay tới, đánh rơi xuống để cho biết sự sự trả nghĩa.

« Nàng đà biết đến ta chăng,
« Bể trầm-luân, lấp cho bằng mới thôi! » (1)
Nàng rằng: « Muôn đội ơn người,
« Thế nào? xin quyết một bài cho xong. »
Rằng: « Ta có ngựa truy-phong (2),
« Có tên dưới-trướng, vốn dòng kiện-nhi (3).
« Thừa cơ (4) lén bước ra đi,
« Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn (5).
« Dù khi gió kép, mưa đơn,
« Có ta đây cũng chẳng cơn-cớ gì! »
Nghe lời, nàng đã sinh nghi, (6)
Song đà quá đỗi, quản gì được thân.
Cũng liều nhắm mắt, đưa chân,
Mà xem con Tạo xoay vần đến đâu!

---

(1) Câu này tức ứng với câu « *nhờ tay tế-độ vớt người trầm-luân* »; nghe thật sang-trọng, như thế thời thật là « *anh-hùng* », mà đó mới thật là giọng Sở-Khanh.

(2) *Truy-phong* 追風 nghĩa là theo gió, là nói con ngựa nhanh.

(3) *Dưới trướng* bởi chữ 帳下 *trướng hạ*, kẻ đứng ở dưới màn, tức là những thằng hầu. — *Kiện nhi* 健兒 là thằng bé mạnh giỏi.

(4) *Thừa cơ* 乘機 là rình nhân cái cơ-hội có thể.

(5) Câu này, tức là theo ý của hai chữ « *tích việt* » đã định, mà trả lời câu « *Thế nào xin quyết...* ». Lời đây thì lấy ở chữ 三十六計. 走爲上策 *tam thập lục kế, tẩu vi thượng-sách*. Nghĩa là: trong ba mươi điều suy nghĩ, chỉ có chạy đi là hơn.

(6) Tức có ý ngờ vì nói quá.

Cùng nhau lén bước xuống lầu,
Song-song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu khắc vợi, canh tàn (1),
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ nhợt mầu sương (2),
Lòng quê (3) đi một bước đường, một đau.
Tiếng gà xao-xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mái sau dậy-dàng (4).
Nàng càng thổn-thức gan vàng.
Sở-Khanh đã giẽ dây cương lối nào!
Một mình khôn biết làm sao,
Dặm rừng bước thấp bước cao hãi-hùng.

---

(1) Câu này, chữ *vợi*, các bản đều đề chữ *lậu* là lầm; mà chữ *thâu* thì có nhiều bản đề là *thu*. Song cứ theo văn thế và tôi có được nghe, thì chữ *thâu*, chữ *vợi*, chữ *tàn*, ba chữ cùng nghĩa mà có hơi khác, nghĩa là đêm càng thâu, khắc càng vợi, canh càng tàn. Câu đây và câu sau, thực là hai câu tả tình-cảnh rất hay, cho nên cần phải biện-bạch. Một chữ *trút* ở câu dưới, nghe cũng khác thường, đủ thấy chỗ dụng-công của tác giả.

(2) Tả cảnh con đường con ở trong rừng, nguyên không phải là đường cái chính, chỉ vì có người đi nhiều mà cỏ mòn lụi đi; lại phần vì đêm có sương cho nên trông ra nhờn-nhợt mầu sắc. Sáu chữ cũng rất công-phu.

(3) Kiều khi đó chính trong bước lưu-lạc, cho nên nói đến hai chữ «*lòng quê*», nghĩa là trong lòng thường động nhớ đến quê hương, cho càng thấy cái lưu-lạc là đau-đớn. Bốn câu này tả cái tình-cảnh Thúy-Kiều khi ấy, thiệt là lâm-ly.

(4) *Dậy-dàng* là nghe thấy lao-xao ồn-ào.

Hóa-nhi thiệt có nỡ lòng!
Làm chi? giày tía vò hồng lắm nau! (1)
Một đoàn đồ đến trước sau,
Vuốt đâu xuống đất, cánh đâu lên trời.
Tú-bà tốc thẳng đến nơi,
Hăm-hăm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, dập hoa tơi-bời. (2)
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau.
Hết lời thú phục, khẩn cầu,
Uốn lưng thịt đổ, cất đầu máu sa. (3)
Rằng: «Tôi chút phận đàn-bà,
« Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
« Bây giờ sống thác ở tay,
« Thân này đã đến thế này thì thôi!
« Nhưng tôi có sá chi tôi,
« Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?
« Thân lươn bao quản lấm đầu,
« Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa (4)! »

(1) Đoạn này đương là văn tự-sự, mà thêm hai câu đây, đem lời vịnh-thán của tác-giả chèn vào, cho được thư hơi văn ra, ngẫm thấy rất đậm-đà có vị. Như hai câu này, thấy ở trong các bản in có phân hồi đoạn, đem ngắt xuống để làm đầu đoạn dưới, thực không còn gì là cái hay.

(2) Vì bắt được đương-trường có sự thực, cho nên hắn tự đủ lẽ.

(3) Câu này lời văn hơi quá.

(4) Một là vì tự mình có lỗi, hay là bị trận đòn đau quá, cho nên lòng trinh bạch đến đó không thể lại giữ được nữa. Câu này thiệt đau-đớn cho phần đông một số người gặp những cảnh éo-le.

Được lời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung-chiêu. (1)
Bầy vai (2) có ả Mã-Kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt, kể khoan,
Gạn-gùng đến mực nồng-nàn mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã-Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:
« Thôi đà mắc lận thì thôi!
« Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh?
« Bạc tình nổi tiếng lầu xanh,
« Một tay chôn biết mấy cành phù-dung (3)!
« Đà-đao (4) lập sẵn chước dùng,
« Lạ gì một cốt, một đồng, xưa nay!
« Có ba mươi lạng trao tay,
« Không dưng, chi có truyện này, trò kia (5)!

---

(1) *Bảo lãnh* 保 領, *Cung chiêu* 供 招 đều là chữ về việc quan, là ý nghĩa đoan nhận cả.

(2) *Bầy vai* là ngang hàng, cùng lứa. *Mã-Kiều* 馬 嬌.

(3) Nói đã làm hại bao nhiêu người con gái.

(4) Chạy để cho người ta đuổi, rồi quay dao lại để chém, ấy là *đà đao kế* 拖 刀 計, là một mẹo lừa giặc.

(5) Tú-Bà thuê Sở-Khanh ba mươi lạng bạc, để dùng kế trên này lừa Kiều, cho Thúy-Kiều hãm vào tội lỗi, rồi mới bắt ép được.

« Rồi ra trở mặt tức thì,
« Bớt lời, liệu chớ sân-si, thiệt đời (1) ! »
Nàng rằng : « Thề-thốt (2) nặng lời,
« Có đâu mà lại ra người hiểm sâu ! ».
Còn đương suy trước, nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở-Khanh lên tiếng rêu-rao ;
Rằng : « Nghe mới có con nào ở đây.
« Phao cho quyến gió rủ mây,
« Hãy xem có biết mặt này là ai ? »
Nàng rằng : « Thôi thế thì thôi !
« Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không ! »
Sở-Khanh quát mắng đùng-đùng.
Bước vào, vừa rắp thị hùng (3) ra tay.
Nàng rằng : « Trời nhẻ có hay !
« Quyến anh rủ yến, sự này tại ai ?
« Đem người dẩy xuống giếng khơi.
« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay !
« Còn tiên « *tích việt* » ở tay,
« Rõ-ràng mặt ấy, mặt này chứ ai ? »

---

(1) Câu này ý là khuyên Kiều phải nén nỗi tức giận, chớ thêm chuyện với kẻ đó, vô ích mà rồi có hại đến mình.

(2) *Thệ-thốt* là thề nói. Tiếng *thốt* tức là nói, là tiếng thường ở Trung-kỳ mà ở Bắc ít dùng.

(3) *Thị hùng* 恃雄 là cậy mạnh mà hung-hăng, thái độ của kẻ tiểu-nhân vũ-phu bắt nạt người.

Lời ngay, đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất-nghĩa, người cười vô-lương (1)!
Phụ-tình (2) án đã rõ-ràng,
Dơ tuồng, nghỉ mới kiếm đường tháo lui.
Buồng riêng, (3) riêng những sụt-sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân:
« Tiếc thay trong giá trắng ngần (4)
« Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai!
« Tẻ, vui cũng một kiếp người,
« Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru?
« Kiếp xưa đã vụng đường tu,
« Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi!

---

(1) *Vô lương* 無良 là đồ không có lương-tâm, đồ bất thiện.

(2) *Phụ tình* 負情 là phụ bạc với tình.

(3) Bao các tình-sự lộn-xộn, các hạng người bất lương, đáng ghét đáng chán, không thể bỏ được mà phải viết đi cho rồi. Xuống một câu này, lại riêng là thân-thế tâm-sự của Kiều, mà cũng mới là cái bụng muốn viết văn của tác-giả. Hai chữ riêng trong câu đây rất có ý vị không hết; câu này nên so với câu « *một mình nàng, ngọn đèn khuya* » cùng ngẫm coi.

(4) Chữ *ngần* đây, theo các bản chua có khác nhau. Trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu cổ thi : 清如氷雪, 白如銀. *Thanh như băng tuyết, bạch như ngân.* (Trong như băng tuyết, trắng như bạc). Trong bản của ông Hồ đắc-Hàm chua rằng : *Ngần* tức là chữ *« ngân »* là bạc, nói tấm lòng trinh-tiết trong như giá, trắng như bạc. Ấy cũng là một nghĩa. — Trong bản của hai ông Bùi Kỷ, Trần-trọng-Kim chua rằng: Phương ngôn nói : *Trong như giá, trắng như ngần. Ngần* là con cá con, trắng như bột. — Chưa biết nghĩa nào phải hơn, nay xin đề cả.

« Dẫu sao bình đã vỡ rồi, (1)
« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong! »
Vừa tuần nguyệt sảng, gương trong,
Tú-bà ghé lại thong-dong dặn-dò:
« Nghề chơi cũng lắm công-phu,
« Làng chơi ta phải biết cho đủ điều. »
Nàng rằng: « Mưa gió dập-dìu,
« Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi! »
Mụ rằng: « Ai cũng như ai,
« Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
« Ở trong còn lắm điều hay,
« Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
« Này con thuộc lấy làm lòng,
« Vành ngoài bảy chữ (2), vành trong tám nghề (3).
« Chơi cho liễu chán hoa chê,
« Cho lăn-lóc đá, cho mê-mẩn đời.
« Khi khóe hạnh, khi nét ngài,
« Khi ngâm-ngượi nguyệt, khi cười-cợt hoa.

---

(1) Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn nguyên-truyện, lời Kiều ở đoạn này rằng: 此身如瓶既破矣 *Thử thân như bình ký phá hỹ* « Thân này như cái bình đã vỡ rồi ». Nên xem thêm ở câu « *Thôi còn chi nữa mà mong, đời người thôi thế là xong một đời* ».

(2) Những cách làm giả-dối cho ra sự thương yêu, để quyến-luyến lòng khách.

(3) Những cách chiều chuộng chỗ chăn gối, cho thỏa thích lòng khách.

«Đều là nghề nghiệp trong nhà,
«Đủ ngần ấy nết, mới là người soi».
Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng.
Những nghe nói, đã thẹn-thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe!
Xót mình cửa các, buồng khuê,
Vỡ lòng, học lấy những nghề-nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay thân phận lạc-loài,
Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?
Lầu xanh, mới rủ trướng đào, (1)
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.
Biết bao bướm lả ong lơi,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập-dìu lá gió, cành chim,
Sớm đưa Tống-Ngọc, tối tìm Trường-khanh (3).

---

(1) Từ câu này, lại mới tả vào sự thực.

(2) Bốn chữ này bởi hai câu thơ: 枝迎南北鳥, 葉送往來風 *chi nghinh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong.* Cành đón những con chim nam bắc, lá đưa những ngọn gió qua lại, là lời thơ của nàng Tiết-đào là một tay danh-kỹ trong lúc còn ít tuổi.

(3) *Tống Ngọc* 宋玉 *Trường-khanh* 長卿 là hai người con trai tài-tình từ thủa xưa. — *Trường-khanh* tức là Tư-mã Tương-như, hai chữ này là tên tự.

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót-xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường!
Mặt sao dày gió dạn sương!
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!
Mặc người mưa Sở, mây Tần,
Những mình, nào biết có xuân là gì.
Đòi phen gió tựa, hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!
Đòi phen nét vẽ, câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là (1),
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai?
Thờ-ơ gió trúc, mưa mai (2),
Ngẩn-ngơ trăm nỗi, dùi mài một thân.
Ôm lòng (3) đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau!

---

(1) Chữ này có bản đề là *mà*.

(2) Gió cây trúc, mưa cành mai, là những cảnh đẹp đáng để ý.

(3) *Ôm lòng* là ý đè nén cái lòng đi.

Nhớ ơn chín chữ cao sâu (1),
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà (2).
Dặm ngàn nước thẳm, non xa,
Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này!
Sân hòe (3) đôi chút thơ ngây,
Trân cam, ai kẻ đỡ thay việc mình? (4)
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa-xôi ai có biết tình chăng ai?

---

(1) Chín chữ trong thơ Lục-nga ở kinh Thi, nói cái công khó-nhọc của cha mẹ đã sinh thành ra mình. Nguyên văn trong kinh Thi về chương ấy rằng: 父兮生我 *phụ hề «sinh» ngã*, 母兮鞠我 *mẫu hề «cúc» ngã*, 撫我畜我 *«phủ» ngã, «súc» ngã*, 長我育我 *«trưởng» ngã, «dục» ngã*, 顧我復我 *«cố» ngã, «phục» ngã*, 出入腹我 *xuất nhập «phúc» ngã*, 欲報之德 *dục báo chi đức*, 昊天罔極 *hiệu thiên võng cực*. (Cha thì sinh ra mình, mẹ thì nuôi lên mình, rồi nuôi nấng cho khôn lớn, vỗ-về, chăm-nom,... muốn báo đền cái ơn ấy, thời nghĩ ơn như trời không biết đâu là cùng.)

(2) Nói cha mẹ mỗi ngày già dần đi.

(3) Đời Tống, Vương Hựu trồng ba cây *Hòe* 槐 ở sân, mà sau con làm đến Tam-công. Cho nên thường dùng chữ *hòe* mà nói là những người con hay. (*Hòe* có lẽ là cây bàng). — *Đôi chút thơ ngây*, ý nói Thúy-Vân và Vương Quan.

(4) *Trân cam* 珍甘 là những thức ăn ngon quí, nói vật phụng dưỡng của người con hiếu đối với bố mẹ. — Câu này trông lên hai chữ *«thơ ngây»* ở trên.

Khi về hỏi liễu Chương-đài (1),
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !
Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chắp cành này cho chưa ? (2)
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương-quan (3) luống mẩn-mơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (4) !
Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạn tràng đòi cơn !
Đã cho lấy chữ hồng-nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân !

(1) *Chương-đài* 章臺 là tên một con đường, hay một cái phố trong kinh-đô Trường-an đời nhà Hán. Xưa về khoảng đời Đường có một chàng họ Hàn, chung tình với một nàng họ Liễu ở Trường-an, vì ở xa-cách, Hàn có thơ hỏi thăm Liễu rằng: 章臺柳, 章臺柳, 昔日青青今在否. 縱使長條似舊垂. 也應攀折他人手. *Chương-đài liễu, chương-đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ. Túng sử trường điều tựa cựu thùy, dã ưng phan chiết tha nhân thủ.* (Hỏi thăm cây liễu ở Chương-đài, ngày trước xanh như thế mà đến nay còn không? Dù cho cái cành dài vẫn buông rủ như cũ, song có lẽ đã vin bẻ vào tay người khác rồi.) — Câu này là ý thương cho Kim-Trọng không lại được gặp mình nữa.

(2) Nghĩ về việc Thúy-Vân với Kim.

(3) *Hương-quan* 鄉關 là chỗ quê-hương. Nghĩa đen chữ *hương* là làng, *quan* là cái cổng lớn.

(4) *Hoàng-hôn* 黃昏 là lúc trời chiều tối, mà có ánh vàng; 昏黃 *hôn hoàng*, cũng nghĩa vậy. Vì có câu thơ 怕黃昏到又昏黃 *Phạ hoàng-hôn đáo, hựu hôn hoàng.* (Sợ buổi chiều nay đến lúc tối vàng, mà chiều mai lại thế).

Đã đầy vào kiếp phong-trần,
Sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi! (1)
Khách du bỗng có một người,
Kỳ-Tâm họ Thúc, cũng nòi thư-hương. (2)
Vốn người huyện Tích châu Thường, (3)
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri. (4)
Hoa-khôi mộ tiếng Kiều-nhi, (5)
Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gởi vào. (6)

---

(1) Hai câu trên, một chữ *đã*, năm chữ *cho*, đã thấy dồn-dã đay nghiến. Hai câu dưới, thêm một chữ *dã* và lại một chữ *cho* nữa, để nói cho thật hết không còn thừa chút nào. Cái đau-đớn của người trong truyện về một đoạn lầu xanh này, Tác-giả thực muốn có một phần chia buồn vậy.

(2) *Kỳ-Tâm* 其心 là tên. *Thúc* 束 là họ. *Thư-hương* nghĩa đã có ở trên. Cổ-thi có câu rằng 花香不及書香遠 *Hoa hương bất cập thư hương viễn.* (Cái thơm của hoa không bằng cái thơm của sách đi xa hơn.)

(3) Huyện *Vô-Tích* 無錫 thuộc đạo *Tô-Thường* 蘇常 là địa-hạt tỉnh Giang-tô nay. Đây nói «*châu Thường*», là tên từ đời nhà Tống đặt; Minh, Thanh đều theo, đến Dân-quốc bỏ.

(4) *Nghiêm-đường* 嚴堂 là tiếng nói về bố, vì đạo làm bố quí nghiêm. — Chữ *Lâm-tri* đã có chua ở trên.

(5) *Hoa-khôi* 花魁 là đầu các hoa, nguyên chữ là nói hoa mai, vì hoa mai nở trước cả trăm hoa. Song đây chỉ là nghĩa mượn, nói người có nhan-sắc hơn cả trong đám chị em. — *Kiều-nhi* 翹兒 cũng như nói cô *Kiều*.

(6) *Thiếp hồng* là cái danh-thiếp đỏ. *Hương-khuê* là chỗ thơm.

Trướng tô, giáp mặt hoa đào (1),
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
Hải-đường mơn-mởn cành tơ,
Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng!
Nguyệt hoa, hoa nguyệt não-nùng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng!
Lạ gì thanh khí lẽ hằng, (2)
Một dây một buộc, ai dằng cho ra?
Sớm đào, tối mận lân-la,
Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.
Dịp đâu may-mắn lạ dường!
Lại vừa gặp quãng xuân-đường lại quê.
Sinh càng một tỉnh, mười mê,
Ngày xuân, lắm lúc đi về với xuân.
Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ;

(1) *Trướng tô* là cái màn có buông rèm kết chỉ ngũ sắc, ở chữ Hán là 流蘇帳 *lưu-tô trướng.* – *Giáp mặt hoa đào* là được trông thấy cô Kiều.

(2) Câu này lấy nghĩa ở chữ 同聲相應. 同氣相求, *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.* (Cùng tiếng thời ứng với nhau, cùng khí thời tìm đến nhau.) — *Lẽ hằng* là lẽ thường như thế.

Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, (1) đường tơ họa đàn.
Miệt-mài trong cuộc truy-hoan, (2)
Càng quen-thuộc nết, càng dan-díu tình.
Lạ cho cái sóng khuynh-thành,
Làm cho đổ quán, xiêu đình như chơi ! (3)
Thúc-sinh quen thói bốc trời, (4)
Trăm nghìn đổ một trận cười như không ! (5)
Mụ càng tô lục, chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng (6) thời mê.

---

(1) *Bàn vây* là bàn cờ vây. Ở chữ Hán, 圍 棋 *vi kỳ* là đánh cờ vây ; 棋 局 *kỳ cục* là bàn cờ. Cách chơi cờ vây của Tầu có đã lâu, mà từ đời nhà Đường về sau, thời bàn cờ ngang dọc đều 19 đường, tất cả là 369 đường. Sự đánh cờ vây này, ở ta có lẽ ít người biết. — Hai chữ *« điểm nước »*, nghĩa là tính nước cờ đi.

(2) *Truy hoan* 追 歡 là đua đuổi sự vui chơi.

(3) Bởi chữ *khuynh* 傾 ở câu trên, đặt xuống chữ *đổ*, chữ *xiêu*, thực có mầu-nhiệm.

(4) Hai chữ này, các bản đều để là *bốc rời*, lấy nghĩa là bốc tiền rời mà tiêu, chứ không thèm đếm, là tính hoang phí. E chữ đặt như thế thời hơi vụn nát, nghe không ra lời văn, Tác-giả liệu không như thế. Cho nên đây theo ở một bản chép chữ nôm, để là *bốc trời*, đại-ý cũng chỉ là nói cái thói ngông... : thơ ông tú Xương có câu *« Lúc túng toan lên bán cả trời »*, đó là ngông liều. *« Quen thói bốc trời »* đây thời là ngông hoang. Tóm lại, hai chữ này không dám quyết định, cũng xin hãy để làm sự ngờ.

(5) Câu này lấy bởi chữ 千 金 買 一 笑 *thiên kim mãi nhất tiếu* (nghìn vàng mua một cái cười).

(6) *Hơi đồng* là bởi chữ 銅 臭 *đồng-xú*, tức là nói tiền.

Dưới trăng, quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu (1) lập-loè đâm bông.
Buồng the (2) phải buổi thong-dong,
Thang lan, rủ bức trướng hồng tắm hoa (3).
Rõ màu (4) trong ngọc, trắng ngà,
Dày-dày sẵn đúc một tòa thiên-nhiên ! (5)
Sinh càng tỏ nét (6) càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. (7)
Nàng rằng : « Vâng biết lòng chàng,
« Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

---

(1) Hoa *lựu* đỏ như *lửa* là cảnh mùa hạ. — Hai câu đây, xem lại với hai câu : « *Lần lần ngày gió đêm trăng, thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.* » đều là nói hết xuân sang hạ; mà ngẫm từ hai câu trước kia đến hai câu đây, cái thời-gian của Kiều vừa là một năm, mà khi đó còn đương mới gắn-bó với Kim-Trọng, nay đã miệt mài với Thúc-Sinh, lại trung-gian bao nhiêu những tình-sự đã qua, với Mã Giám-sinh, Sở-Khanh, cùng là các người khác. Đời người ngẫm ra thật đáng sợ ! Đời người con gái càng đáng sợ đến thế !

(2) Hai chữ «*buồng the*» đây, e lời văn chưa được sành.

(3) Câu này nói nấu nước thơm và buông màn để tắm. Những chữ «*thang lan*» «*tắm hoa*», lấy bởi câu trong Sở-từ : 浴蘭湯兮沐芳花 *Dục lan thang hề, mộc phương hoa.* (tắm bằng nước hoa lan mà gội bằng hoa thơm.) — Chữ *tắm* có bản để là *tầm*.

(4) Hai chữ này có bản để là *Rõ-ràng*, song mà chữ *màu* hơn.

(5) Hai câu này nói toàn thân cô Kiều trắng đẹp một cách thiên-nhiên. — Một câu dưới, ngẫm lời văn có vẻ tục, mà một chữ *tòa* thực ép.

(6) Chữ *nét*, có nhiều bản để là *nết*, e *nết* thời là nghĩa của chữ 行 *hạnh*, như thế không phải chăng ?

(7) *Luật Đường* là lối thơ theo luật đời nhà Đường, bảy chữ, tám câu, năm vần.

Hay, hèn lẽ cũng nối điêu, (1)
« Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang-ngang.
« Lòng còn gởi đám mây Hàng, (2)
« Họa vần, xin hãy chịu chàng hôm nay ».

(1) *Điêu* 貂 là con điêu, loài chuột, lớn bằng con dái-cá, đuôi rất to, lông dài đến một tấc, sắc hoặc vàng, hoặc đen tía, sản ở vùng hàn-đới gần Bắc-cực, trong núi rừng có nhiều, những người đi săn cứ trong khoảng trời tuyết theo dấu vết chân, sẽ là bắt được — Khoảng đời Hán các quan hầu trên mũ lấy lông con điêu làm ngù. Cuối đời Tấn, trong nước loạn, quan-chức nhũng lạm vô độ, mỗi buổi chầu, những người đội mũ lông điêu nhiều quá. Cho nên trong đời ấy có câu ngạn-ngôn nói chế rằng : 貂不足. 狗尾續. *Điêu bất túc, cẩu-vĩ tục* (Điêu chang đủ, nối bằng đuôi chó). — Nhân sự-thể ấy đời sau phàm việc gì làm nối theo người khác, thời lời tự nhún là 續貂 *tục điêu* (nối điêu). — Hai chữ « *nối điêu* » trong câu đây, cũng là theo nghĩa ấy, ý nói mình dù dốt kém mà muốn nối theo thơ hay.

(2) Chữ *Hàng* đây, là núi *Thái-Hàng* 太行. Xưa ông Địch Nhân-Kiệt là quan đời Đường, vì việc quan phải đi xa, trông thấy trên núi Thái-Hàng một đám mây trắng bay, than rằng : « nhà bố mẹ ta ở dưới đó ». Cho nên hai chữ « *mây Hàng* » đây là ý nói nhớ bố mẹ. — Hai chữ này có nhiều bản đề là *mây vàng*. Trong bản của ông Hồ đắc-Hàm chua rằng: « *Mây vàng*, lấy tích khi sinh vua Nghiêu có đám mây vàng phủ trên nóc nhà, đây chỉ nhà cha mẹ». Trong bản của hai ông Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim lấy ở câu cổ-thi : 天上黃雲影. 遊子何時歸. *Thiên-thượng hoàng-vân ảnh, du-tử hà thời quy*. (Trên trời có đám mây vàng, con đi bao giờ về), mà cũng chua nghĩa là nhớ nhà. — Tóm lại, câu này chỉ là nói nhớ bố mẹ, cho nên dưới đây Thúc Sinh có câu « *cành kia chẳng phải cỗi này mà ra?* » nghĩa thực rất rõ. Nhân chua đến câu này, tôi lại nhớ khi còn bé được nghe câu chuyện rằng : Đời vua Minh-Mạnh ta, năm có thi Hội, trước hôm treo bảng, đêm tối vua giả hình đi chơi dạo phố trong kinh-đô, nghe thấy trong nhà trọ một thầy thí-sinh nằm ngâm truyện Kiều : « *Lòng còn gửi đám mây vàng* ». Vua cho là dốt. Vậy mà người ấy đáng đã đỗ Tiến-sĩ, sau phải đánh xuống Phó-bảng. Kể cũng là một câu chuyện vui.

Rằng : « Sao nói lạ-lùng thay !
« Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra ? » (1)
Nàng càng ủ-dột thu-ba, (2)
Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn-tênh !
« Thiếp như hoa đã lìa cành,
« Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
« Chúa xuân đành đã có nơi, (3)
« Ngắn ngày, thôi chớ dài lời làm chi ! » (4)
Sinh rằng : « Từ thuở tương-tri, (5)
« Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non ;
« Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
« Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. » (6)
Nàng rằng : « Muôn đội ơn lòng,
« Chút e bên thú, bên tòng dễ đâu. (7)

---

(1) Thúc Sinh vẫn tưởng Kiều là con của Tú-Bà đẻ ra.— Ta thường thấy trong đám bình khang nay, những cô ả con bà chủ, thời thái-độ lộng-lẫy hơn các bạn tùy-theo phụ-thuộc, mà tư-chất thực cũng xem ra hơn nhiều, mới biết sự ngờ của Thúc Sinh cũng là phải.

(2) *Thu ba* 秋 波 là sóng mùa thu, là nói con mắt.

(3) Câu này ý nói ở nhà chàng Thúc đã có vợ cả rồi.

(4) Câu này nghe rất thường, mà ngẫm ra thực thấy chỗ đau-đớn.

(5) *Tương-tri* 相 知 nghĩa là biết nhau.

(6) Ý nói muốn lấy Kiều về, cho nên phải hỏi đến cặn-kẽ. —Đoạn này uyển-truyển rất hay, lời không mấy mà tình-sự tả ra được nhiều.

(7) *Bên thú* 娶 là Thúc-sinh lấy vợ lẽ ; *bên tòng* 從 là Kiều bỏ chỗ lầu xanh theo đi lấy chồng. Hai bên cùng là có lẽ khó cả.

« Bình-khang (1) nấn-ná bấy lâu,
« Yêu hoa, yêu được một mầu điểm-trang.
« Rồi ra nhạt phấn phai hương,
« Lòng kia giữ được thường-thường mãi chăng?
« Vả trong thềm quế cung trăng,
« Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong.
« Bấy lâu khăng-khít dải đồng, (2)
« Thêm người, người cũng chia lòng riêng-tây.
« Vẻ chi chút phận bèo mây,
« Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
« Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
« Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
« Như chàng có vững tay co,
« Mười phần cũng đắp-điếm cho một vài.
« Thế trong dù lớn hơn ngoài,
« Trước hàm sư-tử gởi người đằng-la. (3)

---

(1) *Bình khang* 平康 nguyên là tên một cái ngõ ở kinh-đô Trường-an, những gái chơi thường ở cả đó. Nhân thế, hai chữ này thành ra tiếng thường dùng để nói về xóm chị em làng chơi.

(2) *Dải đồng* là bởi chữ 同心帶 *đồng-tâm đái*. (Giải đồng tâm). Trong khi vợ chồng mới định tình cùng nhau, lấy hai cái giải lụa buộc thắt nút vào với nhau thật chặt, cho tỏ nghĩa khăng-khít về lâu. Cho nên thường cùng gọi là 同心結 *đồng-tâm kết* (cái nút đồng tâm.) — Nói vợ chồng Thúc-Sinh bấy lâu yêu-đương âu-yếm nhau.

(3) *Sư-tử* 獅子 là con sư-tử, dữ tợn hơn hết trong loài thú. Xưa Trần-Tháo có vợ cả ghen, mỗi khi Tháo mời khách mà có đặt nữ-nhạc, vợ ở trong lấy gậy đập vào vách, quát mắng ghê-gớm. Khách đều phải bỏ hết. Vì vậy, đàn-bà ghen, người ta hay ví là « sư-tử ». — *Đằng la* 藤蘿 là loài dây leo, ví phận vợ lẽ.

« Cúi đầu luồn xuống mái nhà,
« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng! (1)
« Ở trên còn có nhà thung, (2)
« Lòng trên trông xuống biết lòng có thương?
« Sá chi liễu ngõ hoa tường, (3)
« Lầu-xanh lại bỏ ra phường lầu-xanh!
« Lại càng dơ dáng dại hình,
« Đành thân-phận thiếp, ngại danh-giá chàng.
« Thương sao cho vẹn thì thương!
« Tính sao, cho trọn mọi đường thì vâng. »
Sinh rằng: « Hay nói đè chừng,
« Lòng đây, lòng đấy, chưa từng hay sao?
« Đường xa chớ ngại Ngô, Lào, (4)
« Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
« Đã gần, chi có điều xa,
« Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều! » (5)

---

(1) *Giấm chua*, người ta thường ví với sự ghen. *Lửa nồng* thời là nói cái cảnh khổ ở lầu xanh. Song cũng chỉ biết vậy mà thôi, còn gốc tích của chữ như sao, nay chưa khảo được rõ.

(2) *Nhà thung* cũng tức như *nhà xuân*, là nói cha. Vì ở Hán-văn chữ 椿 *xuân*, chữ 椿 *thung* thực giống nhau, cho nên nhiều khi người ta thường đọc lẫn. Tác-giả trong câu đây, cũng là nhân hạ vần mà dùng.

(3) Cây liễu ở ngoài ngõ, cành hoa ở bên tường, ai nấy có thể vin hái, tức ví như hạng gái để chơi chung. Bốn chữ này cũng có bởi chữ 墻花巷柳 *tường hoa hạng liễu.*

(4) Nước *Ngô* và nước *Lào*, tức là nói đường xa. — Theo ý ông Trúc-Khê thì chữ *ngại* trong câu đây phải là chữ *nghĩ*, ý nói đừng nghĩ viển vông, chứ không phải là nói đường đất xa xôi, vì trên kia Kiều không hề tỏ ý ngại xa.

(5) Một đoạn tả lời Kiều trên đây, lẽ thật đắn-đo, lời thật ủy-uyển. Đến phần nói của Thúc-sinh thời chỉ có thể được như thế, thật không biết thế nào là hơn.

Cùng nhau căn-vặn đến điều,
Chỉ non thề biển nặng gieo đến lời.
Nỉ-non đêm vắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương. (1)
Mượn điều trúc-viện thừa lương, (2)
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến, hòa (3) sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy-thợ, mượn người dò-la. (4)
Bắn tin đến mặt Tú-bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa dám sao.
Rõ-ràng của dẫn, tay trao,
Hoàn-lương một thiếp, thân vào cửa công. (5)

---

(1) Hai câu này tả cái tình-cảnh đêm hôm đó, thật được êm ái ; ta xem lại với hai câu « *Đêm thâu, khắc vợi, canh tàn; gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương* », thời thấy cũng là cảnh đêm khuya trăng núi mà như thề lạnh-lùng ghê-gớm biết bao ! Ngọn bút của nhà văn, thật là một tay Hóa-công thứ hai vậy.

(2) *Trúc-viện* 竹院 là cái nhà chơi làm sơ-sài bằng tre, hoặc chung-quanh có trồng trúc. — *Thừa lương* 乘涼 là hóng mát, nghỉ chơi mát. *Mượn điều* là lấy cớ, lấy lẽ.

(3) *Chiến* 戰 là gây việc lôi thôi, dọa kiện Tú-bà vì lẽ lừa mua con nhà lương-thiện bắt làm đĩ. *Hòa* 和 là cách êm dịu, muốn trả tiền lại cho xong.

(4) *Cậy tay thầy thợ*, bốn chữ đó ăn vào chữ *chiến* ; *mượn người dò-la*, bốn chữ đó ăn vào chữ *hòa*.

(5) *Hoàn lương* 還良 là lại trở về lương-thiện. Con gái nhà thanh-lâu bước ra khỏi, là *hoàn lương*. — *Thân* 申 là đem trình bạch, đem nộp giấy làm chứng.

Công tư đôi lẽ đều xong, (1)
Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai. (2)
Một nhà xum-hợp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa càng nồng,
Càng xôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen. (3)
Nửa năm hơi tiếng vừa quen, (4)
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng. (5)
Giậu thu vừa nẩy chồi sương, (6)
Cởi yên (7) đã thấy xuân-đường tới nơi.

---

(1) *Công* là việc quan, *tư* là đối với mụ Tú.

(2) Cô Kiều ra khỏi thanh-lâu.

(3) *Xôi* là trông lộ lên. *Lồng* là thêm quang-cảnh. Câu này nói Kiều lúc ấy thêm đẹp ra, như thể một cô dâu mới vậy. — Kiều đến đây thật là có chồng, kể ra mới vào khoảng 16 tuổi, so với phần nhiều người khác cũng là sớm, mà thật là cái tuổi đào non. Vậy mà ta coi lại những cảnh-ngộ đã qua, tưởng như quá nửa đời người vậy. Tác-giả từ trước đến đây, kể cũng đã vì cô tốn công.

(4) Bởi chữ «quen hơi bén tiếng» thường nói.

(5) Cây ngô-đồng, cành lá đều biếc, cho nên gọi là 碧梧 *Bích ngô (Lá vàng)* là vì đã sang thu.

(6) Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn lời một quyển sách, có chữ 霜柯霜條 *sương kha, sương điều*, là nói những cành cây về mùa thu.

(7) *Cởi yên* nghĩa là mới đến mà cởi cái yên ngựa ra. Có bản đề là *gối yên*, vì ở chữ nôm, chữ *cởi* 掑 và chữ *gối* 裿 viết có hơi giống nhau. — Tiếng *cởi*, nhiều người nói là *cổi*.

Phong lôi nổi trận (1) bời-bời,
Nặng lòng e-ấp (2), tính bài phân-chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm-huấn (3) rành-rành,
Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng : « Con biết tội đã nhiều,
« Dẫu rằng sấm sét, búa rìu cũng cam.
« Trót vì tay đã rúng chàm,
« Dại rồi, còn biết khôn làm sao đây !
« Cùng nhau vả tiếng một ngày,
« Ôm cầm, ai nỡ rứt dây cho đành.
« Lượng trên quyết chẳng thương tình,
« Bạc đen (4), thôi có tiếc mình làm chi ! »
Thấy lời sắt đá tri-tri,
Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công.

---

(1) Chữ này có bản đề là *giận*.

(2) Bốn chữ « *Nặng lòng e-ấp* » đây, nghĩa chưa được tường. — Trong bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-Trọng-Kim giảng chữ « *e-ấp* » là *e-lệ, sợ-hãi* ; cho nghĩa câu này rằng : « *nặng lòng e-ấp* là nói Thúc-ông sợ về nỗi con đã có vợ rồi, mà lại chơi-bời, lấy người giang-hồ. Vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra. » Trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm giảng chữ « *e-ấp* » là *lóng-dóng, lôi-thôi*, cứ dụ dự không nhất-định ; cho nghĩa câu này là : « Đây nói nếu Thúc-ông cứ lóng-dóng để cho Thúc-Sinh say mê Thúy-Kiều, thời nặng-nề trong lòng lắm, cho nên tính bắt phải lìa nhau ra. » Nay chưa biết ai phải, song mà đều chưa thấy minh thoát.

(3) *Nghiêm-huấn* 嚴訓 là lời dạy bảo nghiêm-nghị của bố.

(4) Hai chữ « *bạc đen* » chưa tường. — Có bản đề là *bạc điên*, giảng nghĩa chữ *bạc* là trầm mình, *điên* là thất cổ, không rõ căn-cứ đâu.

Đất bằng nổi sóng đùng-đùng (1),
Phủ-đường sai lá phiếu hồng thôi tra. (2)
Cùng nhau theo gót sai-nha,
Song song vào trước sân hoa, lạy quì.
Trông lên mặt sắt (3) đen sì,
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời :
« Gã kia dại nết chơi-bời,
« Mà con người thế (4) là người đong-đưa !
« Tuồng gì hoa thải hương thừa !
« Mượn màu son phấn đánh lừa con đen ! (5)
« Suy trong tình-trạng nguyên-đơn (6),
« Bề nào, thì cũng chưa yên bề nào.
« Phép công chiếu án luận vào,
« Có hai đường ấy, (7) muốn sao mặc mình :
« Một là cứ phép gia hình, (8)
« Một là lại cứ lầu-xanh phó về ! »

---

(1) Bởi chữ 平地波濤 *bình-địa ba đào.*

(2) *Phủ đường* 府堂 là dinh quan Phủ. *Thôi tra* 催查 là dò hỏi. Hai chữ *phiếu hồng* tức là cái trát của quan, duy chữ *hồng* chưa được tường, ngờ là cái bài có sơn đỏ.

(3) *Mặt sắt* bởi chữ 鐵面 *thiết diện* trong sách Tống, nói về ông quan nghiêm-nghị, minh quyết.

(4) Chữ *thế*, có nhiều bản đề là *ấy.*

(5) Bốn câu này thật nghiêm-nghị dõng-dạc, quả ra lời một ông quan hiền-lương. Hai chữ « *con đen* » là nói thằng dân ngu, đặt vào lời ông quan Phủ càng đắt lắm.

(6) *Nguyên-đơn* 原單 là đơn của bên nguyên, của người đứng kiện.

(7) Chữ *ấy* đây, nghe hơi ngang.

(8) *Gia hình* 加刑 làm tội.

Nàng rằng : « Đã quyết một bề,
« Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần !
« Đục, trong, thân cũng là thân,
« Yếu thơ vàng chịu trước sân lôi đình. » (1)
Dạy rằng : « Cứ phép gia hình ! »
Ba cây chập lại một cành mẫu-đơn. (2)
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen-quện (3) má, liễu tan-tác mày !
Một sân lầm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng càng xót-xa.
Khóc rằng : « Oan-khốc vì ta,
« Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau.
« Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
« Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai ? »
Phủ-đường (4) nghe thoảng vào tai,
Động lòng, lại gạn đến lời riêng-tây.
Sụt-sùi, chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại tự ngày cầu thân : (5)
« Nàng đà tính hết xa gần,
« Từ xưa nàng đã biết thân có rày !

---

(1) *Lôi đình* 雷霆 là sấm sét, nói cái oai của hình pháp.

(2) *Ba cây* bởi chữ 三 木 *tam mộc* trong sách Hán, là đồ gông cùm để làm hình-phạt. Nhân chữ « *ba cây* » cho nên dưới nói « *một cành mẫu đơn* » để ví vào thân Kiều.

(3) Hai chữ này có bản để là *nhăn-nhíu*.

(4) Hai chữ « *Phủ-đường* » đây là nói quan Phủ.

(5) *Cầu thân* 求親 là cầu làm thân, tức là định lấy nhau.

« Tại tôi hấng lấy một tay,
« Để nàng cho đến nỗi này vì tôi ! »
Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy, mới dạy mở bài giải vi. (1)
Rằng : « Như hẳn có thế thì
« Trăng hoa, song cũng thị phi biết điều ! »
Sinh rằng : « Chút phận bọt bèo,
« Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên ».
Cười rằng : « Đã thế thì nên !
« Mộc-già (2) hãy thử một thiên, trình nghề. »
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa (3) trình trước án phê, xem tường.
Khen rằng : Giá đáng Thịnh-Đường, (4)
« Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân !
« Thực là tài-tử giai-nhân,
« Châu Trần, còn có Châu Trần nào hơn (5) ?
« Thôi đừng rước dữ cưu hờn, (6)
« Làm chi lỡ dịp cho đờn ngang cung !

---

(1) *Giải vi* 解圍 là cởi gỡ vòng vây, đây là ý nói tha cho được khỏi lúng-túng.

(2) *Mộc-già* 木 là cái gông. Câu này nói ra bài thơ « cái gông ».

(3) *Tiên hoa* là tờ giấy hoa-tiên. *Án phê* là chỗ bàn của quan ngồi cho chữ.

(4) *Thịnh-Đường* 盛唐 là đời nhà Đường trong lúc đương thịnh-trị. Thơ đời Đường vẫn đã là hay, mà trong lúc thịnh-trị hay hơn cả. — Trước đó gọi là 初唐 *sơ Đường* và sau đó là 晚唐 *vãn Đường*, là nhà Đường lúc mới và nhà Đường lúc muộn.

(5) Ở châu Từ, về huyện Phong khi xưa có hai họ *Châu* 朱 và *Trần* 陳 thường đời đời làm dâu-gia với nhau, cho nên hai chữ này dùng để nói về sự lấy nhau tốt đôi xứng-đáng.

(6) *Rước dữ cưu hờn* là mua rước lấy điều dữ mà cưu-mang lấy sự hờn giận.

« Đã đưa đến trước cửa công,
« Ngoài thì là lý, song trong là tình.
« Dâu con trong đạo gia-đình,
« Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong ! » (1)
Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao.
Bày hàng cổ xúy xôn-xao,
Song-song đưa tới trướng đào sánh đôi (2).
Thương vì hạnh, trọng vì tài.
Thúc-ông thôi cũng dẹp lời phong-ba.
Huệ lan thơm nức một nhà, (3)
Từng cay-đắng, lại mặn-mà hơn xưa.
Mảng vui (4) rượu sớm trà trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh (5).
Trướng hồ (6) vắng-vẻ đêm thanh,
E tình, nàng mới bày tình riêng chung :

---

(1) Mấy câu đây, nghe thật ra lời một vị quan « phụ mẫu ». Nếu trên việc chánh-trị của thế-giới đều được như thế cả, dẫu quân-chủ không hại gì.

(2) Trở lên bốn câu đây, ngờ không đúng hợp với tình sự lúc đó. Như quan Phủ có rộng lượng thời tha cho đã là tốt ; không lẽ lại vì những kẻ bị kiện mà làm lễ cưới hộ cho. Huống « Phủ-đường » đó, một ông quan *« mặt sắt »* đâu có *« kíp truyền »* nhảm như thế ? mà theo lẽ cũng không truyền cho nha-thuộc « sắm lễ » như thế được. Cho nên theo ngu-ý riêng nghĩ, bốn câu này chỉ nên cắt bỏ ; chữ *« xong »* ở cuối câu hết lời quan Phủ, đổi là chữ *xuôi*, cho tiếp vần với chữ *« tài »*, chữ *« lời »* dưới đây, như thế có lẽ là xong xuôi hơn.

(3) *Huệ lan* 蕙 蘭 hai thứ hoa, mượn nói ý xum-họp.

(4) Chữ *mảng* đây, tức là nghĩa chữ *mải*.

(5) Nói đà hết xuân sang hạ.

(6) Hai chữ này, theo trong bản của cụ Bùi-Khánh-Diễn chú dẫn rằng : « Cao-Khải nhà Minh bảo : phất giấy làm màn, vừa khỏi bụi cát, mùa rét lại vừa ấm. »

« Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
« Đổi thay nhạn, yến đã hòng đầy niên (1).
« Tin nhà ngày một vắng tin,
« Mặn tình cát-lũy lạt tình tao-khang (2).
« Nghĩ ra, thật cũng nên đường,
« Tăm-hơi ai kẻ giữ-giàng cho ta ?
« Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
« Ở vào khuôn-phép, nói ra mối-dường.
« E thay nhữug dạ phi-thường (3),
« Dễ dò rốn bề, khôn lường đáy sông (4) !
« Mà ta suốt một năm dòng,
« Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
« Bấy chầy chưa tỏ tiêu-hao,
« Hoặc là trong có làm sao chăng là ?

(1) 雁秋來春去. 燕春來秋去. *Nhạn, thu lai, xuân khứ ; yến, xuân lai, thu khứ.* Chim nhạn, mùa thu đến, mùa xuân đi ; chim én, mùa xuân đến, mùa thu đi.

(2) *Cát lũy* 葛藟 tức là *sắn bìm*, loài dây leo, ví đạo phận người vợ lẽ. — *Tao khang* 糟糠 là *bỗng, cám*, cùng ăn bỗng ăn cám với nhau, là nghĩa người vợ cả lấy từ trong lúc hàn-vi. Hai chữ này nguyên ở lời của Tống-Hoằng đời nhà Hán. Vua Quang-Võ nhà Hán có người chị gái mới góa, là nàng Hồ-dương công-chúa muốn gả cho Hoằng, mà Hoằng đã có vợ. Vua hỏi ý Hoằng. Hoằng thưa rằng : 糟糠之妻. 不可下堂 *« tao khang chi thê, bất khả hạ đường ».* Nghĩa là : người vợ trong lúc bỗng, cám, không thể đề cho xuống dưới thềm. Vua biết ý vậy, rồi thôi. — Chữ *tình* trong câu đây, các bản đều đề như vậy, song ngờ là chữ *nguyền* thời mới hợp vận.

(3) *Phi thường* 非常 là chẳng phải hạng vừa.

(4) Câu này nói khó biết được bụng-dạ.

« Xin chàng kíp liệu lại nhà,
« Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
« Đêm ngày (1) giữ mực giấu quanh,
« Rày lần mai lữa như hình chưa thông! »
Nghe lời khuyên nhủ thong-dong,
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang (2).
Rạng ra (3) gởi đến xuân-đường,
Thúc-ông cũng vội giục chàng ninh gia. (4)
Tiễn đưa một chén quan-hà (5).
Xuân-đình thoắt đã dạo ra cao-đình (6).

(1) Hai chữ này, có bản để là « *ví-bằng* ».

(2) *Hồi trang* 回裝 là xếp đồ để về.

(3) *Rạng ra*, là sáng ngày ra.

(4) *Ninh gia* 寧家 là về thăm nhà.

(5) *Quan hà* 關河 là nói đường đi xa-xôi, cách trở. Riêng nghĩa của chữ *quan* là cửa ải, chữ *hà* là sông.

(6) Câu này, những chữ « *Xuân-đình* » và « *cao-đình* », cứ thiển-kiến chưa được rõ nghĩa lắm, chỉ hiểu đại-khái rằng : « *xuân-đình* » là chỗ còn họp vui, « *cao-đình* » thời là chỗ thật chia-rẽ, còn nguyên chữ ở đâu chưa tường. Theo các bản chú giải đã in, xin được dẫn tường, để tiện độc-giả quan sát : Trong bản của hai ông Bùi Kỷ, Trần Trọng-Kim : « Cổ-thi : 皋亭相別處 *cao-đình tương biệt xứ* : chỗ biệt nhau ở cao-đình ». Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm : « Núi Cao-đình ở tại tỉnh Chiết-giang, phía đông-bắc huyện Hàng, chính là một chỗ người ta thường qua lại nghỉ chân và làm chỗ tiễn-biệt nhau ». Trong bản cụ Bùi Khánh-Diễn : « 唐戎煜詩. 好去春風湖上亭. *Đường Nhung-Dục thi. Hảo khứ xuân-phong hồ thượng đình.* Thơ người Nhung-Dục nhà Đường : nên đi hóng gió xuân ở đình trên hồ. — 唐賦. 亭皋兮木葉落. Đường-phú : *đình cao hề mộc diệp lạc* : chốn cao-đình kia lá xanh rụng. »

Sông Tần (1) một dải trong xanh,
Loi-thoi bờ liễu mấy cành Dương-quan (2).

---

(1), (2) Hai chữ «*sông Tần*» trong câu đây, các bản hết thẩy đều dẫn câu «遙望秦川 *dao vọng Tần xuyên*» ở bài ca Vị-tây. Theo ngu-kiến thời chữ «*Tần*» này không phải là Tần-xuyên mà là con sông *Tần-Hoài* 秦淮. Nguyên ở đất nước Tàu, con sông Tần-xuyên thời chẩy ở mạn tỉnh Cam-túc; con sông Tần-Hoài thời chẩy ở mạn tỉnh Giang-tô. Giang-tô tức là miền quê của Thúc-sinh, huyện Vô-tích thuộc tỉnh đó. Cho nên hai chữ «*sông Tần*» đây không phải là lời văn hư phiếm, chính là trỏ thực vào con đường đi của Thúc-sinh mà nói. Sáu chữ câu trên đây, với tám chữ câu dưới, lấy ý hai bài thơ mà tiếp nhau ở một chữ «*liễu*». Người đời xưa tiễn biệt, thường hay bẻ cành liễu để tặng nhau, cho nên trong các thơ tống biệt, thường có nói đến *liễu*. Bài 淮上別友人 *Hoài thượng biệt hữu-nhân* (trên sông Hoài biệt người bạn) của *Trịnh-Cốc* 鄭谷 rằng: 揚子江頭楊柳春. 楊花愁殺渡江人. 數聲風笛離亭晚. 君向瀟湘我向秦. «*Dương tử giang đầu dương-liễu xuân, dương-hoa sầu sát độ giang nhân. Sổ thanh phong-địch ly-đình vãn, quân hướng Tiêu-Tương, ngã hướng Tần*». Bài 送元二使安西 *Tống Nguyên-Nhị sứ An-tây* (Tiễn Nguyên Nhị đi sứ nước An-tây) của *Vương Duy* 王維 rằng: 渭城朝雨浥輕塵. 客舍青青柳色新. 勸君更盡一杯酒. 西出陽關無故人. «*Vị-thành triêu vũ ấp khinh-trần, khách-xá thanh thanh liễu sắc tân. Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương-quan vô cố-nhân.*» Bài thơ sau này, người đời sau trong khi tống biệt, thường hay dùng để hát, gọi là «ba dịp Dương-quan». Cũng bởi thế mà hai chữ «*Dương-quan*» mới có thể đặt vào trong câu đây, nghĩa nó nên nhận như hai chữ *biệt-ly* mà thôi. Chớ cứ thực thời Dương quan là một cái cửa ải ở biên-giới tỉnh Thiểm-tây, tức là hết địa-giới nước Tầu về mạn tây-bắc, với con sông Tần-hoài ở tỉnh Giang-tô là chỗ quê Thúc-sinh xa cách nhau lắm lắm. Cho nên hai câu văn của Tác-giả, «rằng hay thời thật là hay», mà cũng là một lối bắt-nạt đời vậy. — Hai chữ «*trong xanh*», có nhiều bản để là *xanh xanh*, như thế thời không ăn nghĩa với chữ «*một dải*». Lại chữ «*loi-thoi*» là nói cành liễu dài ngắn không đều nhau; có bản để là *lôi-thôi*, đều là sai.

Cầm tay dài vắn thở than,
Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.
Nàng rằng: « Non nước xa khơi,
« Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
« Dễ lòa yếm thắm, trôn kim (1),
« Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng.
« Đôi ta chút nghĩa đèo-bòng, (2)
« Đến nhà, trước liệu nói sòng (3) cho minh.
« Dù khi sóng gió bất tình,
« Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.
« Hơn điều giấu ngược, giấu xuôi,
« Lại mang những việc tầy trời đến sau.
« Thương nhau xin nhớ lời nhau,
« Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy!
« Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
« Chén mừng xin đợi ngày (4) này năm sau.»

---

(1) Câu này, xin đề làm một sự chưa tường. Có nhiều bản dẫn lời tục-ngữ *« Dễ lòa yếm thắm, khó lòa được trôn kim.»* Chưa dám nhận nghĩa ra sao. Lại có bản đề là: *«Dễ mà bắt xẩm xâu kim»*. E không phải lời văn của tác-giả. Đại đề hai câu này, nghĩa tuy chưa được rõ, ý thời chỉ là nói: xử việc phải minh-bạch, không thể mập-mờ được, mà thôi. — Chữ *lòa đây*, thường được nghe đọc là *lòe*; theo phần nhiều bản đã in, đề như nay.

(2) Hai chữ *« đèo-bòng »* có khi là tiếng cổ; trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chua rằng: « ... là nói thương yêu quá sức, bận-bịu quấn-quit lấy nhau.»

(3) Chữ *« nói sòng »*, trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chua rằng « là nói thẳng, nói thật, nói suồng-sã ra cho rõ.»

(4) Chữ *ngày* đây, có nhiều bản đề là chữ *đêm*. *Song* trộm nghĩ là chữ *hôm*, có lẽ hơn.

Người lên ngựa, kẻ chia bào, (1).
Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san (2).
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an (3),
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về, chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi, muôn dặm một mình xa-xôi.,
Vầng trăng ai sẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồng trong, này nỗi (4) chủ-trương ở nhà :
Vốn dòng họ Hoạn danh-gia, (5)
Con quan Lại-bộ tên là Hoạn-thư. (6)

---

(1) *Bào* 袍 là vạt áo.

(2) *Phong* 楓 là một thứ cây lớn mà lá nguyên rất xanh, vì nhuộm mầu thu mà pha vàng, càng thêm nỗi quan-san cách trở. — Chữ *nhuộm*, có bản đề là *nhuốm*, đi với chữ *mầu* mất hay.

(3) *Chinh-an* 征 鞍 *Chinh* là đi đường xa ; *an* là cái yên ngựa.

(4) Chữ *nỗi* đây, nghe chưa được yên. Vì phàm sự gì không tốt, mới gọi là *nỗi ;* chớ như Thúc-sinh lấy được Hoạn-thư, thật là một người vợ sang-trọng, không thể bảo là nỗi được. Chỗ này tất phải có một chữ, mà cho được xứng hợp thật khó. Có bản đề là chữ *đã*, thời lại không có nghĩa lắm. Văn-chương khó ở một chữ, xem như câu này có thế thay ! Nếu « ngu » là tác-giả, thời chữ « *nỗi* » câu trên đặt là chữ *sự*, chữ « *nỗi* » câu đây đặt là chữ « *kẻ* », như thế cũng xong.

(5) *Danh gia* 名 家 là nhà danh-giá.

(6) *Lại-bộ* 吏 部 là bộ Lại. — *Hoạn thư* 宦 姐. Chữ *Hoạn* là họ, chữ *thư* là tiểu-thư, nghĩa là cô ; vậy hai chữ này không thật là tên riêng của một người.

Duyên đằng sớm thuận gió đưa. (1)
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn, thì nết cũng hay;
Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già (2).
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập, càng nồng,
Trách người đen bạc, ra lòng trăng hoa:
« Vi bằng thú thật cùng ta,
« Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên.
« Dại chi chẳng giữ lấy nền,
« Tốt gì mà rước tiếng ghen vào mình?
« Lại còn bưng-bít giấu quanh,
« Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
« Tính rằng cách mặt khuất lời,
« Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho!
« Lo gì việc ấy mà lo,
« Kiến trong miệng chén lại bò đi đâu?
« Làm cho nhìn chẳng được nhau,
« Làm cho đày-đọa cất đầu chẳng lên!

(1) Câu này các bản đều dẫn câu thơ cổ: 時 來 風 送 滕 王 閣 *thời lai phong tống Đằng vương các*, nghĩa là lúc vận tốt thời gió đưa lại gác vua Đằng. Chưa dám biết có là phải.

(2) Hai câu này hợp lại, tức là cái đức-tính của một người đứng đắn mà ráo-riết.

«Làm cho trông thấy nhỡn-tiền, (1)
«Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.» (2)
Nỗi lòng kín chẳng ai hay.
Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.
Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin ý cũng liệu bài tân công (3).
Tiểu-thư nổi giận đùng đùng:
«Gớm tay thêu dệt, ra lòng trêu ngươi!
«Chồng tao nào phải như ai, (4)
«Điều này hẳn miệng những người thị phi!»
Vội-vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín-mít như bưng,
Nào ai còn dám nói-năng một lời!
Buồng đào khuya sớm thảnh-thơi,
Ra vào một mực nói cười như không.

(1) *Nhỡn tiền* 眼前 là ngay trước mắt.

(2) *Thăm ván bán thuyền*, bốn chữ này, có bản để là *tham ván bán thuyền*, lại có bản để là *buôn ván bán thuyền* chưa rõ ai phải; song chỉ là một câu ngạn-ngữ nói nhân-tình bạc-bẽo, chuộng mới mà chán cũ vậy. — Một đoạn lời của Hoạn-thư đây, xem với một đoạn lời của Kiều ở trên, chính tương-hợp nhau; ngang trái thời chỉ bởi Thúc-sinh ở giữa. Đàn bà như Hoạn-thư và Kiều, thật hai tay tài-tình khôn-ngoan, mà chồng là chàng Thúc. Cho nên có câu thơ rằng: «好妻常伴拙夫眠 *hảo-thê thường bạn chuyết-phu miên* (Người vợ tốt thường làm bạn cùng anh chồng vụng mà ngu) thật đúng.

(3) Hai chữ «*tân công*» này, trong mấy bản nôm là 新功. Có bản lại để là «*dâng công*»; có bản là *tấn công* 進功. Ý cũng như một, mà vì chữ *tân* khó giảng cho ra nghĩa, cho nên có sự khác nhau. (Riêng theo ý chúng tôi nghĩ là *Tảng*. N.X.B.H.S.).

(4) Câu nói thật dõng-dạc.

Đèm ngày lòng những giận lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng, xuống yên. (1)
Lời tan hợp, nỗi hàn-huyên (2),
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần (3) vui chén thong-dong,
Nỗi lòng, ai ở trong lòng mà ra? (4)
Chàng về xem ý-tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân-la giãi bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc-tơ bất động mảy may sự-tình.
Nghĩ đà bưng kín miệng bình (5),
Nào ai có khảo, mà mình lại xưng? (6)
Những là e-ấp dùng-dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng, lại thôi. (7)
Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu-thư lại giở những lời đâu đâu.

---

(1) Chữ « *đà* » trong câu đây, đi với chữ « *những* » ở câu trên, là một thế văn.

(2) *Hàn-huyên* 寒暄 là câu hỏi thăm. Nghĩa của chữ *hàn* là lạnh, chữ *huyên* là ấm ; chẳng là ấm lạnh như sao, là ý hỏi thăm vì lâu ngày.

(3) *Tẩy trần* 洗塵 là rửa bụi. Phàm việc công việc tư, đối với người đi xa về đến, hoặc đặt rượu, hoặc cho vật gì, gọi là « *tẩy trần* ». Nay ở Tàu còn tục ấy.

(4) Cứ bề ngoài như vậy, thời ai ở trong lòng ra mà biết được nỗi lòng của ai như sao.

(5) Bởi chữ 守口如瓶 *thủ khẩu như bình* mà khiến nghĩa hơi khác.

(6) Như câu này, nghĩ cũng phải.

(7) Xem như mấy câu trên đây, các bạn trai nếu gặp cảnh này, chưa hẳn đã ai không như Thúc-sinh.

Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau, (1)
« Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
« Khen cho những miệng rông-rài,
« Bướm ong, lại đặt những lời nọ kia.
« Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
« Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười. »
Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,
Thuận lời, chàng cũng nói xuôi đỡ đòn (2).
Những là cười phấn, cợt son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.
Thú quê thuần hức (3) bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô (4).

---

(1) *Ngọc* hay *đá*, *vàng* hay *thau*, là nói tin được hay không tin được. Cho nên xuống câu dưới nói ý « *tin nhau...* » — Phong dao có câu : *Thật vàng, chả phải thau đâu, đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng* », có thể xem thêm cho rõ nghĩa.

(2) *Đỡ đòn*, theo bản của ông Hồ-đắc-Hàm, là nói làm cho qua việc đi.

(3) Xưa ông Trương-Hàn đời Tấn, đương làm quan ở kinh, liệu thấy chánh trị không ra gì, nhân cơn gió thu, nhớ thức ăn rau *thuần*, cá *lò* ở nơi quê hương là miền Ngô giang, nhân vậy bỏ quan mà về. Hai chữ *thuần hức* đây, tức là chữ 蓴 鱸 *thuần lô* ra. Vì chữ *lô* tiếng bằng, cho nên đây đổi ra khác. Còn như chữ *hức* theo bản nôm là [illegible], tra ở Tự-điển cũng là tên một thứ cá mà không nói rõ ra sao. Thứ cá *lô* thời mình trắng, có những cái đốm đen, miệng rộng, vầy nhỏ, đầu to, vây ngạnh cứng, ở vào chỗ nước mặn nước nhạt giao-thông nhau, cứ cuối xuân thời theo dòng sông lên, đến thu thời vào bể ; con nào lớn, dài đến hai thước. Người xưa có gọi nó là 銀 鱸 *ngân-lô*, 玉 花 鱸 · *ngọc hoa lô*, là một thứ cá quí vậy. Con cá *song* của ta, hoặc là loài đó chăng ? — Đây muốn nói cảnh-vật mùa thu, mà Thúc-sinh lại là quê ở miền Giang-tô, cho nên hai chữ này mượn điển cũng đắt.

(4) Một vài lá *ngô-đồng* vàng rụng xuống giếng.

Trạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ,
Một mầu quan tái (1) mấy mùa gió trăng.
Tình riêng chưa dám rỉ răng,
Tiểu-thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
« Cách năm mây bạc (4) xa xa,
« Lâm-truy cũng phải tính mà thần-hôn (3). »
Được lời như cởi tấc son,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long-lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
Roi câu (4) vừa gióng dặm trường,
Xe hương, nàng cũng thuận đường qui-ninh. (5)
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng : « Ngứa ghẻ, hờn ghen,
« Xấu chàng, mà có ai khen chi mình !
« Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
« Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.
« Lâm-truy đường bộ tháng chầy,
« Mà đường hải-đạo (6) sang ngay thì gần.

---

(1) *Quan tái* 關 塞 hai chữ cũng nghĩa là cửa ải, ý nói chỗ đất khách phương xa.

(2) *Mây bạc* bởi chữ 白 雲 *bạch-vân*, đã chua ở câu *« lòng còn gửi đám mây Hàng »*.

(3) *Thần hôn* 晨 昏 đã có chua ở câu : *Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.*

(4) *Roi câu* là roi ngựa. Chữ *câu* 駒 nghĩa là con ngựa nhỏ.

(5) *Xe hương* bởi chữ 香 車 *hương xa*, là chữ lịch-sự nói cái xe của người dàn-bà đi. — *Qui ninh* 歸 寧 là về thăm ; chữ riêng của đàn-bà ở nhà chồng mà về thăm bố mẹ đẻ.

(6) *Hải đạo* 海 道 là đường bể.

« Dọn thuyền lựa mặt gia-nhân, (1)
« Hãy đem dây xích (2) buộc chân nàng về.
« Làm cho : cho mệt, cho mê !
« Làm cho đau-đớn, ê-chề, cho coi !
« Trước cho bõ ghét những người,
« Sau cho để một trò cười về sau ! (3) »
Phu-nhân khen chước rất mầu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa-sang buồm gió lèo mây,
Khuyển, Ưng, lại lựa một bầy côn-quang (4).
Dặn-dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang biển Tề. (5)
Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.

---

(1) *Gia nhân* 家 人 là người nhà.

(2) Chữ *xích* này, có bản để là *tói*, là *trói*, là *thắm*.

(3) Trở lên có bốn câu đây, mà dùng bao nhiêu chữ *« cho »*, cho được tả hết cái bụng căm-hờn của ả Hoạn. Mấy câu đây, xem lại với các câu : *« Đã cho lấy chữ hồng-nhan ; làm cho cho hại cho tàn, cho ân ! Đã đầy vào kiếp phong-trần, sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi ! »* cũng là một giọng văn riêng của tác-giả, cái tài riêng về chữ *« cho »*.

(4) *Khuyển* 犬 là chó, đây có ý là chó săn : *Ưng* 鷹 là con chim cắt, hay đánh các chim. Nguyên nghĩa của chữ như thế, cho nên dùng để đặt tên riêng cho những kẻ đầy-tớ đắc lực. — *Côn quang* 棍 恍, hai chữ này nghĩa là gậy gộc. Nhân thế người ta có nói « *Côn đồ* 棍 徒 » là các kẻ vô-loại. *Một bầy* là một đàn một lũ.

(5) *Biển Tề* là phận biển thuộc đất nước Tề, tức là nói Lâm-truy, xem thêm ở lời chua câu « *Lâm-truy vừa một tháng tròn tới nơi* ». Có bản để là bến *Tề* thời vụn nghĩa quá.

Bóng dâu đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi (1).
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào lời non-nước, nào lời sắt-son ? (2)
Sắn bìm (3) chút phận con-con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng ?
Thân sao nhiều nỗi bất bằng ?
Liều như cung Quảng ả Hằng (4) nghĩ nao !
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời (5).
Nén hương đến trước Phật-đài (6),
Nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân vân...
Dưới hoa dậy lũ ác-nhân, (7)
Ầm-ầm khốc quỉ kinh thần (8) mọc ra !
Đầy sân gươm tuốt sáng lòa,
Thất kinh, nàng chửa biết là làm sao.

---

(1) Hai câu đây nói Kiều tưởng nhớ bố mẹ.

(2) Hai câu đây nói Kiều tưởng nhớ Kim-Trọng.

(3) *Sắn bìm* tức là nghĩa của chữ « *cát đằng* » « *cát lũy* », đã có chua ở trên. — Hai câu đây là nói Kiều tưởng-nghĩ về cái cảnh hiện-tại.

(4) Cung *Quảng-hàn* 廣寒. Ả *Hằng-nga* 姮娥. — *Nghĩ nao*, có bản để là chữ *sao*, cũng đều là ý đành vậy.

(5) Câu đây với câu trên, chỉ là tả cái cảnh đêm thu hiu-quạnh, mà riêng tám chữ này lại nhận thấy cái vẻ buồn-bã đáng ghê sợ. — Có bản dẫn chứng bốn chữ dưới là lấy ở chữ 三星在天 *tam tinh tại thiên* trong kinh Thi.

(6) *Phật đài* 佛臺 là chỗ thờ Phật.

(7) *Ác nhân* 惡人 là hạng bất-thiện.

(8) *Khốc quỉ kinh thần* 哭鬼驚神 là quỉ thần cũng phải ghê sợ.

Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì!
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa giong;
Sẵn thây vô-chủ bên sông,
Đem vào để đó, lận sòng ai hay (1).
Tôi-đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc-ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa, thất-kinh rụng-rời.
Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi-bời tưới lửa, tìm người lao-xao.
Gió cao, ngọn lửa càng cao,
Tôi-đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu!
Hớt-hơ hớt-hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.
Tình ngay ai biết mưu gian,
Hẳn nàng thôi lại có bàn rằng ai!
Thúc-ông sùi-sụt vắn dài,
Nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na.
Di-hài (2) nhặt sắp về nhà.
Nào là khâm-liệm, nào là tang trai (3).

(1) Một đoạn này, nghĩ về sự thực lúc ấy, kể cũng là một việc rất lạ! Vì một chuyện ghen mà thành ra một đám cướp, bắt người, đốt nhà, thiên-cổ thực chưa từng thấy. Thật là «*máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!*»

(2) *Di-hài* 遺骸 là cái hài-cốt còn sót lại.

(3) *Tang trai* 喪齋 là làm ma, làm chay.

Lễ thường đã đủ một hai.
Lục-trình (1) chàng cũng đến nơi bấy giờ.
Bước vào chốn cũ lầu thơ,
Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha, tới trung-đường! (2)
Linh-sàng, bài-vị, (3) thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi! nói hết sự-duyên, (4)
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan!
Gieo mình vật-vã khóc than:
« Con người thế ấy, thác oan thế này!
« Chắc rằng mai trúc lại vầy,
« Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau (5).
« Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
« Dễ ai rấp thảm quạt sầu cho khuây (6).

---

(1) *Lục trình* 陸程 là đường bộ.

(2) *Trung đường* 中堂 là gian giữa nhà.

(3) *Linh sàng* 靈床 là cái giường thờ. *Bài vị* 牌位 là cái miếng gỗ viết tên người đã khuất, để thờ.

(4) *Sự duyên* 事緣 là duyên-do cái việc ấy. Câu này là nói Thúc ông kể chuyện đã qua cho Thúc sinh nghe.

(5) *Vĩnh quyết* 永訣 cũng như *vĩnh biệt*, là từ-giã hẳn nhau lâu dài. — Nghĩa chữ *quyết* là sắp biệt nhau lâu mà có lời dặn tức như dặn bảo kẻ chết cũng là *quyết*. — Câu này nghe thấy thảm thiết, quả như có sự-thực. Trong nghề văn, không những dối người, mà nhiều khi dối cả mình, nếu không thế thì không hay.

(6) Hai câu đây, một bản khác để là :

Kể bao xiết nỗi thảm sầu,
Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay.

Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí-quỉ, cao tay thông huyền. (1)
Trên tam đảo, dưới cửu tuyền (2),
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ-ràng.
Sắm-sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi-han.
Đạo-nhân phục trước tĩnh-đàn, (3)
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.
Trở về minh bạch nói tường :
« Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra :
« Người này nặng nghiệp oan-gia,
« Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho ?
« Mệnh-cung (4) đang mắc nạn to,
« Một năm nữa mới thăm dò được tin.
« Hai bên giáp mặt chiền-chiền, (5)
« Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! » (6)

---

(1) *Phi phù* 飛符 là đốt cái bùa thổi tàn cho bay đi. *Trí quỉ* 致鬼 là làm cho ma đến được. *Thông huyền* là thông đến được chỗ huyền-bí.

(2) *Tam đảo* 三島 là ba chỗ cù-lao của người tiên ở, là *Bồng lai* 蓬萊, *Phương trượng* 方丈 và *Doanh-châu* 瀛洲. — *Cửu tuyền* 九泉 là chín suối, tức là âm-phủ.

(3) *Đạo nhân* 道人 cũng như nói đạo-sĩ, là kẻ học về môn phù-thủy. *Tĩnh đàn* 淨壇 là bàn thờ cúng để làm phép.

(4) *Mệnh-cung* 命宮 là cái cung vận-mệnh, lời của nhà tính số.

(5) *Chiền chiền* cũng như nói rành-rành, mà có ý là đối nhau. Một bản khác để là *« nhiều phen »*, cũng thông mà rõ nghĩa.

(6) Hai chữ *« lạ thay »* thật đắt nghĩa.

Nghe lời nói lạ dường này,
Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin.
Chẳng qua đồng cốt quàng-xiên,
Người đâu ? mà lại thấy trên cõi trần !
Tiếc hoa, những ngậm-ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên !
Đành rằng nàng đã cửu-nguyên, (1)
Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian ! (2)
Khuyển, Ưng đã đắt mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao, lèo thẳng cánh xuyền (3),
Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
Giã đò, lên trước sảnh-đường, (4)
Khuyển, Ưng, hai đứa nộp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống môn-phòng,
Hãy còn thiêm-thiếp giấc nồng chưa phai.

---

(1) *Cửu nguyên* 九原 là nói nơi âm-phủ. Hai chữ này vốn là một tên đất của nước Tấn khi xưa, các quan Khanh, Đại-phu thường đều có mả chôn ở đó, cho nên sau thành ra tiếng chung, cũng như chữ « bình khang » chỉ nói các nơi kỹ-quán vậy.

(2) *Địa ngục* 地獄 là cái ngục ở dưới âm-phủ, *nhân gian* 人間 là cõi đời người. Địa-ngục mà ở miền nhân-gian, thật không ngờ đâu như thế. — Câu này vừa là chuyền, vừa tả thực, thật hay.

(3) Chữ này, các bản đều chua tức chữ 遄 là đi mau, quả như vậy thời có hơi ép. Cho nên trong một bản khác đổi là *cánh tiên*, lại không đắt nghĩa vào chỗ đây. Tóm lại là vì vần *« thuyền »* ở trên thực khó tiếp.

(4) *Sảnh đường* 廳堂 là chỗ dinh thự, nhà quan.

Hoàng-lương (1) chợt tỉnh hồn mai,
Cửa nhà đâu tá, lâu-đài nào đây ?
Bàng-hoàng (2) dở tỉnh dở say,
Sảnh-đường mảng tiếng, đòi ngay lên lầu.
Ả-hoàn (3) lên xuống giục mau,
Hãi-hùng nàng mới theo sau mọi người.
Ngẳng trông tòa rộng dãy dài,
« Thiên-quan-chủng-tể », (4) có bài treo trên.
Ban ngày, sáp thắp hai bên,
Giữa giường thất-bảo (5) ngồi trên một bà. (6)

(1) *Hoàng-lương* 黃粱 là nói một giấc ngủ mê. — Nguyên hai chữ này chính nghĩa là *hạt kê vàng*. Xưa có anh chàng thường mơ tưởng sự phú qui, sau bị kẻ đạo-sĩ lấy thuật cho nằm mê thấy được mấy mươi năm như nguyện, lúc tỉnh dậy mà nồi kê của nhà hàng đương nấu còn chửa chín. — Hai chữ « *hồn mai* », trong mấy bản cũng dẫn điển một anh chàng gặp người con gái cho uống rượu say ở trong rừng, lúc tỉnh dậy thời thấy mình nằm ở dưới gốc cây mai.

(2) *Bàng-hoàng* 徬徨 tức là ý bâng-khuâng, dáng ngủ dậy chưa hiểu rõ gì.

(3) *Ả-hoàn* 阿鬟 là con hầu, con đòi.

(4) *Thiên-quan-chủng-tể* 天官冢宰 tức là chức Tể-tướng, ấy là chữ trong quan-chế đời nhà Chu.

(5) *Thất bảo* 七寶 là bẩy thứ quí-vật, như *vàng, bạc, lưu-ly, sà-cừ, mã-não, trân-châu, san-hô*. Bẩy thứ đó hợp làm trang-sức gọi là đồ thất-bảo. Vua Vũ đế nhà Hán có làm cái *giường thất-bảo*. Người đời sau, phàm vật gì có bẩy thứ trang-sức, cũng gọi là *thất-bảo* cho tôn quí cái giá.

(6) Đọc bốn câu đây, lại nhận lại bốn câu :

« Bên thì mấy ả mày ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương lửa hẳn-hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. »

Đều là những cái cảnh-tượng mà Thúy Kiều nhất-sinh mới trông thấy ; nếu không lưu-lạc, đâu được trải biết nhân-thế như thế ru ?

Gạn-gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình, nàng đã cứ mà gởi thưa.
Bất tình (1) nổi trận mây mưa,
Tuồng chi những giống bơ-thờ quen thân.
« Con này chẳng phải thiện-nhân, (2)
« Chẳng phường trốn chúa, thì quân lộn chồng.
« Ra tuồng mèo mả, gà đồng (3),
« Ra tuồng lúng-túng, chẳng xong bề nào.
« Đã đem mình bán cửa tao,
« Lại còn khủng-khỉnh làm cao thế này ! (4)
« Nào là gia-pháp nọ bay (5) !
« Hãy cho ba chục, biết tay một lần ».
Ả-hoàn trên dưới dạ rân (6),
Dẫu rằng trăm miệng, khôn phân lẽ nào.
Trúc-côn (7) ra sức dập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh !
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió, tan-tành một phen ! (8)

---

(1) *Bất tình* 不情 là bất thình-lình. — Hai chữ *« mây mưa »* đây, là nói sự giận dữ, song dùng chữ thực ép.

(2) *Thiện nhân* 善人 là con người lương-thiện.

(3) *Mèo ở mả gà ở đồng*, là nói ví những kẻ vô-loài, vô cứ, tức như hạng gái trốn chúa lộn chồng vậy.

(4) Hai câu này, nếu là lời mắng của Tú-Bà thời hợp hơn.

(5) *Gia-pháp* 家法 là phép nhà. — Đọc câu này lại nhớ đến câu : *« nhập gia phải cứ phép nhà tao đây »*, thời ra nhà nào cũng có gia-pháp của nhà nấy.

(6) Chữ này tức là chữ *ran* mà ép vần.

(7) *Trúc côn* 竹棍 là gậy tre.

(8) Những chữ *« một phen »* đây là có ý nhớ lại hai lần Thúy Kiều bị đòn trước, mà lần này lại bị.

« Hoa-nô (1) truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị-tì (2).
Ra vào theo lũ thanh-y (3),
Dãi-dầu tóc rối da chì quản bao.
Quản-gia (4) có một mụ nào,
Thấy người thấy nết ra vào mà thương.
Khi chè chén, khi thuốc thang,
Đem lời phương-tiện, mở đường hiếu-sinh (5)
Dạy rằng : « May rủi đã đành,
« Liễu bồ (6) mình giữ lấy mình cho hay.
« Cũng là oan-nghiệp chi đây,
« Sa cơ mới đến thế này chẳng dưng.
« Ở đây tai vách mạch rừng (7),
« Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
« Kẻo khi sấm-sét bất-kỳ,
« Con ong cái kiến kêu gì được oan ».
Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàn-hoàn (8) niềm tây :

---

(1) *Hoa-nô* 花 奴 lấy nghĩa là đứa ở gái ; nguyên chữ *nô* là đứa ở mà chữ *hoa* là tiếng lịch-sự nói về con gái.

(2) *Thị-tỳ* 侍 婢 là đứa hầu gái.

(3) *Thanh y* 青 衣 là áo xanh. Đời xưa áo xanh là đồ mặc của kẻ hèn, cho nên con hầu gọi là « *thanh y* ».

(4) *Quản gia* 管 家 là kẻ trông coi việc nhà, cai-quản lũ đầy-tớ.

(5) *Phương tiện* 方 便 là ý dễ-dãi. *Hiếu sinh* 好 生 là ý thương xót làm phúc.

(6) *Liễu bồ* 柳 蒲 cũng như *bồ liễu*, hai thứ cây mềm yếu, nói ví phận con gái.

(7) Bốn chữ này bởi câu phương-ngôn « *rừng có mạch, vách có tai.* » ý nói phải giữ kín-đáo.

(8) *Bàn-hoàn* 盤 桓 nghĩa là quanh-quẩn, vơ-vẩn.

« Phong-trần kiếp đã chịu đày,
« Lầm-than lại có thứ này bằng hai !
« Phận sao bạc chẳng vừa thôi ?
« Khăng-khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan !
« Đã đành túc-trái tiền-oan (1),
« Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi. »
Những là nương-náu qua thì,
Tiểu-thư phải buổi mới về ninh-gia (2).
Mẹ con trò-chuyện lân-la,
Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy lời :
« Tiểu-thư, dưới trướng thiếu người,
« Cho về bên ấy theo đòi lầu-trang (3) ».
Lĩnh lời, nàng mới theo sang,
Biết đâu địa-ngục thiên-đàng (4) là đâu !

---

(1) *Túc-trái tiền-oan* 夙 債 前 冤 là nợ xưa, oan trước.

(2) *Ninh-gia* 寧 家 là thăm nhà, nghĩa cũng như chữ *qui ninh* đã có chú ở trên. — Xem câu này thời lần trước Hoạn-thư về thăm mẹ để bàn tính câu truyện, xong rồi lại về hẳn bên nhà mình ; mà Kiều bị bắt hẳn đem về nhà mẹ Hoạn-thư, rồi nàng mới lĩnh về dùng làm đứa hầu sau. Cách hành-động như thế, một là cũng có ý tránh tiếng ; hai là bên nhà mẹ nàng mới sẵn nhiều khuyển ưng ; ba là bố đẻ Hoạn thư tất không còn, hoặc là làm quan ở Kinh xa, nếu có ông Lại-bộ hiện ở nhà, tưởng không dám có việc như thế.

(3) *Lầu trang* cũng như *đài trang*, là chỗ trang-điểm của hạng đàn-bà con-gái phong-lưu phú quí.

(4) *Địa-ngục* 地 獄 là nơi hình-phạt ở âm-phủ ; *thiên đường* 天 堂 là nơi vui sướng ở trên trời. Lời của nhà tôn-giáo đặt ra để khuyên răn người, ai ở thiện thời sau khi chết đi, được lên thiên-đường, ở ác thời phải vào địa-ngục.

Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai !
Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh lời, nàng mới lựa dây,
Nỉ-non thánh-thót dễ say lòng người.
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
Cửa người đày-đọa chút thân,
Sớm than-thở bóng, đêm ân-hận lòng.
Lâm-truy chút nghĩa đèo-bòng,
Nước bèo (1) để chữ tương-phùng kiếp sau !
Bốn phương mây trắng một màu (2),
Trông vời cố-quốc, biết đâu là nhà ?
Lần lần tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.
Lâm-truy từ thuở uyên bay (3),
Buồng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mày ai trăng mới in ngần (4),
Phấn thừa hương cũ bội phần xót-xa.

---

(1) *Nước bèo* bởi chữ 萍 水 相 逢 *bình thủy tương phùng* bèo với nước gặp nhau là ngẫu-nhĩ mà tan đi hai phương cũng không biết lúc nào. — Hai câu đây rất êm-ấm mà có tình.

(2) Hai chữ *« mây trắng »* cũng tức là ý chữ 白 雲 *bạch vân* đã có chua ở nhiều nơi trên. — Hai câu này rất bát-ngát, dễ khiến cho người ta có sự xa-xôi.

(3) *Uyên* 鴛 là uyên-ương ; *bay* là bay đi mất.

(4) Chữ « ai » trong câu đây là nói vào Kiều, trông thấy trăng đầu tháng in cái vệt cong mà tưởng như lông mày của ai vậy.

Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân (1)
Tìm đâu cho thấy cố-nhân ? (2)
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương. (3)
Trạnh niềm nhớ cảnh gia-hương,
Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê. (4)
Tiểu thư đón cửa dã-dề,
Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là,
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một dừng,
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa (5) :
« Phải rằng nắng quáng, đèn lòa ? (6)
« Rõ-ràng ngồi đó, chẳng là Thúc-sinh ?
« Bây giờ tình mới tỏ tình,
« Thôi-thôi đã mắc vào vành chẳng sai !
« Chước đâu ? có chước lạ đời !
« Người đâu ? mà lại có người tinh-ma !

---

(1) Hai câu này thật có tài, đem cái tình-cảnh vô-vị của Thúc-Sinh trong một năm, cho theo đi với ngày tháng như nước trôi vậy.

(2) *Cố-nhân* 故 人 là người cũ.

(3) Tả một cái tình thường của người sống đối với người chết.

(4) Khi ở quê thời « *trạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ* », nay lại *trạnh* « *niềm nhớ cảnh gia hương* », hai câu có đối nhau. Hai chữ « *tìm đường* » nghe thấy có ý bỉ-bác.

(5) Một cái tình cảnh thật lạ.

(6) Ý câu này ăn xuống câu dưới, cũng như *Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao* ».

« Rõ-ràng thật lứa đôi ta,
« Làm ra con ở, chúa nhà, đôi nơi !
« Bề ngoài thơn-thớt nói cười,
« Mà trong nham-hiểm, giết người không dao (1).
« Bây giờ đất thấp trời cao,
« Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ ? »
Càng trông mặt, càng ngẩn-ngơ,
Ruột tằm đòi-đoạn như tơ rối bời.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu, nép xuống sân mai một chiều. (2)
Sinh đà phách lạc hồn xiêu :
« Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ?
« Nhân làm sao, đến thế này ?
« Thôi-thôi, ta đã mắc tay ai rồi ! »
Sợ quen, dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt ngọc sụt-sùi rỏ sa.
Tiểu-thư trông mặt hỏi tra :
« Mới về, có việc chi mà động dong (3) ? »

---

(1) Hai câu này có bởi chữ 笑中有刀 *tiếu trung hữu dao* (trong cái cười có dao) là chữ nói Lý-lâm-Phủ, một kẻ gian thần đời Đường và câu thường-ngữ 殺人無刀劍 *Sát nhân vô đao kiếm* giết người không phải có gươm dao.

(2) Chữ này, trong các bản đều đề là *chiều*, song trộm nghĩ là chữ *chào*, có lẽ phải nghĩa hơn.

(3) *Động dong* 動容 là động đến dáng mặt.

Sinh rằng : « Hiếu-phục (1) vừa xong,
« Suy lòng trắc-dĩ, đau lòng chung-thiên (2) ! »
Khen rằng : « Hiếu-tử (3) đã nên !
« Tẩy trần mượn chén giải phiền (4) đêm thu ».
Vợ chồng chén tạc chén thù (5),
Bắt nàng đứng chực trì hồ (6) hai nơi.
Bắt khoan bắt nhặt đến lời,
Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.
Sinh càng như dại, như ngây,
Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.
Ngảnh đi, chợt nói chợt cười,
Cáo say, chàng đã tính bài lảng ra.
Tiểu-thư vội thét : « Con Hoa !
« Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta có đòn ! »
Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ-hòn ráo ngay !

---

(1) *Hiếu-phục* 孝服 là đồ mặc tang trở.

(2) *Trắc-dĩ* 陟屺 là lên trái núi, chữ trong kinh Thi, nói trèo lên trái núi nọ mà lòng nhớ trông mẹ. *Chung thiên* 終天 là trọn hết ngày trời, tức là suốt đời, nói lòng nhớ cha mẹ đã khuất thời suốt đời không quên. — Xem câu đây với câu trên, thời ra Thúc-Sinh còn đương tang mẹ mà lấy Kiều! Chỗ đó, ông quan phủ Lâm-truy không xét chăng ?

(3) *Hiếu-tử* 孝子 là người con có hiếu. Câu khen này có ý ác.

(4) *Giải phiền* 解煩 là khuây cởi sự phiền não.

(5) Chữ *thù* 酬, nghĩa là chủ-nhân mời rượu khách; chữ *tạc* 酢 là khách rót để mời lại chủ. Thường ta hay nói *thù tạc* là hai người cùng uống rượu với nhau.

(6) *Trì hồ* 持壺 là cầm cái bầu, tức là đứng rót rượu.

Tiểu-thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
Rằng: «Hoa-nô đủ mọi tài,
«Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe!»
Nàng càng choáng-váng tê-mê,
Vâng lời ra trước bình the vặn đàn:
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
Cùng trong một tiếng tơ đồng (1),
Người ngoài cười nụ, người trong (2) khóc thầm!
Giọt châu lã-chã khôn cầm,
Cúi đầu, chàng những gạt thầm giọt sương (3),
Tiểu-thư lại thét lấy nàng:
«Cuộc vui, gảy khúc đoạn-tràng ấy chi?
«Sao chẳng biết ý tứ gì?
«Cho chàng buồn-bã, tội thì tại ngươi!»
Sinh càng thảm-thiết bồi-hồi,
Vội-vàng gượng nói, gượng cười, cho qua.

---

(1) *Đồng* 桐 là thứ gỗ vông để làm cây đàn.

(2) *Ngoài* là ngoài cuộc, là nói về Hoạn-thư; *trong* là trong cuộc, là nói về Thúc-Sinh.

(3) Hai chữ này chỉ là nói nước mắt, có nhiều bản để là «*giọt tương*», song dù chữ nào cũng đều có ý ép; vả chăng trên đã có chữ «*giọt châu*» thời lại không khỏi là điệp.

Giọt rồng (1) canh đã điểm ba,
Tiểu-thư nhìn mặt, dường đà cam tâm. (2)
Lòng riêng tấp-tểnh mừng thầm :
« Vui này đã bõ đau ngầm xưa nay ».
Sinh thì gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Người vào chung gối loan-phòng,
Nàng (3) ra tựa bóng đèn giong canh dài.
Bây giờ mới rõ tăm-hơi,
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen !

---

(1) Hai chữ này, nghĩa là cái giọt nước tính thời-khắc theo lối « đồng-hồ » ngày xưa. Vì trong cái bộ đồ tính thời-khắc ấy, có đúc đồng làm hình đầu rồng, mà ở cái miệng rồng ấy phun nước ra, cho nên gọi là 銅 龍 « *đồng long* », nghĩa là con rồng bằng đồng. Chữ « *giọt rồng* » đây thực bởi thế. — Có bản đề là « *giọt đồng* », cũng lại có nghĩa. Vì rằng cái bộ đồ tính thời-khắc đó, có làm hình thằng người bằng đồng đứng ở trên cái hồ, cho nên gọi là 銅 壺 « *đồng-hồ* », hai chữ « *đồng-hồ* » của ta đến nay vẫn nói quen, là bởi gốc ở đó. Tóm lại thời cái vật dùng để tính thời-gian của Tầu từ xưa, có nhiều kiểu mà mỗi kiểu mỗi khác, đến nay không mấy người biết rõ. Đại-khái thời có dùng nước đựng trong những cái hồ cho rỏ giọt dần xuống, cho nên tóm gọi là 漏 *lậu*. Nghĩa chữ *lậu* là nước rò xuống. Ở cái hồ thời có khắc ra trong một ngày đêm chia làm một trăm khắc để tính, cho nên tiếng dùng để đếm gọi là 刻 « *khắc* ». Như thế nhận nghĩa, cũng hiểu qua mà thôi.

(2) *Cam tâm* 甘 心 nghĩa là hả lòng.

(3) Chữ này, trong các bản đều đề chữ *nàng*, mà tôi nhớ từ thủa bé thường nghe có người đọc là *kẻ*, nghĩ có lẽ hơn.

Chước đâu rẽ thúy chia uyên (1)!
Ai ra đường (2) nấy, ai nhìn được ai?
Bây giờ một vực, một trời,
Hết điều khinh-trọng, hết lời thị-phi.
Nhẹ như bấc, nặng như chì,
Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên?
Lỡ-làng chút phận thuyền quyên,
Bề sâu sóng cả có tuyền được vay?
Một mình âm-ỷ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
Sớm khuya hầu-hạ đài-dinh (3),
Tiểu-thư chạm mặt, đè tình hỏi tra.
Lựa lời, nàng mới thưa qua:
« Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình... »
Tiểu thư hỏi lại Thúc-Sinh:
« Cạy chàng tra lấy thực-tình cho nao! »
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang!
Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.

---

(1) *Uyên* 鴛 là nói chim *uyên-ương*, thường hai con sống mái đi đôi với nhau. Nhân chữ *uyên* mà trên thêm chữ *thúy*. *Thúy* 翠 thời là con chim chả.

(2) Chữ « *đường* » này cũng tức là chữ *chước* ở trên, nghĩa là ai lập ra cái phương-kế ấy.

(3) *Đài* 臺 là đài-các; *dinh* 營 là dinh-thự. Nhiều bản để là *dài doanh*, nghĩa cũng vậy mà lời kém hơn. — Từ câu này trở xuống, một đoạn hơn mười câu, lời văn lụn-vụn yếu-kém, nghe không ra giọng văn của Tác-giả, mà tình-sự cũng không có gì, chỉ nên san-chước đính-chính lại là phải.

Cúi đầu qui trước sân hoa,
Thân-cung (1) nàng mới dâng qua một tờ.
Diện-tiền (2) trình với Tiểu-thư,
Thoắt xem, dường có ngẩn-ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc-Sinh,
Rằng: « Tài nên trọng mà tình nên thương!
« Ví chăng có số giàu sang,
« Giá này dẫu đúc nhà vàng (3) cũng nên!
« Bể trần chìm nổi thuyền-quyên,
« Hữu tài, thương nỗi vô duyên lạ đời! »
Sinh rằng: « Thật có như lời,
« Hồng-nhan bạc-mệnh, (4) một người nào vay!
« Nghìn xưa âu cũng thế này,
« Từ-bi âu liệu bớt tay mới vừa ».
Tiểu-thư rằng: « Ý trong tờ,
« Rắp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa không (5).
« Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
« Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.

---

(1) *Thân cung* 申供 nghĩa là khai trình ra.

(2) *Diện-tiền* 面前 là trước mặt.

(3) *Nhà vàng* bởi chữ 金屋 *kim ốc* ra. Xưa vua Hán Vũ-đế trong lúc còn ít tuổi chưa làm nên, có mê thiết nàng Âm-lệ-hoa, từng nói rằng: « Nếu được người con gái đẹp ấy, thời nên lấy cái nhà bằng vàng mà chứa ».

(4) *Hồng nhan bạc mệnh* 紅顏薄命 là người con gái đẹp thường hay bị mạnh bạc, câu nói thường từ xưa. Thơ cổ cũng có câu rằng: 紅顏勝人多薄命 *Hồng nhan thắng nhân đa bạc mệnh*. Hồng-nhan hơn người thời phần nhiều phải chịu mạnh bạc, là nói nàng Chiêu-quân.

(5) *Cửa không* bởi chữ 空門 là cửa nhà Phật.

« Sẵn Quan-âm các vườn ta,
« Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa (1)
« Có cổ-thụ, (2) có san-hô,
« Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng-kinh ».
Tâng-bừng, trời mới bình-minh,
Hương hoa, ngũ cúng, (3) sắm-sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật-đường (4),
Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia (5).
Áo xanh đổi lấy cà-sa, (6)
Pháp-danh lại đổi tên ra *Trạc-tuyền*. (7)

---

(1) Nói có những cây cao lớn và những hoa nở quanh năm.

(2) *Cổ-thụ* 古 樹, cây cổ.

(3) *Ngũ cúng* 五 供 là năm thứ cúng Phật. Hai chữ này, các bản chú nghĩa có khác nhau. Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn rằng: « Nhà chùa mỗi tiệc chay lớn, trước tòa Phật đặt lễ chay năm vị khác nhau ». Trong bản ông Hồ-Đắc-Hàm thời cho rằng: năm đồ lễ cúng Phật là: *hương nước, bỏng tràng, hương xông, cơm* và *đèn*.

(4) *Phật đường* 佛 堂 là chỗ thờ Phật.

(5) Câu này toàn những chữ thuộc về nhà chùa. *Tam qui* 三 皈 là ba chỗ qui-y: 1. qui y Phật; 2. qui y Pháp; 3. qui y tăng.— *Ngũ giới* 五 戒 là năm điều phải răn cấm: 1. sát sinh; 2. ăn trộm; 3. tà-dâm; 4. nói càn; 5. uống rượu. — *Xuất gia* 出 家 là ra khỏi nhà, nghĩa là đi ở chùa. — Đây là một cách xử-trí rút bỏ cái danh ở trước mắt.

(6) *Cà-sa* 袈 裟 là áo của sư mặc. *Áo xanh* tức là đồ mặc thị-tỳ.

(7) *Pháp danh* 法 名 là tên đặt theo phép nhà chùa. — *Trạc-tuyền* 濯 泉 tức là cái tên mới đặt ấy. — Chỉ hai câu, tự thành một bức tranh « vân cẩu », thấy cuộc đời vô hạn tang thương. Hai chữ « *Pháp danh* » để đặt làm hai chữ « *Hoa nô* », có lẽ hơn.

Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu (1) cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Nhường gần rừng tía, nhường xa bụi hồng (2).
Nhân-duyên đâu lại còn mong? (3)
Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng thì thôi.
Phật-tiền thảm lấp sầu vùi,
Ngày pho thủ-tự, đêm nồi tâm-hương. (4)
Cho hay giọt nước cành dương (5),
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên.
Nâu sồng từ trở màu thuyền,
Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.
Cửa thuyền then nhặt lưới mau,
Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
Gác kinh, viện sách đôi nơi,
Trong gang-tấc, lại gấp mười quan-san.
Những là ngậm thở nuốt than,
Tiểu-thư phải buổi vấn an (6) về nhà.

---

(1) *Xuân-hoa, Thu-nguyệt* là tên hai đứa hầu, cắt về việc thắp hương pha chè. Chỗ này cũng thấy có phong-nhã lịch-sự, thật là thái-độ của con nhà đại-gia.

(2) *Rừng tía* là cảnh Phật, *bụi hồng* là cảnh trần-tục.

(3) Có bản đề là «... đâu nữa mà mong!».

(4) *Thủ tự* 手字 là chữ viết bằng tay; đây nói pho kinh chép tay ra. *Tâm hương* 心香 là hương đốt để tụng niệm cầu nguyện; *nồi* hương cũng như bát hương.

(5) *Giọt nước cành dương* bởi chữ 楊枝水 *dương chi thủy*, là nước ở cành dương-liễu, nhà Phật dùng để làm phép, tưới rửa những sự phiền-não cho chúng-sinh.

(6) *Vấn an* 問安 là hỏi thăm sự bình-an.

Thừa cơ, sinh mới lẻn ra,
Xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt-sùi giở nỗi đoạn-tràng,
Giọt châu tầm-tã đượm tràng áo xanh (1):
« Đã cam chịu bạc với tình,
« Chúa-xuân (2) để tội một mình cho hoa!
« Thấp cơ thua trí đàn-bà,
« Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
« Vì ta, cho lụy đến người,
« Cát lầm ngọc trắng, thiệt đời xuân-xanh!
« Quản chi lên thác xuống ghềnh,
« Cũng toan sống thác với tình cho xong.
« Tông-đường chút chửa cam lòng (3),
« Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai.

---

(1) Hai chữ *« áo xanh »* đây là bởi chữ 青衫 *thanh sam*, thức mặc của hạng người đàn-ông lịch-sự. Tỳ-bà-hành, câu cuối rằng : 就中泣下誰最多. 江州司馬青衫濕. *Tựu trung khấp hạ thùy tối đa, Giang-châu Tư-mã thanh-sam thấp* : Kể trong đám ngồi ai khóc nhiều hơn cả ? Có quan Tư-mã Giang-châu ướt cả vạt áo xanh. (Tư-mã tức là ông Bạch-cư-Dị, Tác giả bài Tỳ-bà-hành).

(2) Hai chữ *« chúa xuân »* đây, nghĩ chỉ vì chữ *« hoa »* mà đặt ra, là một lời nói tự-nhiên. Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm cho là chỉ về Hoạn-thư, e không được tự nhiên và tiếp xuống chữ *« để »* không chạy nghĩa.

(3) *Tông-đường* 宗堂 là nhà thờ tổ-tiên. Câu này ý nói chưa có con trai để nối dõi tông-đường, cho nên phải cắn răng như sau...

« Thẹn mình đá nát vàng phai,
« Trăm thân dễ chuộc một lời được sao (1) ? »
Nàng rằng : « Chiếc bách sóng đào (2),
« Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may !
« Chút thân quằn-quại vũng lầy,
« Sống thừa, còn tưởng đến rày nữa sao ?
« Cũng liều một hạt mưa rào, (3)
« Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay !
« Xót vì cầm đã bén dây,
« Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.
« Liệu bài mở cửa cho ra,
« Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu ! »
Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,
« Lòng người nham-hiểm biết đâu mà lường.
« Sợ khi giông tố phũ-phàng, (4)
« Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.

(1) *Một lời* tức là cái lời « *đá vàng* » với nhau mà để cho đến *phai nát*, thời dẫu cho có trăm thân cũng không thể chuộc được. — Hai chữ « *trăm thân* » đây, bởi câu trong kinh Thi : 如可贖兮. 人百其身 *Như khả thục hề, nhân bách kỳ thân*, là người ta tiếc mấy người hiền-nhân mà vua bắt phải chết theo, cho nên nói : nếu có chuộc được, thời mỗi người muốn có trăm cái thân để chuộc.

(2) *Chiếc bách* là chiếc thuyền gỗ bách, bởi chữ 柏舟 *bách-chu* trong kinh Thi, nói cái phận lênh-đênh của người đàn-bà như vậy. *Sóng đào* là sóng cả, tức là nghĩa chữ 濤 *đào* là sóng.

(3) Phong-dao có câu : « *Đàn-bà như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa* ». Lại ngạn-ngôn có câu : « *Đàn-bà như hạt mưa sa, sa đâu ấm đấy* ».

(4) *Giông tố* là những cơn mưa to gió lớn, đây nói ví sự giận dữ bất-kỳ của Hoạn-Thư.

« Liệu mà xa chạy cao bay,
« Ái-ân ta có ngần này mà thôi !
« Bây giờ kẻ ngược, người xuôi,
« Biết bao giờ lại nối lời nước non ?
« Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
« Con tằm đến thác cũng còn vương tơ (1) ! »
Cùng nhau kể-lể sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Mặt trông, tay chẳng nỡ rời,
Hoa-tỳ (2) đã động tiếng người nẻo xa.
Ngập ngừng nuốt tủi lảng ra,
Tiểu-thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
Cười cười, nói nói ngọt-ngào,
Hỏi : « Chàng mới ở chốn nào lại chơi ? »
Dối quanh Sinh mới liệu lời :
« Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh. »
Khen rằng : « Bút-pháp (3) đã tinh,
So vào với thiếp Lan-đình (4) nào thua !

(1) Nói tấm lòng thương nhớ không bao giờ có hết. Câu này có bởi ở câu thơ : 春蠶到死絲方盡 *Xuân tàm đáo tử ty phương tận.* Con tằm mùa xuân đến lúc chết thời tơ mới hết. Người sau nhân đó lại có câu : 到死春蠶. 餘絲未盡. *Đáo tử xuân tàm, dư ti vị tận.* Con tằm xuân dẫu đến lúc đã chết, mối tơ thừa còn vẫn chưa hết.

(2) *Hoa tỳ* 花婢 là con ở gái, chữ đặt lịch-sự.

(3) *Bút-pháp* 筆法 là cách viết, lối chữ viết.

(4) *Thiếp Lan-đình* nguyên chữ là 蘭亭帖 *Lan-đình thiếp,* một lối viết của ông Vương-Hy-Chi đời nhà Tấn, truyền mãi đến đời sau, cho là rất tốt rất quí.

« Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,
« Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài ! »
Thuyền-trà cạn nước hồng-mai (1),
Thong-dong nối-gót thư-trai (2) cùng về.
Nàng càng e-lệ, ủ-ê,
Rỉ tai, hỏi lại hoa-tỳ trước sau.
Hoa (3) rằng: « Bà đến đã lâu,
« Rón chân đứng núp độ đâu nửa giờ.
« Rành-rành kẽ tóc chân tơ,
« Mấy lời nghe hết, đã dư tỏ-tường.
« Bao nhiêu đoạn khổ tình thương :
« Nỗi ông vật-vã, nỗi nàng thở-than.
« Ngăn tôi đứng lại một bên,
« Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. »
Nghe thôi, kinh hãi xiết đâu :
« Đàn-bà thế ấy, thấy âu một người !
« Ấy mới gan, ấy mới tài !
« Nghĩ càng thêm nỗi sởn gai (4) rụng-rời !

---

(1) *Thuyền-trà* 禪茶 là nước chè của nhà chùa pha ra. *Hồng mai* 紅梅 là mơ đỏ, có lẽ tức là như gỗ « Lão mai » ở vùng chùa Hương người ta thường bán trong ngày hội, để làm thứ pha nước uống, hương thơm như mùi sen ; vì pha ra thời nước đỏ, cho nên gọi là *hồng-mai*. Lại có thứ cây *hồng-mai* trồng trong chậu làm cảnh, thân cây bé mà hoa đỏ, pha nước uống rất thơm. Nhận về đằng nào cũng có nghĩa.

(2) *Thư-trai* 書齋 cũng như thư-viện, là chỗ nhà xem sách.

(3) Đoạn này có hoa-tỳ ở lại, để tỏ ra sự-tình, thực hay.

(4) *Sởn gai* là sởn tóc gai, là bộ kinh sợ.

« Người đâu sâu-sắc nước đời !
« Mà chàng Thúc phải ra người bó tay (1) !
« Thực tang, bắt được dường này,
« Máu ghen, ai cũng chau mày nghiến răng.
« Thế mà im chẳng đãi-đằng (2),
« Chào mời vui-vẻ, nói-năng dịu-dàng !
« Giận dầu, ra dạ thế-thường,
« Cười dầu, mới thực khôn lường hiểm sâu (3).
« Thân ta, ta phải lo âu,
« Miệng hùm, nọc rắn, (4) ở đâu chốn này !
« Ví chăng chắp cánh cao bay,
« Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !
« Phận bèo, bao quản nước sa,
« Lênh-đênh đâu nữa, cũng là lênh-đênh !
« Chỉn e quê khách một mình,
« Tay không, chưa dễ tìm vành ấm no ».
Nghĩ đi, nghĩ lại quanh-co,
Phật-tiền, sẵn có mọi đồ kim-ngân ;

---

(1) Hai chữ *« bó tay »* đặt đi với chữ *thúc* 束 thật khéo. Nghĩa chữ *thúc* 束 là bó ; 束 手 *thúc thủ* thời là bó tay. Phàm việc gì chịu chết không sao được, người ta thường nói là *« thúc thủ »*.

(2) *Đãi-đằng* là ầm-ỹ lên.

(3) Hai chữ *dầu* đây chỉ là tiếng thêm lót. Chữ *thế thường* 世 常 ở câu trên, nghĩa là thường-tình của người đời.

(4) Thơ cổ rằng : 猛 虎 口 中 劍. 長 蛇 尾 上 針. 兩 般 猶 未 毒. 最 毒 婦 人 心. *« Mãnh hổ khẩu trung kiếm, tràng sà vĩ thượng trâm. Lưỡng ban do vị độc, tối độc phụ-nhân tâm »*. Nghĩa rằng : Cái gươm ở trong miệng con hổ dữ, cái kim ở trên đuôi con rắn dài ; hai thứ đó còn chưa là độc, rất độc thời là bụng người đàn-bà.

Bên mình giắt để hộ thân.
Lần nghe canh đã một phần trống ba,
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng trăng tà về tây.
Mịt-mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điếm nguyệt, dấu giày cầu sương (1
Canh khuya, thân gái, dặm trường,
Phần e đường xá, phần thương dãi-dầu!
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà!
Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành-rành « *Chiêu-ẩn-am* » ba chữ bài (2).

---

(1) Câu này, có bởi ở hai câu cổ-thi : 雞聲茅店月. 人跡板橋霜. *Kê thanh mao-điếm nguyệt, nhân-tích bản kiều sương.* Nghĩa là : tiếng gà gáy ở dưới bóng trăng, chỗ cái lều cỏ ; vết chân người đi ở trên cái cầu gỗ có sương in. Ấy là lời thơ nói về cảnh đi đường lúc gần sáng. — Từ chữ « *Cất mình qua...* » cho đến chữ « *dãi-dầu* ,» sáu câu đây lại tả Thúy-Kiều đi đêm một lần nữa, mài lần này đi một mình ; tình-cảnh thê-lương, đáng vì người đàn-bà con gái ấy mà thương sợ. Đọc sáu câu này, lại nhận lại sáu câu ở chỗ Kiều đi đêm lần trước :

Cùng nhau lén bước xuống lầu,
Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu, khắc vợi, canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ lạt mầu sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.

Thời thấy hai cái tình-cảnh khác nhau mà cùng một văn-bút. Tác-giả thật quả tài-tử thay!

(2) Ba chữ đề ở ngoài cong chùa : 招隱庵 *Chiêu-ẩn-am*, nghĩa là cái chùa dung nạp những người nương náu.

Xăm-xăm gõ mái cửa ngoài,
Trụ-trì (1) nghe tiếng, rước mời vào trong.
Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác-Duyên sư-trưởng (2) lành lòng liền thương.
Gạn-gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ-lùng, nàng hãy tìm đường nói quanh:
« Tiểu-thuyền (3) quê ở Bắc-kinh, (4)
« Qui sư, qui Phật, tu-hành bấy lâu.
« Bản-sư (5) rồi cũng đến sau,
« Dạy đưa pháp-bảo sang hầu sư-huynh. (6) »
« Rày vâng diện-hiến (7) rành-rành »:
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
Xem qua, sư mới dạy qua:
« Phải nơi Hằng-thủy (8) là ta hậu-tình.

---

(1) *Trụ-trì* 住 持 là người tu ở chùa. Các nhà sư, ai tu ở chùa nào, gọi là trụ-trì chùa ấy.

(2) *Giác duyên* 覺 緣 là tên bà sư ở chùa ấy. Sư-trưởng 師 長 là người thày, người cả, cũng như nói thày cả.

(3) *Tiểu thuyền* 小 禪 là kẻ đi tu nhỏ mọn, là lời người « tiểu » tự xưng.

(4) *Bắc-kinh* 北 京 đã chua ở câu «*...hai kinh vững-vàng*».

(5) *Bản sư* 本 師 là vị sư ở chùa mình.

(6) *Pháp bảo* 法 寶 là vật quí của nhà chùa, tức nói vào những đồ chuông vàng khánh bạc. *Sư huynh* 師 兄 là bực sư đàn anh, tức nói vào Giác-duyên mà là thay lời của vị sư chùa mình.

(7) *Diện hiến* 面 獻 là đem dâng trước mặt.

(8) *Hằng thủy* 恆 水; hai chữ này, hoặc là tên một vị sư hoặc là tên một ngôi chùa ở hạt Trấn-giang, chưa được tường lắm. *Hậu tình* 厚 情 là chỗ có tình-ý thân hậu.

« Chỉn e đường-xá một mình,
« Ở đây chờ đợi sư-huynh ít ngày ».
Gửi thân được chốn am mây,
Muối rưa đắp-đổi tháng ngày thong-dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng (1) quen tay.
Sớm khuya lá-bối, phướn mây, (2)
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.
Thấy nàng thông-tuệ (3) khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.
Cửa thuyền vừa cữ cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời.
Gió quang mây tạnh thảnh-thơi,
Có người đàn-việt lên chơi cửa già (4).
Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: « Khéo giống của nhà Hoạn-nương! »
Giác-Duyên thực ý lo-lường,
Đêm thanh, mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nỗi giấu mầu,
Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay:

---

(1) *Trai phòng* 齋 房 là những gian nhà, gian phòng của các sư ở. Chữ *trai* này tức như chữ *thư-trai*, là chỗ ở riêng việc thanh-tịnh.

(2) *Lá bối* là bởi chữ 貝 葉 *bối diệp*, lá thứ cây bối, hay *bối đa* dùng để viết kinh khi xưa. — *Phướn mây* là cái cây *phướn* rợp khoảng mây ; trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm cho là « lá phướn có vẽ mây ở viền ».

(3) *Thông tuệ* 聰 慧 cũng như thông-minh.

(4) *Đàn-việt* 檀 越 là những người mộ đạo hay đi lễ chùa, và hay bố-thí làm việc công-đức. — Chữ *già* bởi chữ 伽 藍 *già-lam*, là tiếng nhà Phật gọi chùa như vậy.

« Bây giờ, sự đã dường này,
« Phận hèn dù rủi, dù may, tại người ».
Giác-Duyên nghe nói rụng-rời,
Nửa thương, nửa sợ bồi-hồi chẳng xong.
Rỉ tai mới kể sự lòng:
« Ở đây cửa Phật, là không hẹp gì:
« E chăng những sự bất kỳ,
« Để nàng cho đến nỗi thì cũng thương!
« Lánh xa, trước liệu tìm đường,
« Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê (1)! »
Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhắn sang, dặn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng chứa chân.
Những mừng được chốn yên thân,
Vội-vàng nào kịp tính gần tính xa.
Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc-bà học với Tú-bà cùng môn (2)!
Thấy nàng mặn phấn tươi son,
Mừng thầm được món bán buôn có lời.
Hư không (3) đặt để nên nhời,
Nàng đà nhớn-nhác rụng-rời lắm phen.

(1) Ngạn-ngữ nói: *« Nước đến chân mới nhảy »*. *Quê*, nghĩa là không khôn-khéo.

(2) *Bạc bà* 薄婆 tức là nhà họ Bạc do sư Giác-Duyên giới-thiệu. — *Đồng môn* 同門 là cùng một cửa trường.

(3) *Hư-không* 虛空 là không có cớ gì, bỗng dưng.

Mụ càng xui giục cho liền,
Lấy lời hung-hiểm, ép duyên Châu-Trần (1).
Rằng: « Nàng muôn dặm một thân,
« Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.
« Giống oan-gia, của phá-gia, (2)
« Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!
« Kíp toan (3) kiếm chốn xe dây,
« Không dưng, chưa dễ mà bay đường trời!
« Nơi gần thì chẳng tiện nơi;
« Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
« Có chàng Bạc-Hạnh (4) cháu nhà,
« Cũng trong thân-thích ruột-rà, chẳng ai.
« Cửa hàng buôn bán châu Thai, (5)
« Thực-thà có một, đơn sai chẳng hề.

---

(1) *Châu Trần* 朱陳 nghĩa đã có chua ở trên.

(2) *Oan-gia* 冤家 là nhà bị oan; *Phá-gia* 破家 là làm tan nhà. Những tiếng ghê-gớm, ý trỏ vào sự ăn trộm chuông vàng khánh bạc và những vật ấy để làm cho Kiều phải sợ khiếp.

(3) Chữ *toan* đây, tức là nghĩa chữ 算 *toán*, là phải tính liệu.

(4) *Bạc-Hạnh* 薄倖.

(5) *Châu thai*, chữ là 台州 *Thai-châu*, xưa thuộc tỉnh Chiết-giang, nay tức là đất huyện Lâm-hải. — Chữ *hàng* trong câu đây, nhiều bản để là chữ *nhà*. Song xét ở đoạn dưới, như những câu: « *một nhà dọn-dẹp linh-đinh* » « *thành thân mới rước xuống thuyền, thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai* » thời nhà Bạc-sinh cũng gần quanh nơi đó, tức là xóm nhà Bạc-bà, chừng chỉ cách chỗ chùa là bên kia sông mà thôi. Cho nên chữ đây để là *cửa hàng* buôn-bán ở châu Thai. — Mấy câu đây tả ra giọng đong-đưa điêu-hớt thật rõ.

« Thế nào nàng cũng phải nghe,
« Thành thân (1) rồi sẽ liệu về châu Thai.
« Bấy giờ ai lại biết ai,
« Dầu lòng bể rộng sông dài thênh-thênh.
« Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
« Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau. »
Nàng càng mặt ủ, mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dần.
Nghĩ mình túng đất, xẩy chân,
Thế cùng, nàng mới xa gần thở-than :
« Thiếp như con én lạc đàn,
« Phải cung, rày đã sợ làn cây cong (2).
« Cùng đường dù tính chữ tòng,
« Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ?
« Nữa khi muôn một (3) thế nào,
« Bán hùm buôn sói (4) chắc vào lưng đâu ?
« Dù ai lòng có sở-cầu,
« Tâm-minh (5), xin quyết với nhau một lời.
« Chứng minh có Đất, có Trời,
« Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì ? »

---

(1) *Thành thân* 成親 là đã thành sự thân-hiếu, tức là đã lấy nhau nên vợ chồng.

(2) Bởi câu : 傷弓之鳥. 見曲木而高飛. *Thương cung chi điểu, kiến khúc mộc nhi cao phi*. Con chim đã bị thương vì cung, thời thấy cái cây cong cũng sợ mà bay cao.

(3) *Muôn một* tức là nghĩa chữ 萬一 — *vạn nhất*.

(4) Bởi chữ ở trong truyện kỳ-quan : 賣狼買虎. 寫劵無憑 *mại lang mãi hổ, tả khoán vô bằng*. Bán con lang (tức là chó sói) mua con hổ, viết văn-tự không có bằng-cứ nào.

(5) *Tâm-minh* 心盟 là lấy lòng cùng thề, thề với nhau do bụng thực.

Được lời, mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc (1) tức thì sắm-sanh.
Một nhà dọn-dẹp linh-đình,
Quét sân đặt trác (2), rửa bình thắp nhang.
Bạc-sinh quì xuống vội-vàng,
Quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thổ-công (3).
Trước sân, lòng đã giãi lòng,
Trong màn làm lễ tơ-hồng kết duyên.
Thành thân, mới rước xuống thuyền.
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thảnh-thơi,
Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hàng-viện (4) xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người, định giá, vừa rồi,
Mối hàng một đã ra mười thì buông.
Mượn người, thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt Bạc, (5) kiếm đường cho xa!
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vội-vàng,
Đưa nàng vào lạy gia-đường,

(1) Chữ *họ Bạc* đây tức là Bạc-Hạnh.

(2) *Trác* 桌, chữ này theo các bản cùng đề, nghĩa là bàn ghế. Riêng nghĩ đề luôn là chữ *án*, có lẽ tiện.

(3) Hai câu đây, nghe như tầm-thường, mà rất là lời văn lão-luyện ; thật vẽ ra cái bụng giả-dối của bọn người vô-lương.

(4) *Hàng viện* 行院. Hai chữ này không rõ căn-cứ ở đâu chỉ là ý nói chỗ nhà nghề hoa nguyệt.

(5) Chữ *bạc* này, theo các bản đều đề chữ thường, cho là cái mặt bạc-ác ; trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm ví như chữ « *mặt mo* » nói Sở-khanh, như thế cùng thuận nghĩa. Song riêng nghĩ cứ đề chữ lớn, cho là họ, mà cái ý bạc-ác là nghĩa bóng, cũng thuận.

Cũng thần mày-trắng, cũng phường lầu-xanh !
Thoắt trông, nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
Chém cha cái số hoa đào (1) !
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi !
Nghĩ đời mà ngán cho đời !
Tài tình chi lắm ? cho trời đất ghen !
Tiếc thay nước lã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần !
Hồng-quân với khách hồng-quần (2),
Đã xoay đến thế, còn vần chửa tha.
Lỡ từ lạc bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
Đầu xanh đã tội-tình gì ?
Má hồng đền quá nửa thì, chưa thôi.
Biết thân chạy thẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh.
Lần thâu gió mát, trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên-đình (3) sang chơi.
Râu hầm, cằm én, mày ngài,

(1) Theo sách số thời « *số hoa đào* » là kiếp người phong tình — Hai câu trên đây do tự-sự chuyển xuống, đến câu này trở xuống lại mở ra một đoạn nghị-luận, cũng tức là tự-sự trong cảnh lầu xanh lần thứ hai. Hai chữ « *chém cha* » có dùng trong văn-chương, chỉ riêng thấy ở câu đây và trong thơ Hồ Xuân-Hương : « *chém cha cái kiếp lấy chồng chung !* » Thật là tay văn, mới dám dùng mà cũng mới dùng nổi chữ như đó.

(2) *Hồng-quân* 洪鈞 là ông trời, cũng như chữ Tạo-hóa. — *Hồng quần* 紅裙 là cái quần đỏ, tức là nói đàn bà con gái.

(3) *Biên-đình* 邊庭 là nơi biên-thùy, đây nói chỗ xa-xôi ở ngoài giáp bể.

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao (1).
Đường-đường một đấng anh-hào, (2)
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài. (3)
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ, tên Hải vốn người Việt-đông. (4)
Giang-hồ quen thú vẫy-vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. (5)
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ (6) cũng xiêu anh-hùng.
Thiếp-danh đưa đến lầu-hồng,
Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.

---

(1) Hai câu này nói cái tướng mạo hùng-vĩ của người đàn-ông, cũng có nhân chữ cũ ở các sách. *Râu hàm cằm én* là bởi chữ 燕 頷 虎 頭 *Yến hạm hổ đầu*, tướng ông Ban-Siêu đời nhà Hán, bay mà ăn thịt, cái tướng được phong hầu vạn-lý. *Mày ngài* bởi chữ 臥 蠶 眉 *ngọa tàm my*, lông mày cong mà sắc, tục truyền là tướng ông Quan-công. *Thân mười thước cao* bởi chữ 身 長 十 尺 *Thân trường thập xích*, tướng vua Văn-vương nhà Châu.

(2) *Đường đường* 堂 堂 là cái dáng cao lớn lào-lạo. *Anh hào* 英 豪 là hạng người anh-hùng hào-kiệt trượng-phu hơn người khác.

(3) *Côn quyền hơn sức* là nói sức - lực về nghề võ giỏi hơn người. Nghĩa chữ *côn* 棍 là đánh gậy : *quyền* 拳 là đánh tay. — *Lược thao gồm tài* là nói mưu-mẹo về việc binh cũng tinh thông. *Lược thao* là bởi chữ 六 韜 三 略 *lục thao tam lược*, chữ trong sách binh-thư thủa xưa.

(4) Sáu chữ câu trên nói ý ở đời không chịu quị-lụy ai. Chữ *Từ* 徐 là họ, chữ *Hải* 海 là tên. *Việt-đông* là 粵 東 chữ tên đất tỉnh Quảng-đông từ xưa.

(5) Câu đây có nhân chữ 半 肩 弓 劍 一 棹 江 山 *bán kiên cung kiếm, nhất trạo giang sơn*, lời thơ của Hoàng Sào là một tay làm giặc đời nhà Đường.

(6) *Nhi-nữ* 兒 女 là người con gái, cũng như chữ *nữ-nhi*, nói ý nhỏ mọn.

Từ rằng : « Tâm-phúc tương cờ (1),
« Phải người trăng-gió, vật-vờ hay sao ?
« Bấy lâu nghe tiếng má đào,
« Mắt xanh (2) chẳng để ai vào, có không ?
« Một đời được mấy anh-hùng,
« Bõ chi cá chậu chim lồng (3) mà chơi ! »
Nàng rằng : « Người dạy quá lời,
« Thân này còn dám coi ai là thường !
« Chút riêng chọn đá thử vàng,
« Biết đâu mà gởi can-tràng vào đâu ?
« Còn như vào trước ra sau,
« Ai cho kén chọn vàng thau tại mình ? »
Từ rằng : « Lời nói hữu tình,
« Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân (4).
« Lại đây xem lại cho gần,
« Phỏng tin được một vài phần, hay không ? »

---

(1) *Tâm phúc tương kỳ* 心腹相期 là bụng dạ cùng hẹn nhau, nghĩa nói chơi với nhau bằng bụng thật.

(2) *Mắt xanh* là bởi chữ 青眼 *thanh-nhãn*, lòng đen của con mắt. Nguyên bởi Nguyễn-Tịch đời Tấn làm được ra hai thứ mắt, khi chỉ lộn ra lòng trắng, lúc thời lộ ra lòng đen. Ưa ai thời tiếp bằng con mắt đen, tức là mắt xanh ; không ưa thời tiếp con mắt trắng. Câu đây là hỏi Kiều chưa được ai ưng ý phải không ?

(3) Nói như những hạng người tầm-thường hèn-mọn.

(4) Nhân ở trên, lời Kiều có câu « *Biết đâu mà gửi can-tràng vào đâu?* » cho nên đây có câu này lời Từ-Hải là lấy bởi hai câu thơ Đường : 不知肝膽向誰是令人却憶平原君 *Bất tri can đởm hướng thùy thị, linh nhân khước ức Bình-nguyên-quân.* Song mà nhận ra hơi ngang nghĩa, chỗ ngang ở một chữ « *câu* ». — *Bình-nguyên-quân* là một ông tướng-quốc trong đời Chiến-quốc, có tính hào-hiệp, mời khách ăn trong nhà hàng đến ba ngàn người.

« Thưa rằng : « Lượng cả bao-dong,
« Tấn-dương (1) được thấy mây rồng có phen.
« Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
« Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau. »
Nghe lời vừa ý, gật đầu,
Cười rằng : « Tri-kỷ trước sau mấy người (2) ?
« Khen cho con mắt tinh đời,
« Anh-hùng, đoán giữa trần ai mới già (3) ! »
« Một lời đã biết đến ta,
« Muôn chung, nghìn tứ (4), cũng là có nhau ! »
Hai bên ý-hợp tâm đầu (5),
Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói với băng-nhân (6),

---

(1) *Tấn-dương* 晉陽 là tên đất, vua Cao-tổ nhà Đường hưng vương ở đó, cho nên có chữ 龍飛晉陽 « *long phi Tấn dương* ». Nghĩa là rồng bay lên ở Tấn-dương. Ý câu đây là Kiều nói Từ-Hải sau này có thể mong đến thế.

(2) *Tri-kỷ* 知己 nghĩa là biết mình. Người thật biết được mình, thời là tri-kỷ. — Hai chữ « *trước sau* », có bản để là *dễ âu*.

(3) Chữ *đoán* trong câu đây, có bản để là *biết*. Đoán hay biết người anh-hùng trong lúc còn giữa trần-ai, ấy là con mắt tinh đời. Câu này là Từ-Hải khen Kiều, mà cũng là lời mãn ý tự-đắc.

(4) *Muôn chung* là bởi 萬鍾 *vạn chung*. Nguyên chữ chung là cái đồ đong lường, đựng được 6 hộc 4 đấu. Đời xưa có phát lương cho các quan bằng thóc, ăn lương đến *muôn chung*, tức là hàng quan khanh tướng. — *Nghìn tứ* là bởi chữ 千駟 *thiên tứ*. Xưa cứ mỗi cái xe đóng bốn con ngựa gọi là *tứ*. *Nghìn tứ* tức là có một nghìn cỗ xe cũng là nơi nhà quan khanh tướng. Đại-ý chỉ là nói dầu cực phú quí cũng có nhau.

(5) *Ý hợp tâm đầu* 意合心投 là ý cùng hợp nhau mà lòng trao cho nhau.

(6) *Băng-nhân* 冰人 là người làm mối, nghĩa đã chua ở câu « *Nhà băng đưa mối...* »

Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn (1).
Buồng riêng, sửa chốn thanh-nhàn,
Đặt giường thất-bảo, vây màn bát-tiên. (2)
Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,
Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng-phu thoắt đã động lòng bốn phương (3),
Trông vời trời bể mênh-mang,
Thanh gươm yên ngựa, lên đàng thẳng giong (4).
Nàng rằng : « Phận gái chữ tòng,
« Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi. »

---

(1) *Nguyên ngân* 原 銀 là số tiền như cũ. *Phát hoàn* 發 還 là trao trả lại.

(2) *Giường thất-bảo* đã chua ở chỗ nói mẹ Hoạn-thư. — *Màn bát tiên* là cái màn có thêu tám vị tiên.

(3) *Trượng phu* 丈 夫 là đàn ông, con trai, là người chồng. *Động lòng bốn phương* là động bụng nghĩ đến bốn phương. Bốn chữ này rất có ý-vị. Nguyên xưa công-tử Trùng-nhĩ nước Tấn trong lúc thất-thế chạy sang Tề, vua Tề gả cho nàng Tề-Khương làm vợ. Sau tình-thế nước Tề thay đổi, Trùng-Nhĩ muốn đứng dậy đi nơi khác để tính đường công-nghiệp mong lại trở về Tấn làm vua. Tề-Khương biết ý chồng như thế, cho nên bảo hắn rằng : « 聞 子 有 四 方 之 志... » *Văn tử hữu tứ phương chi chí.* (Nghe rằng chàng có bụng nghĩ ở bốn phương...) — Lại nguyên gốc hai chữ « *bốn phương* » thời hỏi cái nghĩa « tang bồng » trong kinh Lễ người con trai mới sinh ra, mà có làm lễ « cung dâu tên cỏ » để bắn trời đất bốn phương, vì trời đất bốn phương là những chỗ người con trai sau này phải có việc. — Như vậy thời những chữ trong câu đây tả cái tâm-sự Từ-Hải lúc sắp muốn đứng dậy đi, thực hay !

(4) Trong câu này, hai chữ « *thẳng giong* » ngẫm ra chưa được tinh-tế. Vì ở dưới còn có lời Kiều muốn theo, nếu quả thật Từ đã « lên đường thẳng giong » thời nàng còn nói sao được nữa. Cho nên như chữ đó, có thể gọi là *vội lời.*

Từ rằng: « Tâm phúc tương-tri,
« Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình?
« Bao giờ mười vạn tinh-binh,
« Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh (1) rợp đường.
« Làm cho rõ mặt phi-thường,
« Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia (2).
« Bằng nay bốn bể không nhà,
« Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
« Đành lòng chờ đó ít lâu,
« Chầy chăng là một năm sau, vội gì?»
Quyết lời rứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi. (3)
Nàng thì chiếc bóng song mai (4)
Đêm thâu đằng-đẵng, nhặt cài then mây,
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày (5),
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.

---

(1) Chữ *tinh* tức là cờ, bởi chữ 旌 旗 *tinh kỳ*.

(2) *Nghi gia* 宜 家 bởi chữ trong Kinh Thi, nói sự con gái về nhà chồng.

(3) Câu này, các bản rất khác nhau. Có nhiều bản để là: « *Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi* ». Lại có bản để là « *Cánh bằng tiện gió cất lìa dặm khơi* ». Đều là gốc ở chữ trong sách Trang-tử nói chim bằng cưỡi gió bay cao đi xa. Tóm lại chỉ là nói Từ-Hải đã đi khỏi, mà chưa dám bảo câu nào là hơn, dẫu câu đây cũng vậy.

(4) Chữ *thì* trong câu đây, có nhiều bản để là chữ *từ*. — *Song mai* cũng như nói *song đào*, đại-khái là trước song có cây mai.

(5) Nói là ít có vết người đi.

Đoái trông muôn dặm tử phần (1).
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa-xa (2).
Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương-nhớ biết là có nguôi?
Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra, khi đã ra mồi tóc sương!
Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng (3).
Duyên em dầu nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc lòng cố-quốc, tha-hương,
Đường kia nỗi nọ ngổn-ngang bời-bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm.

---

(1) *Tử phần* 梓 枌. Hai chữ này chỉ là ý nói chỗ quê hương, mà mỗi chữ gốc ở mỗi nơi, tự tác-giả chắp nhặt lại rất khéo. Nguyên chữ *tử* thời ở trong kinh Thi: 維 桑 與 梓 必 恭 敬 止 *Duy tang dữ tử, tất cung kính chỉ*. Là nói cây dâu và cây *tử*, do bố mẹ trồng ra, cho nên cũng phải cung kính. Nhân vậy, người đời sau mới dùng hai chữ *tang tử* để nói chỗ quê hương. Còn chữ *phần* thời nguyên vì vua Cao-tổ nhà Hán quê ở làng 枌 榆, sau khi đã làm vua mà có về đó cúng lễ. Người đời sau nhân dùng chữ đó, cũng để nói quê hương. Hai chữ *tử phần* trong câu đây, nghe rất như liền nhau, ấy là cái tài của Tác-giả vì sự phải bắt vần mà khéo thu-xếp vậy.

(2) Câu này có lấy ý câu thơ của Hàn-Dũ: 雲 橫 秦 嶺 家 何 在 *Vân hoành Tần-lĩnh gia hà tại*. Nghĩa là: mây kéo ngang núi Tần, biết nhà là ở đâu? Vậy chữ «*Tần*» đây là tên núi, mà ý câu thời chỉ là nhớ nhà.

(3) Chữ «ý» trong câu đây, chỉ là nhân chữ «*lòng*» mà đặt ra. Toàn câu mượn về cây sen để nói tình-tự. Ngó dẫu lìa mà tơ còn vương, sự thực dẫu chưa tan mà mối lòng vẫn quấn quít vậy. Cũng có ý nhòm xuống câu dưới.

Đêm ngày luống những âm-thầm,
Lửa binh đâu đã ầm-ầm một phương!
Ngất trời, sát-khí (1) mơ-màng,
Đầy sông kềnh ngạc, chật đường giáp binh (2).
Người quen-thuộc, kẻ chung-quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: « Trước đã hẹn lời,
« Dầu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa. »
Còn đang dùng-dắng ngẩn-ngơ,
Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng loa.
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng hỏi: « Nào là phu-nhân? » (3)
Hai bên mười vị tướng-quân,
Đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu (4).
Cung-nga, thể-nữ (5) theo sau,
Rằng: « Vâng lệnh-chỉ, rước chầu vu-qui (6). »

---

(1) *Sát-khí* là cái khí dữ-dội của sự giết. Phàm những nơi có việc binh-hỏa, giết người phải nhiều, thời như có cái khí dữ-dội thảm-đạm xông bốc lên một khu bầu trời.

(2) *Kềnh ngạc* 鯨鱷 là hai thứ cá dữ tợn, nói ví như binh-sĩ. *Giáp binh* 甲兵 là áo giáp và gươm, là những đồ dùng về việc binh thủa xưa.

(3) *Đồng thanh* 同聲 là các người cùng một tiếng nói. *Phu-nhân* 夫人 là tiếng gọi nàng vợ của những người tôn quí.

(4) *Khấu đầu* 叩頭 nghĩa là sụp lễ mà đầu chạm đến đất.

(5) *Cung-nga* 宮娥 là các mỹ-nhân trong cung. *Thể-nữ* 彩女 là các người con gái ăn mặc hoa-mỹ để hầu hạ.

(6) *Lệnh-chỉ* 令旨 là ý-khiến của bề trên. Chữ «*chầu*» là tiếng tôn xưng nàng Kiều bây giờ. Theo trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm thời: *Chầu* tức tục thường gọi là «*Đức-chầu*» nghĩa cũng như «*Đức bà*» hay là «*Ngài*»!

Sẵn-sàng phượng-liễn loan-nghi (1),
Hoa-quan phấp-phới, hà-y rỡ-ràng (2).
Dựng cờ, nổi trống lên đàng,
Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau (3).
Hỏa-bài tiền lộ ruổi mau (4),
Nam-đình nghe động trống chầu đại-doanh (5).
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-công ra ngựa, thân-nghênh cửa ngoài (6) :
Rỡ mình lạ vẻ cân đai (7),

---

(1) *Phượng-liễn loan-nghi* 鳳輦鸞儀 là xe của nhà vua đi, lấy hình con loan con phượng làm trang-sức cho được nghi-vệ.

(2) *Hoa quan* 花冠 là mũ hoa. *Hà-y* 霞衣 là cái áo đỏ tía, sắc ráng trời. Trong hai câu đây, những đồ dùng quí-trọng là của Từ cho đem về đón.

(3) Chữ *kiệu* trong câu đây, nhiều bản để là chữ *đào*, e không rõ nghĩa.

(4) *Hỏa bài* 火牌 là một vật cầm đi làm tin trong việc quân quan. Nguyên chữ 牌 *bài* là cái phiến gỗ vuông để viết chữ ; mà chữ 火 là tỏ ý việc nóng như lửa. Ta thường thấy ở các nha phủ huyện khi trước, có cái bài làm bằng gỗ, to vuông chừng bằng hai bàn tay, có chuôi cầm, trên có mấy chữ đề khắc : 某縣火牌 *mỗ huyện hỏa bài*, còn thời mặt dưới và mặt sau đều để sơn trắng, là chỗ viết các lời công việc quan. Phàm phái lính đi đòi bat việc gì, thời cho cầm cái bài ấy. *Tiền lộ* 前路 là đường trước.

(5) *Nam-đình* 南庭 là triều-đình ở miền nam. *Đại-doanh* 大營 là chỗ dinh đồn lớn.

(6) *Từ-công* 徐公 tức là ông *Từ-Hải*. *Thân nghinh* 親迎 là tự mình đi ra đón theo lễ cưới. — Chữ « ra » trong câu đây, có bản để là *lên*.

(7) Câu này, có chỗ đáng hồ-nghi khó quyết, như chữ ở đầu câu, nguyên trong các bản nôm đều là 焒. Ở các bản quốc-văn đã in thời hoặc để là *rỡ*, là *rõ*, là *lữa*, phân-vân không ra sao ; mà chữ *lạ* ở giữa câu, cũng nhiều bản để là chữ *là*. Nay chỉ xin tường ghi, để đợi ý độc-giả.

Hãy còn cắm én, mày ngài như xưa.
Cười rằng: « Cá nước duyên ưa!
« Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
« Anh-hùng mới biết anh-hùng,
« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa? »
Nàng rằng: « Chút phận ngây-thơ,
« Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
« Đến bây giờ mới thấy đây,
« Mà lòng đã chắc những ngày một hai! »
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng-mai tự tình (1).
Tiệc bày thưởng tướng, khao binh,
Om-thòm trống trận, rập-rình nhạc quân.
Vinh-hoa bõ lúc phong-trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.
Trong quân có lúc vui vầy,
Thong-dong, mới kể sự ngày hàn-vi:
« Khi Vô-tích, khi Lâm-truy,
« Nơi thì lừa-đảo, nơi thì xót-thương.
« Tấm thân rày đã nhẹ-nhàng,
« Chút còn ân-oán đôi đường chưa xong. »
Từ-công nghe nói thủy chung,
Bất-bình nổi trận đùng-đùng sấm vang.
Nghiêm quân tuyển tướng sẵn-sàng,
Dưới cờ một lệnh vội-vàng ruổi sao (2).
Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-truy.

---

(1) *Tự tình* 叙情 là cùng nhau bầy tỏ tình ý.

(2) Hai chữ *ruổi sao* bởi chữ 星馳 *tinh trì*, là nói đi nhanh như sao băng.

Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm-nã (1), bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh-tiễn truyền qua (2),
Giữ-giàng họ Thúc, một nhà cho yên.
Mụ Quản-gia, vãi Giác-Duyên,
Cũng sai lệnh-tiễn đem tin rước mời.
Thệ sư (3) kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người giúp uy.
Đạo trời báo phục chỉn ghê,
Chia đi mọi ngả, bắt về đầy nơi!
Quân-trung, gươm lớn, giáo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi (4).
Sẵn-sàng tề-chỉnh uy-nghi,
Bác đồng (5) chật đất, tinh kỳ rợp sân.
Trướng-hùm (6) mở giữa trung-quân,
Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi.
Tiên-nghiêm (7) trống chửa dứt hồi,

(1) *Tầm nã* 尋拿 là tìm nã.

(2) *Lệnh-tiễn* 令箭 là cái cờ nhỏ của các vị tướng-quân để ban phát hiệu-lệnh. Trong lá cờ có viết chữ 令 *lệnh*, mà ở trên ngọn thời hình nhọn ba góc bằng sắt, có tráng bạc.

(3) *Thệ sư* 誓師 là lấy lời khẩn-thiết trỏ bảo các tướng-sĩ.

(4) *Thị lập* 侍立 là đứng hầu. *Song phi* 雙披 là chia ra làm hai hàng. *Vệ* 衛 và *cơ* 奇 là từng vệ, từng cơ quân.

(5) *Bác đồng* là súng lớn bằng đồng. Chữ *bác* 礮 là súng lớn.

(6) *Trướng hùm* là bởi chữ 虎帳 hổ-trướng. Nguyên nghĩa chữ *trướng* là cái màn to của ông tướng-quân đi tới đâu căng ra để đóng quân. Hai chữ *hổ-trướng* là do một ông vua nước Lương khi xưa từng dùng da hổ làm thành cái màn lớn, họp liêu-thuộc ở dưới để bàn việc.

(7) *Tiên-nghiêm* 先嚴 là hồi trống đánh đầu tiên, cho được nghiêm hiệu-lệnh.

Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên (1).
Từ rằng: « Ân oán hai bên,
« Mặc nàng xử quyết, báo đền cho minh. »
Nàng rằng: « Nhờ cậy uy-linh,
« Hãy xin báo đáp ân-tình cho phu.
« Báo ân rồi sẽ trả thù. »
Từ rằng: « Việc ấy để cho mặc nàng. »
Cho gươm mời đến Thúc-lang (2),
Mặt như chàm đổ, mình nhường giẽ run.
Nàng rằng: « Nghĩa trọng nghìn non,
« Lâm-truy người cũ, chàng còn nhớ không ?
« Sâm thương (3) chẳng vẹn chữ tòng,
« Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân.
« Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
« Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là.
« Vợ chàng quỉ-quái tinh-ma,
« Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau (4)!
« Kiến bò miệng chén chưa lâu (5),
« Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa! »
Thúc-sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ-hôi chàng đã như mưa ướt đầm.
Lòng riêng mừng, sợ khôn cầm;

(1) *Điểm danh* 點名 là đếm từng tên. — *Cửa viên* là bởi chữ 轅門 *viên môn*. Ông tướng-quân đóng ở đâu, chất xe lên làm cổng. Nghĩa chữ *viên* là bánh xe.

(2) Câu này, có bản để là: « *Sổ tên trước xướng Thúc-lang* ».

(3) *Sâm thương* 參商 là sao *mai* và sao *hôm*, không gặp nhau được. Hai chữ này thường mượn nói về nghĩa cách-biệt.

(4) Nhân ngạn-ngữ có câu « *bà già bắt được kẻ cắp* », nói sự không ngờ có mà có.

(5) Câu này nói đạo trời tuần-hoàn.

Sợ thay ! (1) mà lại mừng thầm cho ai !
Mụ-già, sư-trưởng thứ hai (2),
Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
Dắt tay, mở mặt (3) cho nhìn :
« Hoa-nô kia với Trạc-tuyền cũng tôi (4) !
« Nhớ khi lỡ bước xẩy vời,
« Non vàng chưa dễ đền-bồi tấm thương.
« Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
« Mà lòng Xiếu-mẫu (5), mấy vàng cho cân ! »
Hai người trông mặt tần-ngần,
Nửa phần khiếp-sợ, nửa phần mầng vui.
Nàng rằng : « Xin hãy rốn ngồi,
« Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù ! »
Kíp truyền chư tướng hiến-phù (6),
Lại đem các tích phạm-đồ hậu-tra (7).
Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-thư.
Thoắt trông nàng đã chào thưa :

(1) Chữ *sợ* đây, chỉ là Thúc-sinh lúc ấy phải sợ. Theo các bản đều chú là « sợ cho Hoạn-thư », tưởng không cần giảng như vậy.

(2) *Thứ hai* nghĩa là vào sau Thúc-sinh. Đây là mụ Quản-gia và sư Giác-Duyên.

(3) Xem hai chữ *mở mặt* trong câu đây, có lẽ sự ăn mặc của Kiều trong lúc ấy có chàng-mạng che ở trước mặt chăng?

(4) Hai chữ *Hoa-nô* có ý đối với mụ Quản-gia ; hai chữ *Trạc-tuyền* có ý đối với sư Giác-Duyên mà nói.

(5) *Xiếu-mẫu* 漂母 là bà già làm nghề giặt áo. Khi trước Hàn-Tín hàn-vi, gặp bà lão đi giặt gọi về cho ăn cơm ; sau Tín làm nên đến vương-tướng, lấy nghìn vàng tạ ơn.

(6) *Hiến phù* 獻俘 nghĩa là dâng tù.

(7) *Phạm đồ* 犯徒 là lũ phạm tội. — *Hậu tra* 候查 là đợi để tra hỏi.

« Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây!
« Đàn-bà dễ có mấy tay,
« Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!
« Dễ-dàng là thói hồng-nhan,
« Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều (1)! »
Hoạn-thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng, liệu điều kêu ca.
Rằng: « Tôi chút phận đàn-bà,
« Ghen-tuông thì cũng người ta thường-tình!
« Nghĩ cho khi gác viết kinh,
« Với khi khỏi cửa, rứt tình chẳng theo.
« Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,
« Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!
« Trót đà gây việc chông gai,
« Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng? »
Khen cho: « Thật đã nên rằng:
« Khôn-ngoan đến mực, nói-năng phải lời.
« Tha ra, thì cũng may đời,
« Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen (2).
« Đã lòng tri-quá (3) thì nên! »
Truyền quân-lệnh xuống trướng-tiền tha ngay (4).
Tạ lòng, lạy trước sân mây,
Cửa viên lại dắt một dây dẫn vào.
Nàng rằng: « Lồng-lộng trời cao!

(1) Hai câu này có thể là cách-ngôn.

(2) Câu này, nhiều bản để như đây; cũng có bản để là: *Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen*, hay: « *Cũng hóa con người...* ».

(3) *Tri quá* 知過 là biết lỗi.

(4) *Quân-lệnh* 軍令 là hiệu-lệnh trong quân. *Trướng tiền* 帳前 là trước trướng, tức là trước chỗ xử việc lúc ấy.

« Hại nhân nhân hại (1) sự nào tại ta ?
« Trước là Bạc-Hạnh, Bạc-bà,
« Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở-Khanh ;
« Tú-bà với Mã Giám-sinh,
« Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? »
Lệnh quân truyền xuống nội-đao (2),
Thề sao thì lại cứ sao gia hình (3).
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời,
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta !
Mấy người bạc-ác tinh-ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương !
Ba quân đông mặt pháp-trường (4),
Thanh-thiên bạch-nhật (5) rõ-ràng cho coi.
Việc nàng báo-phục vừa rồi,
Giác-Duyên vội đã gởi lời từ qui.
Nàng rằng : « Thiên tải nhất thì (6),

---

(1) 害人人害 *hại nhân nhân hại* nghĩa là hại người thì người hại.

(2) *Nội-đao* 内刀 là quân giữ việc chém giết, theo các bản chú đều vậy, vậy cũng tức như nói « quân đao-phủ ».

(3) Chữ *thề* trong câu đây, trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm cho là trỏ vào lời *thệ-sư* ; theo thiển-nghĩ, là lời thề của bọn Mã Giám-Sinh, Tú-Bà, Bạc-Hạnh khi trước. Xem ở các câu dưới, những chữ « *mình làm mình chịu, thanh-thiên bạch-nhật* » có thể thêm rõ thấy nghĩa.

(4) *Pháp trường* 法場 là chỗ làm tội người, tức là trước pháp-luật.

(5) *Thanh thiên bạch nhật* 青天白日 là nói giữa lúc trời xanh quang, ngày sáng trắng, mọi người cùng biết cùng thấy rõ.

(6) *Thiên tải nhất thì* 千載一時 là nghìn năm mới có một lần, nói sự gặp nhau hiếm có lúc được vậy.

« Cố nhân đã dễ mấy khi bàn-hoàn (1).
« Rồi đây bèo hợp mây tan,
« Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu (2)?»
Sư rằng : « Cũng chẳng bao lâu,
« Trong năm năm lại gặp nhau đó mà (3).
« Nhớ ngày hành-cước phương xa (4),
« Gặp sư Tam-Hợp, vốn là tiên-tri (5).
« Bảo cho hội hợp chi kỳ (6).
« Năm nay là một, nữa thì năm năm,
« Mới hay tiền-định (7) chẳng lầm,
« Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.
« Còn nhiều ân-ái với nhau,
« Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ? »
Nàng rằng : « Tiền-định tiên-tri,
« Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai.
« Họa bao giờ có gặp người,
« Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân. »
Giác-Duyên vâng dặn ân-cần,
Tạ từ, thoắt đã dời chân cõi ngoài.
Nàng từ ân oán rạch-ròi.
Bề oan dường đã vơi-vơi cạnh lòng.

---

(1) *Bàn-hoàn* 盤桓 nghĩa là quanh-quẩn mà vui-vẻ cùng nhau.

(2) Con hạc ở nội, đám mây ở ngàn, là nói tung-tích vô định của Giác-Duyên như vậy. Chữ *nội* là cánh ruộng, ngàn là dẫy núi.

(3) Câu này cũng như câu « *Sống Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau* » lời Đạm-Tiên ở trên, cùng là một thép văn Tả truyện.

(4) *Hành cước* 行脚 là chân đi, đây cũng là tiếng của nhà tu.

(5) *Tam-hợp* 三合 tên bà sư, là một người tu đắc-đạo. *Tiên-tri* 先知 là biết trước các việc về sau.

(6) *Hội hợp chi kỳ* 會合之期 là cái ngày lại sẽ cùng nhau hội họp.

(7) *Tiền định* 前定 là việc có theo số đã định trước.

Tạ ân, lạy trước Từ-công :
« Chút thân bồ-liễu, nào mong có rày !
« Trộm nhờ sấm sét ra tay,
« Tấc riêng như cất gánh đầy đồ đi !
« Khắc xương ghi dạ xiết chi !
« Dễ đem gan óc đền nghì trời mây (1) ! »
Từ rằng : « Quốc-sĩ (2) xưa nay,
« Chọn người tri-kỷ, một ngày được chăng (3) ?
« Anh-hùng tiếng đã gọi rằng :
« Giữa đường dẫu thấy bất-bằng mà tha !
« Huống chi việc cũng việc nhà,
« Lọ là thâm-tạ, mới là tri-ân !
« Xót nàng còn chút song thân,
« Bấy nay kẻ Việt, người Tần cách xa.
« Sao cho muôn dặm một nhà,
« Cho người thấy mặt, là ta cam lòng. »
Vội truyền sửa tiệc quân-trung (4),
Muôn binh nghìn tướng hội-đồng tầy oan (5).

---

(1) Hai chữ *« gan óc »* trong câu đây, bởi ở chữ 肝腦塗地 *can não đồ địa*, nghĩa là đem gan và óc mà chát xuống đất ; ý nói làm cho chết mình đi nữa, cũng không đủ báo ơn, chỉ là nói cái ơn không thể nào báo đền được.

(2) *Quốc-sĩ* 國士 là người đáng có giá-trị trong một nước, người con trai tài giỏi ở trong một nước. Hai chữ này nên đối với hai chữ *« quốc-sắc »* bên đàn-bà, cùng nhận nghĩa chữ *quốc*.

(3) Được người tri-kỷ là khó, cho nên được thời phải quí.

(4) *Quân-trung* 軍中 là trong đám quân.

(5) Làm hội để tầy oan cho Kiều.

Thừa cơ trúc chẻ, ngói tan (1),
Binh-uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều-đình riêng một góc trời,
Gồm hai văn vũ, rạch đôi sơn hà.
Đòi cơn gió táp (2) mưa sa,
Huyện-thành đạp đổ năm tòa cõi Nam (3).
Phong-trần mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm xá gì (4)!

---

(1) Hai chữ « *trúc chẻ* » là bởi chữ 破竹 *phá trúc*, nói thế quân đã mạnh, đánh đâu được đấy, như chẻ cây tre, đến sau mấy đốt thời chỉ đưa dao đi rất dễ. Hai chữ *ngói tan* là bởi chữ 瓦解 *ngõa giải*, nói như hòn ngói đã tan vỡ thời cứ tan vỡ rất dễ. Hai chữ này là nói về bệnh dịch, tức là thế giang-sơn của nhà Minh. Các bản chú đều cho là nghĩa mái ngói sụt thời cứ sụt mãi, e không có bằng cứ.

(2) Chữ này, có nhiều bản để là chữ *quét*, như thế cũng có nghĩa, song chữ *táp* vẫn là liền chữ tự-nhiên hơn.

(3) Tức là đánh lấy được năm dinh-thành phủ-huyện ở miền nam, mà câu văn đặt vậy lấy mạnh lời.

(4) Trong hai câu đây, bốn chữ « *giá áo túi cơm* » bởi chữ 衣架飯囊 *y giá phạn nang*, là cái giá để mắc áo, cái túi để đựng cơm, nói hạng người hèn mạt ngu si, nghĩa đó đã rõ. — Còn như một câu trên, sáu chữ « *Phong trần mài một lưỡi gươm* » các bản ít thấy có chú; duy trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm cho hai chữ « *phong trần* » là chỉ đời rối loạn, cả toàn câu nghĩa là Từ-Hải mài một lưỡi gươm mà làm cho thiên hạ rối loạn. Trái lại, theo thiển-nghĩ, sáu chữ đó tức là nói về hạng người giá áo túi cơm, mà có bởi ở chữ 書劍老風塵 *thư kiếm lão phong trần* (sách và gươm già với phong trần), nghĩa là chỉ mài một lưỡi gươm trong cảnh phong trần mãi, mà không làm nên vương tướng gì, thời những loài giá áo túi cơm ấy đáng kể chi. Hai câu này nên đọc suốt làm một; từ văn thời nên xem với câu « *Một đời được mấy anh-hùng, bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi* ». Như hai câu đó là tả ra lời nói của Từ-Hải; hai câu đây là suy cái bụng nghĩ của Từ-Hải, đại ý cũng như nhau.

Nghênh-ngang một cõi biên-thùy,
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá-vương (1)!
Trước cờ ai dám tranh cường (2),
Năm năm hùng-cứ một phương hải-tần (3).
Có quan Tổng-đốc trọng-thần (4),
Là Hồ Tôn-Hiến, kinh-luân gồm tài (5).

---

(1) Câu này, hai chữ «*thiếu*», các bản quốc văn và các bản chữ nôm hiện nay đều đề cả như vậy; trong bản đây, cũng là theo phần công chúng mà không dám khác hẳn tự theo ý riêng. Song phần riêng tôi nhớ từ năm đã lâu, được nom thấy ở một bản in chữ nôm hai chữ này đề là 劍 cho nên có người đọc là *hiếm*, có người đọc là *kém*, Chữ *hiếm* thời nghĩa cũng cùng như chữ *thiếu*; còn chữ *kém* thời nghĩa lại khác. Trộm nghĩ: nếu Từ-Hải khi đó có đã xưng *đế* 帝 thời chữ «*thiếu*» trong câu đây mới có nghĩa. Vì *bá vương* 伯 王 tức là hạng Chư-hầu-vương mà có ý hùng cường, *cô* 孤 *quả* 寡 (tức chữ quả nhân) thời là những tiếng tự xưng của hạng bá vương ấy. Cho nên như trong câu đây mà hai chữ ấy là *thiếu*, thời phải nhận nghĩa rằng: dưới Từ, hay trong cái cung đình của Từ, không thiếu gì những người là *cô quả, bá vương* vậy. Nay cứ ở Minh-sử, Từ-Hải chỉ là một kẻ có tên trong bọn giặc bể; mà xem trong văn Kiều như câu «*Đại-vương lên Hải họ Từ*» thời hai chữ «*đại-vương*» đủ là tiếng tôn xưng của Từ. Cho nên lấy sự thực xét với văn lý, thời chữ *kém* phải nghĩa hơn, nghĩa là cũng cô quả, cũng bá vương, không kém gì ai vậy. Nay theo các bản cũng đề là chữ *thiếu*, mà một mối hoài-nghi đó xin ghi đề cùng các hiếu-học quân-tử cùng xét coi.

(2) *Tranh cường* 爭 彊 là tranh sức mạnh, sự mạnh.

(3) *Hùng cứ* 雄 據 là chiếm cứ một cách uy hùng. *Hải tần* 海 濱 là bến bể, men bể.

(4) *Tổng-đốc* 總 督, là chức Tổng-đốc. Hồ-tôn-Hiến khi đó xưng làm *Tổng-đốc quân-vụ* đề dẹp giặc miền bể. *Trọng-thần* 重 臣 là kẻ bề tôi trọng nhiệm, tức là một ông quan có chức trọng.

(5) *Hồ-tôn-Hiến* 胡 宗 憲. *Kinh-luân* 經 綸 là sửa-sang ngang dọc, nghĩa là cáng-đáng xử-tri được mọi việc của nhà nước.

Đẩy xe, vâng chỉ đặc-sai (1),
Tiện-nghi bạt tiễu, việc ngoài đồng nhung (2).
Biết Từ là đấng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân, làm chước chiêu-an (3),
Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuế hàng (4).
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể-nữ, ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gởi trước trung-quân,
Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ (5) :
« Một tay gây dựng cơ-đồ (6),
« Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung-hoành !
« Bó thân về với triều-đình,
« Hàng-thần lơ-láo (7) phận mình ra đâu ?

---

(1) Hai chữ *« đẩy xe »* là bởi chữ 推 轂 *thôi cốc*, nghĩa là đẩy bánh xe. Xưa ông vua sai ông tướng đi việc đánh dẹp can-hệ, có làm lễ « đẩy bánh xe », vua thân mó tay vào bánh xe của ông tướng ngồi mà đẩy đi, tỏ ý thận-trọng để mong cho hết lòng được việc. *Đặc sai* 特 差 là truyền sai, riêng sai đi, cử đi cho làm việc đó.

(2) *Tiện nghi* 便 宜 là được tùy-tiện theo sự nghi mà làm. *Bát tiễu* 撥 勦 là dẹp giặc, đánh giặc. Có bản đề là *phủ tiễu*, chữ *phủ* 撫 thời là nghĩa xử-trí cho được yên. *Đồng nhung* 董 戎 là cáng-đáng coi tất cả sự nghi về việc quân.

(3) *Đóng quân* là chỉ cứ đóng yên quân-sĩ mà không cần vội sự đánh nhau. *Chiêu an* 招 安 là vời cho giặc hàng, cho được yên.

(4) *Thuế hàng* 說 降 là dỗ bảo cho về hàng.

(5) *Hồ đồ* 糊 塗 là chưa hiểu ra sao, nghĩa là chưa rõ sự nghi thế nào.

(6) *Cơ-đồ* 基 圖 cũng như cơ-nghiệp.

(7) *Hàng thần* 降 臣 là kẻ bề tôi nguyên đã làm giặc mà sau về ra thú, hàng phục. *Lơ-láo* là không có tình ý thân thiết gì.

« Áo xiêm ràng buộc lấy nhau (1),
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi!
« Sao bằng riêng một biên-thùy,
« Sức này, đã dễ làm gì được nhau?
« Chọc trời quấy nước mặc dầu,
« Dọc, ngang nào biết trên đầu có ai!»
Nàng thời thật dạ tin người,
Lễ nhiều nói ngọt (2), nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình: « mặt nước cánh bèo,
« Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân (3).
« Bằng nay chịu tiếng vương-thần (4),
« Thênh-thênh đường cái thanh-vân (5) hẹp gì?
« Công, tư, vẹn cả hai bề,
« Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
« Cũng ngôi mệnh-phụ đường-đường (6),
« Nở-nang mày mặt, rỡ-ràng mẹ cha.
« Trên vì nước, dưới vì nhà,
« Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.

---

(1) Hai chữ « *ràng buộc* », có nhiều bản để là *buộc trói*.

(2) Bốn chữ này bởi chữ ở trong sách Tả-truyện: 幣重而言甘. 誘我也 *tệ trọng nhi ngôn cam, dụ ngã dã*. Nghĩa là: của đem đến thì nhiều mà lời nói thì ngọt, ấy là nó dỗ ta. Lời của một ông quan nước Tấn đoán cái tình ý của sứ-giả bên địch-quốc.

(3) *Lưu-lạc* 流落 là trôi nổi, rơi rụng. *Gian truân* 艱屯 là gian-nan, truân-triên, tức là nghĩa vất-vả.

(4) *Vương-thần* 王臣 là bề tôi nhà vua.

(5) *Thanh-vân* 青雲 là mây xanh. *Đường thanh-vân* là nói đường công danh.

(6) *Mạnh-phụ* 命婦 là vợ ông quan to, được có vua ban danh mạnh cho. *Đường đường* 堂堂 tức là ý đường hoàng.

« Chẳng hơn chiếc bách giữa giòng,
« E-dè sóng gió, hãi-hùng cỏ hoa (1). »
Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ (2), nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng : « Trong Thánh-trạch (3) dồi-dào,
« Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
« Bình-thành (4) công-đức bấy lâu,
« Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.
« Ngẫm từ gây việc binh-đao, (5)
« Đống xương Vô-định (6) đã cao bằng đầu.
« Làm chi để tiếng về sau,
« Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào. (7)

---

(1) Hai chữ « *cỏ hoa* », theo nhiều bản như đây ; có bản để là « *nước sa* », có khi phải nghĩa hơn. — Một đoạn đây tả tâm-lý của Kiều thời chết thực đáng kiếp !

(2) *Thừa cơ* 乘機 là nhân theo cơ-hội, tức là nhân cái dịp tiện.

(3) *Thánh trạch* 聖澤 là ơn thánh, tức là nói ơn nhà vua.

(4) *Bình thành* 平成 bởi chữ trong kinh thư, nói nhà vua sửa sang việc đời giúp cho trời đất được bằng phẳng nên việc.

(5) Chữ « *gây* » trong câu đây, có bản để là *dấy*, là *khởi*. *Binh đao* 兵刀 là gươm dao.

(6) *Vô-định* 無定 là tên một con sông ở ngoài biên tỉnh Thiểm-tây của Tầu, vì cát sô nước mạnh, chỗ nông chỗ sâu không nhất định, cho nên gọi là *Vô-định hà*. « *Đống xương vô-định* » là lấy nghĩa ở câu thơ cổ « 可憐無定河邊骨. 猶是深閨夢裡人 *Khả liên Vô-định hà biên cốt, do thị thâm-khuê mộng lý-nhân*. Nghĩa là : đáng thương cho những cái xương ở bên sông Vô-định, mà còn là cái người trong giấc mộng ở chốn buồng the sâu kín kia. Ý hai câu thơ này tức là thương cho việc chinh-chiến, nói những kẻ chinh-phu đã chết mà ở nhà còn nhớ mong. Cho nên câu này là lời Kiều muốn nói để cảm động Từ-Hải.

(7) *Hoàng-Sào* 黃巢 là một tay làm giặc đời nhà Đường, đánh phá kinh-thành Tràng-an.

« Sao bằng lộc trọng quyền cao,
« Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? »
Nghe lời nàng nói mặn-mà,
Thế công, Từ mới trở ra thế hàng (1).
Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng (2),
Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh (3).
Tin lời thành hạ yêu minh (4),
Ngọn cờ ngơ-ngác, trống canh trễ-tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,
Vương-sư nghe đã tỏ tường thực hư (5).
Hồ-công quyết kế thừa cơ (6),
Lễ tiên, binh hậu, khắc-cờ tập-công (7).

---

(1) *Công* 攻 là đánh. *Hàng* 降 là thần phục.

(2) *Chỉnh nghi* 整 儀 là chỉnh đốn nghi-lễ, duy-nghi. *Tiếp sứ* 接 使 là mời tiếp sứ-giả.

(3) *Thúc giáp* 束 甲 là bó các áo giáp lại. *Giải binh* 解 兵 là thôi bỏ việc cầm quân.

(4) *Thành hạ yêu minh* 城 下 要 盟 là chữ trong sách Xuân thu, nói sự thề bắt buộc ở dưới thành là một điều đáng xấu-hổ. (Nghĩa là trong thành không chống cự được nữa mà phải chịu ăn thề ngay như đó.) — Hai câu này, tác-giả có ý thương cho Từ-Hải, mà một chữ «*tin*» trong câu đây, tức có ý mắng mát họ Hồ.

(5) *Vương sư* 王 師 là quân của nhà vua. — Chữ *nghe* có bản đề là chữ *rõm*. — *Thực hư* 實 虛 là tình-hình như sao.

(6) *Quyết kế* 決 計 là quyết định phương-kế như thế. Chữ *thừa cơ* đã có chua ở trên, mà ở câu này càng mặn nghĩa, là nhân theo cái lúc đánh được.

(7) *Lễ tiền binh hậu* 禮 前 兵 後 là lễ-nghi đặt trước mà có quân phục ở sau. *Khắc-cờ* 刻 期 là khắc định kỳ-hạn. *Tập công* 襲 攻 là đánh úp, nghĩa là nhân lúc bên địch không ngờ mà đánh luôn, tức là bất-thình-linh mà đánh.

Kéo cờ chiêu-phủ (1) tiên-phong,
Lễ-nghi giàn trước, bác-đồng phục sau (2).
Từ-công hờ-hẫng biết đâu?
Đại-quan lễ-phục ra đầu cửa viên (3).
Hồ-công ám-hiệu trận tiền (4),
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn!
Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn-dầy cho biết gan liền tướng-quân!
Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn-nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng!
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
Quan quân thừa thế đuổi dài (5),
Ầm ầm sát khí, ngất trời ai đang (6)!
Trong hào ngoài lũy tan-hoang,

---

(1) *Chiêu phủ* 招撫 nghĩa là vời về, mà vỗ-về yên-ủi. Chức quan *Chiêu phủ* là cốt đi để dụ cho giặc hàng, mà không quí ở sự đánh. *Tiên phong* 先鋒 là toán quân đi trước. Câu này chỉ nghĩa là một toán quân trước hết hãy kéo cờ ra hiệu chiêu-phủ, tỏ ý dụ hàng

(2) Một câu này tức là nói rõ chữ « *lễ tiền binh hậu* » ở trên.

(3) *Đại-quan lễ-phục* 大官禮服 là đồ mặc theo lễ-nghi của một vị quan lớn. — Chữ *đầu* đây, các bản nôm phần nhiều để là 頭, nghĩa là ra ở trước cửa. Có bản cho là *đầu hàng*, e vụn nghĩa quá. Chữ *cửa viên* đã có chua ở trên.

(4) *Ám-hiệu* 暗號 là ra hiệu riêng, hiệu lệnh kín của nhà binh. *Trận tiền* 陣前 là trước mặt trận.

(5) *Thừa thế* 乘勢 là nhân cái thế đã được. Hai chữ *đuổi dài* bởi ở chữ 長驅 *tràng khu*.

(6) Câu này có ý khinh-bỉ một cách nói mát.

Loạn-quân (1) vừa dắt tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đá bời bời (2),
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ-trơ.
Khóc rằng : « Trí dũng (3) có thừa,
« Bởi nghe lời thiếp nên cơ-hội này !
« Mặt nào trông thấy nhau đây ?
« Cũng liều sống thác một ngày với nhau ! »
Dòng thu như dội cơn sầu (4),
Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan-khí tương-triền (5) !
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
Quan-quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại vực ra dần-dần.
Đem vào đến trước trung-quân,
Hồ-công thấy mặt, ân-cần hỏi han.
Rằng : « Nàng chút phận hồng-nhan,
« Gặp cơn binh cách (6) nhiều nàn cũng thương !
« Đã hay thành toán miếu-đường (7),
« Giúp công cũng có lời nàng mới nên.

---

(1) *Loạn quân* 亂 軍 là đám quân lính rối loạn.

(2) *Tên đá* bởi chữ 矢 石 *thỉ-thạch*, nghĩa là tên và đạn.

(3) *Trí* 智 là trí khôn. *Dũng* 勇 là sức mạnh.

(4) *Dòng thu* là nói dòng nước mắt. Hai chữ này cũng lại mới.

(5) *Oan khí* 冤 氣 là cái khí oan. *Tương triền* 相 纏 nghĩa là quấn quit nhau.

(6) *Binh cách* 兵 革 cũng như nói binh hỏa ; nghĩa chữ *cách* là da, là nói những đồ binh có dùng bằng loài da.

(7) *Thành toán* 成 算 là nên mưu, là xong việc. *Miếu* 廟 là nhà tòn miếu ; *Đường* 堂 là chốn triều đường. *Miếu đường* cũng như nói xã-tắc triều-đình.

« Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
« Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào? »
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập-ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.
Rằng: « Từ là đấng anh-hùng,
« Dọc ngang trời bể, vẫy-vùng bể khơi!
« Tin tôi, nên quá nghe lời,
« Đem thân bách-chiến (1) làm tôi Triều-đình.
« Ngỡ là phu quý, phụ vinh (2),
« Ai ngờ một phút tan-tành thịt xương (3)!
« Năm năm trời bể ngang-tàng (4),
« Đem mình đi bỏ chiến-tràng (5) như không.
« Khéo khuyên kể lấy làm công,
« Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
« Xét mình công ít, tội nhiều (6),
« Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi!

---

(1) *Bách chiến* 百戰 là trăm trận đánh. Ý nói trăm trận đánh nhau không thua, hai chữ này là chữ của Hạng-Vũ ngày trước.

(2) *Phu quý phụ vinh* 夫貴婦榮 là chồng làm nên quan sang, vợ cũng được vinh hiển.

(3) Hai câu này lời nói tự nhiên, mà cũng đáng thẹn cho người khác.

(4) *Ngang tàng* 昂藏 là ý ngông nghênh không cầu ai.

(5) *Chiến tràng* 戰場 là chốn đánh nhau, chỗ chiến trận.

(6) Chữ «*công*» trong câu này, nghe không được yên nghĩa; vì sự giết Từ-Hải, tự Kiều không nên nói là *công*;

« Xin cho tiện-thổ một doi (1),
« Gọi là đắp-điếm lấy người tử-sinh ! »
Hồ-công nghe nói thương tình,
Truyền cho cảo-táng di-hình bên sông (2).
Trong quân mở tiệc hạ công (3),
Xôn-xao tơ trúc, hội-đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến (4) dưới màn,
Giở say lại ép cung đàn nhặt tâu (5).
Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây giỏ máu năm đầu ngón tay !
Ve ngâm vượn hót nào tày,
Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?
« Nghe ra muôn oán nghìn sầu lắm thay ! »

---

(1) Câu này, các bản phần nhiều khác nhau. Nguyên ở các bản nôm, có bản là 淺土 *thiền thổ*, có bản là 賤土 *tiện thổ*, chữ cuối thời phần nhiều là 堆, cho nên các bản in ra quốc văn cũng vì thế mà khác nhau. Trong bản đây theo sự in và lời chua của ông Hồ-Đắc-Hàm. *Tiện thổ* 賤土 là chỗ đất hèn hạ; *doi* là giải đất bồi sa ở giọc bờ bể, bờ sông. Đây ý Kiều muốn xin một miếng đất rất hèn hạ để chôn Từ-Hải. Ý câu chỉ có như vậy, thời dẫu là chữ 淺土 *thiện thổ* cũng phải nghĩa, nghĩa là chỗ đất nông trũng. Còn như chữ cuối câu mà có bản để là *đôi* thời e không phải lời quốc văn.

(2) *Cảo táng* 槁葬 là chôn một cách cẩu thả, sơ sài. — *Di hài* 遺形 là cái hình thể còn lại.

(3) *Hạ công* 賀功 là mừng sự thành công, thắng trận.

(4) *Thị yến* 侍宴 là hầu việc ăn yến, ăn tiệc.

(5) Hai chữ này, ở trong các bản nôm là 日奏 cho nên các bản quốc văn hoặc để là *nhật tâu*, hoặc để là *nhặt tâu*; trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm chua rằng: «*nhặt tâu* là văn đàn cho mau kíp». Cứ ngu-kiến thời hai chữ này không khỏi ép gượng; *nhật* hay *nhặt*, đều chưa dám nhận nghĩa.

Thưa rằng : « *Bạc-mệnh* khúc này,
« Phổ vào đàn ấy, những ngày còn thơ (1).
« Cung cầm lựa những ngày xưa,
« Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây ! »
Nghe càng đắm, đắm càng say (2),
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình !
Dạy rằng : « Hương lửa ba sinh,
« Dây loan xin nối cầm lành cho ai. »
Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,
« Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
« Còn chi nửa cánh hoa tàn !
« Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu-Lân (3).
« Rộng thương còn mảnh hồng-quần,
« Hơi tàn được thấy gốc phần (4) là may ! »
Hạ công chén đã quá say,
Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương-diện quốc-gia (5).
Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào.
Phải tuồng trăng gió hay sao ?
Sự này biết tính thế nào được đây ?

---

(1) *Phổ* 譜 là ghép vào. *Thơ* là trẻ thơ.

(2) Có bản đề là : *Càng nghe, càng đắm, càng say.*

(3) *Tiểu lân* 小憐 là tên một người đàn-bà hay đàn thủa xưa, sau bị cải giá, nhân lúc dây đàn đứt, nàng có thơ rằng 欲知心斷絕. 應看膝上絃. *dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khan tất thượng huyền.* Nghĩa là muốn biết mối tơ lòng đứt nát, thời nên coi ở cái dây đàn trên đầu gối.

(4) Chữ «*phần*» đây đã có chua ở chữ « *tử phần*» ở trên.

(5) *Phương diện* 方面 nguyên nghĩa là một mình chống đương một mặt ; sau nhận gọi các quan to ở ngoài cõi là «*phương diện*». *Phương diện quốc gia* tức là người tai mặt của nhà nước.

Công-nha (1) vừa buổi rạng ngày,
Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan, ai dám cãi lời,
Ép tình mới gán cho người thổ-quan (2).
Ông tơ thực nhé đa-đoan!
Xe tơ sao khéo vơ quàng vơ xiên?
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát lấp sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông-minh!
Chân trời mặt bể (3) lênh-đênh,
Nắm xương biết gởi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu, ai dứt tơ đào?
Nợ đâu? ai bỗng dắt vào tận tay!
Thân sao, thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.

---

(1) *Công nha* 公 衙 cũng như *công thự*, là chỗ họp các nha-thuộc để coi làm việc quan.

(2) *Thổ quan* 土 官 là ông quan ở đất ấy, tức như các *quan lang* trên mường ta.

(3) Chữ này theo các bản đều để là « *bể* », song nghĩ là chữ *nước*, có lẽ phải nghĩa hơn.

Trào (1) đâu nổi tiếng đùng-đùng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-đường. (2)
Nhớ lời thần mộng rõ-ràng.
Này thôi hết kiếp đoạn-tràng là đây !
« Đạm-Tiên, nàng hỡi có hay ?
« Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta. »
Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa,
Một thiên tuyệt-bút (3), gọi là để sau.
Cửa bồng (4) vội mở rèm châu,
Trời cao sông rộng một mầu bao-la.
Rằng : « Từ-công hậu-đãi ta,
« Chút vì việc nước (5) mà ra phụ lòng.
« Giết chồng mà lại lấy chồng,
« Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?
« Thôi thì một thác cho rồi,
« Tấm lòng phó mặc trên trời, dưới sông ! »
Trông vời con nước (6) mênh-mông,
Đem thân gieo xuống giữa dòng tràng-giang.
Thổ-quan theo vớt vội-vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi !

---

(1) *Trào* 潮 là nước trào ở bể dâng lên.

(2) *Tiền đường* 錢塘 là con sông ở về tỉnh Chiết-giang, tức là hạ-du sông Chiết-giang.

(3) *Tuyệt bút* 絕筆 nghĩa là viết đến đấy nữa là thôi.

(4) Nghĩa là cửa thuyền.

(5) Bốn chữ này cũng như chữ *« công ít »* ở câu *« nghĩ mình công ít tội nhiều »*. Bổn-ý của Thúy-Kiều khuyên Từ-Hải ra hàng không phải là *« vì việc nước »*. Chỗ đó chẳng là tác-giả « vẽ rắn thêm chân » mà đã làm cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru ?

(6) *Con nước* là tiếng gọi ngày nước lên.

Thương thay, cũng một kiếp người!
Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan-khổ lưu-ly,
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân?
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi!
Đời người đến thế thì thôi!
Trong cơ âm cực dương hồi (1) khôn hay.
Mấy người hiếu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!
Giác-Duyên từ tiết giã nàng,
Đeo bầu quảy cháp, rộng đường vân-du (2).
Gặp bà Tam-hợp đạo-cô, (3)
Thong-dong hỏi hết nhỏ to sự nàng:
« Người sao hiếu nghĩa đủ đường?
« Kiếp sao chịu những đoạn-trường thế thôi (4)? »
Sư rằng: « Phúc họa đạo Trời,
« Cỗi nguồn, cũng ở lòng người mà ra.

---

(1) *Âm cực dương hồi* 陰極陽回 là khi âm đã cùng cực thời khí dương lại về, chữ đó nguyên là nói đạo trời tuần-hoàn, mà đây tác-giả muốn gợi ra câu chuyện « tái ngộ » của Kiều, cho nên lấy bốn chữ này làm truyện nói vận bĩ đã hết mà sẽ lại chuyển sang vận thái vậy. Hai chữ « *âm dương* » cũng đắt nghĩa, vì Thúy-Kiều đã chết mà lại muốn nói một cuộc sống.

(2) *Vân du* 雲遊 là đi chơi nay đây mai đó, như đám mây vô-định. Chữ này dùng nói về các người tu hành. — Chữ *cháp*, nhiều bản để là *níp*, tức nghĩa là *cái cháp*, vậy để luôn chữ *cháp cho* thuận tiện.

(3) *Tam hợp đạo cô* 三合道姑 tức là bà sư Tam-hợp.

(4) Chữ *chịu* có bản để là chữ *mắc*; nhiều bản lại để là chữ *rặt*.

« Có trời mà cũng có ta,
« Tu là cõi phúc, tình là giây oan.
« Thúy-Kiều sắc-sảo, khôn-ngoan,
« Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành ;
« Lại mang lấy một chữ tình,
« Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
« Vậy nên những chốn thong-dong,
« Ở không yên-ổn, ngồi không vững-vàng.
« Ma đưa lối, quỉ đưa đường,
« Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.
« Hết nạn ấy, đến nạn kia,
« Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần (1).
« Trong vòng dáo dựng gươm trần,
« Kề răng hùm sói, (2) gửi thân tôi-đòi.
« Giữa dòng nước chẩy sóng giồi,
« Trước hàm rồng cá gieo mồi băng tinh (3).
« Oan kia theo mãi với tình,
« Một mình mình biết, một mình mình hay.
« Làm cho sống đọa thác đày,
« Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi (4) ! »

---

(1) Câu này lời thật gọn mà hay ở hai chữ *thanh* 青. Bao tình-cảnh của Kiều ở Lâm-truy, Vô-tích, Thái-châu, thu vào trong tám chữ hồ hết.

(2) *Hùm sói* tức là nghĩa chữ *hổ lang* 虎狼 (*Lang* là chó sói) Hai chữ này ý nói về Hồ-Tôn-Hiến và binh tướng của hắn.

(3) Hai chữ này, các bản phần nhiều khác nhau. Nhiều bản đề là *vắng tanh*, cũng có bản đề là *thủy-tinh*. Đây theo bản nôm của nhà Ngô-tử-Hạ in ra, đề là *băng tinh* 冰晶, mong được gióng với chữ *tôi đòi* ở trên ; *băng tinh* nghĩa là nói cái thân trong trắng như băng, như thủy-tinh vậy.

(4) Một đoạn đây, mượn lời sư Tam-hợp phát một thiên tổng-luận về thận-thế Kiều, cũng tỏ rằng như thế là hết sự thực, còn phần dưới là phần bịa thêm. Đoạn văn này vừa có thế, vừa có lực.

Giác-Duyên nghe nói rụng-rời :
« Một đời nàng nhẻ (1) ! thương ôi còn gì ? »
Sư rằng : « Song chẳng hề chi,
« Nghiệp, duyên (2), cân lại nhắc đi còn nhiều !
« Xét trong tội-nghiệp (3) Thúy-Kiều :
« Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm.
« Lấy tình-thâm, trả tình-thâm (4),
« Bán mình đã động hiếu-tâm đến Trời !
« Hại một người, cứu muôn người,
« Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.
« Thửa công-đức ấy ai bằng ?
« Túc-khiên (5) đã rửa lâng-lâng sạch rồi !
« Khi nên, Trời cũng chiều người,
« Nhẹ-nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
« Giác-Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
« Tiền-đường thả một bè lau rước người.
« Trước sau cho vẹn một lời,
« Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không (6) ! »
Giác-Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân-la tìm thủ bên sông Tiền-đường.
Đánh tranh lợp mái thảo-đường (7),

---

(1) Chữ này, nhiều bản đề là *hỡi*.

(2) *Nghiệp* 業 là tội-nghiệp ; *duyên* 緣 là nhơn-duyên.

(3) *Tội nghiệp* 罪 業 là cái tội nợ truyền kiếp. Chữ *nghiệp* đây tức là *nghiệp-chướng* 業 障. Song nhận văn-thế của hai chữ này, nếu là chữ *tội-án* 罪 案, có khi rõ nghĩa hơn.

(4) *Tình-thâm* 情 深 là nói tình cha con.

(5) *Túc-khiên* 夙 愆 là nói lỗi trước.

(6) Đoạn này không khỏi khiên-cưỡng, vì lý kém, cho nên lời phải yếu.

(7) *Thảo-đường* 草 堂 là nhà lợp bằng gianh, cỏ.

Một gian nước biếc mây vàng chia đôi (1).
Thuê năm (2), ngư-phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo thay gặp-gỡ cũng trong chuyền-vần!
Kiều từ gieo xuống duềnh ngân (3),
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
Ngư-ông kéo (4) lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam-hợp rõ mười chẳng ngoa!
Trên mui lướt-thướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương (5).
Giác-Duyên nhận thật mặt nàng,
Nàng còn thiêm-thiếp giấc vàng chưa phai.
Mơ-màng phách quế hồn mai,
Đạm-Tiên, thoắt đã thấy người ngày xưa.
Rằng: « Tôi đã có lòng chờ,
« Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
« Chị sao phận mỏng, đức dày?
« Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai!
« Tấm thành đã thấu đến Trời,
« Bán mình là hiếu, cứu người là nhân,

(1) Câu này, lời văn rất đẹp, trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm chua rằng: «Làm nhà ở bên sông, trên thời mây, dưới thời nước, như một gian nhà ở giữa mà chia trời nước ra hai phần cách nhau.

(2) Nghĩa là thuê luôn cả năm.

(3) *Ngân* 銀 là bạc, ý nói nước trắng như bạc.

(4) *Ngư ông* 漁 翁 là ông lão đánh cá.

(5) *Bóng gương* là nói vẻ người.

« Một niềm vì nước, vì dân,
« Âm-công (1) cất một đồng cân đã già !
« Đoạn-trường sổ rút tên ra,
« Đoạn-trường thơ (2) phải đưa mà trả nhau.
« Còn nhiều hưởng-thụ (3) về sau,
« Duyên xưa tròn-trặn (4), phúc sau dồi-dào ! »
Nàng còn ngơ-ngẩn biết sao,
« Trạc-tuyền ! » nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoắt tỉnh giấc mai,
Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm-Tiên ?
Bên mình chỉ thấy Giác-Duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng-rỡ trăm bề,
Dọn thuyền, mới rước nàng về thảo-lư (5).
Một nhà chung-chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát-ngát mênh-mông,
Trào dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch lầu lầu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
Nỗi nàng tai-nạn (6) đã đầy,
Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thương.

---

(1) *Âm công* 陰功 cũng như nói âm-đức, là cái công có quỉ-thần biết.

(2) *Thơ* là nói mười bài thơ của Kiều đưa Đạm-tiên khi trước.

(3) *Hưởng thụ* 享受 là hưởng nhận được những phúc-trạch.

(4) Có bản để là *đầy-đặn, dầy-dặn*.

(5) *Thảo lư* 草廬 cũng là nhà cỏ, tức như *thảo-đường*.

(6) *Tai nạn* 災難 là tai hại, hoạn nạn.

Từ ngày muôn dặm phù tang, (1)
Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy (2) dò-la,
Nhìn phong-cảnh cũ, nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trăng quạnh-quẽ (3), vách mưa rã-rời ;
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông (4).
Xập-xè én liệng lầu không,
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.

---

(1) *Phù tang* 扶喪 tức như *hộ tang.*

(2) *Vườn thúy* là bởi hai chữ *Lãm-thúy* ở trên.

(3) *Quạnh-quẽ* là ý vắng-vẻ.

(4) Hai câu này, lấy ý ở hai câu thơ cổ. Xưa Thái-Hộ nhà Đường đi thi Tiến-sĩ không đỗ, tết thanh-minh đi chơi quanh kinh-thành, đến một chỗ xóm gõ cửa gọi. Có người con gái ở khe cửa hỏi ra. Hộ nói là say rượu khát nước muốn được uống. Người con gái mở cửa múc một gáo nước đem đến, rồi đứng tựa ở cành đào, mà coi ra có ý ân-hận lắm. Đến năm sau, tiết thanh-minh, Thôi lại đi tới tìm thời cửa đã khóa; nhân có đề thơ rằng: 去年今日此門中，人面桃花相映紅，人面不知何處去，桃花依舊笑春風. *Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng, nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu xuân-phong.* Nghĩa là: năm ngoái, ngày hôm nay ở trong cái cửa này; mặt người và hoa đào cùng ánh sắc hồng với ; bây giờ mặt người không biết đi đằng nào, hoa đào thời vẫn như cũ mà cười với gió xuân. Theo thiển-nghĩ, chữ «*bóng*» đây, cứ đề là chữ *mặt*, đúng mà hay hơn.

Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai?
Láng-giềng có kẻ sang chơi,
Lân-la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mắc tụng-đình (1),
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương, với cùng là Thúy-Vân:
Đều là sa-sút, khó-khăn,
May thuê viết mướn, kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng-rời xiết bao!
Hỏi thăm di-trú (2) nơi nao?
Chỉ đường, chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh, vách đất tả-tơi,
Lau treo rèm nát, trúc cài phên thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao-ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn đường!
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng, vội-vàng chạy ra.
Dắt tay, vội rước vào nhà,
Mái sau, Viên-ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây:
« Chàng ôi! biết nỗi-nước này cho chưa?
« Kiều-nhi phận mỏng như tờ,
« Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng!

(1) *Tụng-đình* 訟庭 là sân kiện.
(2) *Di trú* 移住 là dời ở sang nơi khác.

« Gặp cơn gia-biến (1) lạ dường,
« Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
« Dùng-dằng khi bước chân ra,
« Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.
« Trót lời nặng với lang-quân (2),
« Mượn con em nó Thúy-Vân thay lời.
« Gọi là trả chút nghĩa người,
« Sầu này dằng-dặc muôn đời chưa quên!
« Kiếp này duyên đã phụ duyên,
« Dạ-đài còn biết sẽ đền lai-sinh (3).
« Mấy lời ký-chú (4) đinh-ninh,
« Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.
« Phận sao bạc bấy, Kiều-nhi!
« Chàng Kim về đó, con thì đi đâu (5)? »
Ông bà càng nói, càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng dầu như dưa.
Vật mình, vẫy gió, tuôn mưa,
Dầm-dề giọt ngọc, thẫn-thờ hồn mai!
Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi (6),
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt-ly,
Ngập-ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên.

---

(1) *Gia-biến* 家 變 là sự biến sinh ra ở trong nhà.

(2) *Lang-quân* 郎 君 là anh chàng, tức nghĩa như là chồng.

(3) *Dạ-đài* đã có chua ở trên. *Lai-sinh* 來 生 là kiếp sau.

(4) *Ký chú* 記 註 là ghi để, dặn lại.

(5) Hai câu này là lời khóc, sau khi hết câu chuyện với Kim-Trọng.

(6) Chữ *thôi* cũng như chữ *hồi*; ta thường nói *từng thôi từng hồi*.

« Bây giờ ván đã đóng thuyền (1),
« Đã đành phận bạc, khôn đền tình-chung!
« Quá thương chút nghĩa đèo-bòng,
« Nghìn vàng thân ấy, dễ hòng bỏ sao?»
Dỗ-dành khuyên-giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền!
Thề xưa giở đến kim-hoàn (2),
Của xưa lại giở đến đàn với gương.
Sinh càng trông thấy, càng thương,
Gan càng tức-tối, ruột càng xót-xa,
Rằng: « Tôi chót quá chân ra,
« Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bèo.
« Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,
« Những điều vàng đá, phải điều nói không?
« Chưa chăn gối, cũng vợ chồng,
« Lòng nào mà nỡ rứt lòng cho đang?
« Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,
« Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi!»
Nỗi thương, nói chẳng hết lời,
Tạ từ, sinh mới sụt-sùi trở ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn, chăm-chút lễ thường,
Dưỡng thân (3) thay tấm lòng nàng ngày xưa.

(1) Trong bản cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu thơ cổ: 木已成舟人已去. *Mộc dĩ thành chu, nhân dĩ khứ.*: Gỗ đã đóng thuyền, người đã đi.

(2) *Kim-hoàn* 金環 là vòng vàng.

(3) *Dưỡng-thân* 養親 nghĩa là nuôi bố mẹ.

Đinh-ninh mài lệ chép thơ (1),
Cắt người tìm-tõi, đưa tờ nhắn-nhe.
Biết bao công mượn của thuê,
Lâm-thanh (2) mấy độ đi về dặm khơi.
Người một nơi, hỏi một nơi,
Mênh-mông nào biết bề trời nơi nao ?
Sinh càng thảm-thiết khát-khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm, ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn minh ve.
Thẩn-thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lia chiêm bao.
Xuân huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra, khi đến thế nào mà hay !
Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
Người yểu-điệu, kẻ văn-chương,
Giai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.
Tuy rằng vui chữ vu-qui,
Vui này, đã cất sầu kia được nào !
Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng-vẻ thư phòng,
Đốt lò hương, giở phím đồng ngày xưa.

---

(1) *Lệ* 淚 là nước mắt, nghĩa là lấy nước mắt mài mực *mà viết.*

(2) *Lâm-Thanh* 臨清 là tên huyện, vì Mã-Giám-Sinh khi xưa nói dối là ở đó.

Bẻ-bai, rủ-rỉ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như trên nóc, bên thềm,
Tiếng kiều (1) đồng-vọng, bóng xiêm mơ-màng.
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.
Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu, biết đã đổi thay mấy lần?
Chế-khoa (2) gặp hội tràng văn,
Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân (3) một ngày.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần (4).
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-lão, tạ ân chu-tuyền.
Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Gia thân (5) bèn mới kết duyên Châu-Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh-vân,
Nỗi nàng, càng nghĩ xa gần càng thương.

---

(1) Chữ *kiều* đây, các bản quốc-văn và phần nhiều bản nôm đều để là *Kiều* 翹, là tên của Thúy-Kiều, song tưởng như thế nôm quá; đây theo bản in nôm của hiệu *Quảng-Thịnh* 廣盛堂藏板 để là *kiều* 嬌, nghĩa là tiếng người đàn-bà con gái, nghĩ có lẽ là thanh-nhã và chiếu xuống chữ « *bóng xiêm* » gióng nhau hơn.

(2) *Chế-khoa* 制科 là khoa thi do ơn vua đặt ra, không theo lệ khoa thường.

(3) *Bảng xuân* là bởi chữ 春榜 *xuân-bảng*, thi ở kinh thường về mùa xuân.

(4) *Ngõ hạnh* là chỗ vườn hạnh của nhà vua, nói cảnh dự yến, xem hoa; *dặm-phần* là quê nhà, nói cảnh vinh-qui.

(5) *Gia thân* 加親 là muốn cho thêm thân-tình.

Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,
Bây giờ kim-mã ngọc-đường (1) với ai?
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh-hiển, thương người lưu-ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm-truy,
Quan san nghìn dặm, thê nhi một đoàn (2).
Cầm-đường (3) ngày tháng thanh-nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu-dao (4).
Phòng xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bỗng chiêm-bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,
Nghe lời, chàng cũng hai đường tin, nghi.
Nọ Lâm-thanh, với Lâm-truy,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm,
Trong cơ thanh khí tương tầm,
Ở đây hoặc có giai-âm (5) chăng là?
Thăng đường (6) chàng mới hỏi tra,
Họ Đô (7) có kẻ lại già thưa lên:

---

(1) *Kim-mã ngọc-đường* 金 馬 玉 堂 là những cảnh làm quan, nơi quan-quí.

(2) *Thê nhi* 妻 兒 là vợ và con.

(3) *Cầm-đường* 琴 堂 là tiếng nói lịch-sự gọi chỗ dinh quan huyện, vì xưa có ông quan thanh-nhã chỉ gẩy đờn ngồi công-đường mà làm việc quan.

(4) Đời Tống, ông Triệu-Biện đi làm quan trị quận, chỉ đem theo một con hạc và một cái đờn, chính-trị thật công-liêm.

(5) *Giai âm* 佳 音 là tin hay.

(6) *Thăng đường* 升 堂 là lên công-đường, tức là ra buổi hầu.

(7) *Đô* 都.

« Sự này đã ngoại mười niên,
« Tôi đà biết mặt biết tên rành-rành.
« Tú-bà cùng Mã Giám-Sinh,
« Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về.
« Thúy-Kiều tài sắc ai bì,
« Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
« Kiên trinh (1) chẳng phải gan vừa,
« Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia (2).
« Phong-trần chịu đã è-chề,
« Dây duyên sau lại xe về Thúc-lang.
« Phải tay vợ cả phũ-phàng,
« Bắt về Vô-tích toan đường bẻ hoa.
« Bực mình nàng phải trốn ra,
« Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
« Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
« Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi !
« Bỗng đâu lại gặp một người,
« Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy-linh.
« Trong tay mười vạn tinh-binh,
« Kéo về đóng chật một thành Lâm-truy.
« Tóc tơ các tích mọi khi,
« Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
« Đã nên có nghĩa, có nhân,
« Trước sau trọn-vẹn, xa gần ngợi khen.
« Chưa tường được họ được tên,
« Sự này, hỏi Thúc-sinh-viên mới tường. »

---

(1) *Kiên* 堅 là bền gan ; *trinh* 貞 là trinh-chính.

(2) Câu này lời văn rút, tức là nói về đoạn Sở-Khanh

Nghe lời Đô nói rõ-ràng,
Tức thì đệ thiếp mời chàng Thúc-sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân-minh,
Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
Thúc rằng: « Gặp buổi loạn ly (1),
« Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
« Đại-vương tên Hải, họ Từ,
« Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.
« Gặp nàng khi ở châu Thai,
« Lạ gì quốc-sắc thiên-tài phải duyên (2).
« Vẫy-vùng trong bấy nhiêu niên,
« Làm nện động địa kinh thiên đùng đùng.
« Đại-quân đồn đóng cõi đông,
« Về sau chẳng biết vân-mồng (3) làm sao. »
Nghe tường ngành ngọn tiêu-hao,
Lòng riêng, chàng luống lao-đao thẫn-thờ.
Xót thay chiếc lá bơ-vơ!
Kiếp trần biết giũ bao giờ cho xong?
Hoa theo nước chảy xuôi dòng.
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan!
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây.
Đàn cầm khéo ngẩn-ngơ dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?

---

(1) Nhiều bản đề là *lưu-ly*, e không phải nghĩa.

(2) Câu này, ở Thúc-sinh nói ra cũng phải.

(3) Hai chữ *vân-mồng* đây, theo các bản chua là tăm-hơi mờ-mịt, thực chưa được tường gốc chữ ra sao.

Bình bồng (1) còn chút xa-xôi,
Đỉnh chung (2) sao nỡ ăn ngồi cho an !
Rắp mong treo ấn (3), từ quan,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Giấu mình trong áng can qua (4),
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau,
Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn !
Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi dời ?
Năm mây bỗng thấy chiếu Trời (5),
Khâm ban sắc-chỉ (6) đến nơi rành-rành :

(1) *Bình bồng* 萍 蓬 là bèo và cỏ rác, những vật trôi nổi theo sóng nước.

(2) *Đỉnh chung* 鼎 鐘 là cái vạc và cái chuông, nấu bằng vạc và đánh chuông trước khi bữa ăn, là nói cảnh nhà quan-quí.

(3) Treo ấn, nghĩa là không muốn làm quan nữa thời treo ấn để đó trả nhà vua mà đi. Đời xưa có như thế.

(4) *Can qua* 干 戈 là giáo mác, cũng như *binh dao*.

(5) *Năm mây* là bởi chữ 五 雲 ; *chiếu trời* là tờ chiếu của vua. *Tờ chiếu* viết bằng thứ giấy có vẽ mây năm sắc.

(6) *Khâm ban* 欽 頒 nghĩa là vua ban. Nguyên nghĩa của chữ 欽 *khâm* là kính, mà từ xưa vua Nghiêu, vua Thuấn có sai bảo các thần-hạ công việc gì, thường hay có lời dặn rằng : 欽 哉 *khâm tai !* (nghĩa là phải kính đó). Người đời sau nhân thế, lấy chữ *khâm* riêng để làm chữ *kính* của nhà vua, như vua sai ai là 欽 命 *khâm mạnh*, vua làm sách là 欽 定 *khâm định* ; chữ « *khâm ban* » đây cũng vậy. *Sắc-chỉ* 敕 旨 là ý của nhà vua sai cho.

Kim thì cải nhậm Nam-bình (1),
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú-dương (2).
Sắm-sanh xe ngựa vội-vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan (3).
Xẩy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc kiến, lửa tàn Chiết-Giang (4).
Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng-châu (5) đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành-rành.
Rằng : « Ngày hôm nọ giao binh,
« Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền (6).
« Nàng Kiều công cả chẳng đền,
« Lệnh quan lại bắt ép duyên Thổ-tù (7).

---

(1) *Nam bình* 南平 là tên huyện, thuộc tỉnh Phúc-kiến

(2) *Phú-dương* 富陽 là tên huyện, thuộc tỉnh Chiết-giang. — Hai chữ này, các bản phần nhiều khác nhau, bản thì đề là *Tuy-dương*, bản thì đề là *Hoài-dương*; đây theo bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim, vì xét ở địa-dư, huyện Phú-dương thuộc đạo Tiền-đường, tỉnh Chiết-giang, vậy là phải hơn. — *Cải nhậm* 改任 là đổi đi làm quan ở đó.

(3) *Phó quan* 赴官 là đi đến chỗ làm quan.

(4) *Phúc-kiến* 福建 là tên một tỉnh về mạn nam của Tàu. — *Chiết-giang* 浙江 cũng là tên tỉnh như vậy.

(5) *Hàng-châu* 杭州 là tên phủ, nay là *Hàng huyện* 杭縣 thuộc đạo Tiền-đường tỉnh Chiết-giang.

(6) *Giao binh* 交兵 là hai bên đánh nhau, nghĩa là lấy binh-lực giao tiếp. *Thất cơ* 失機 là để hở cơ, đánh mất quân-cơ, sai cơ-thế. — *Thu linh* 收靈 là thu khí thiêng lại, nghĩa là chết.

(7) *Thổ-tù* 土酋 tức là thổ-quan, là kẻ tù-trưởng ở phương xứ ấy.

« Nàng đà gieo ngọc trầm chu,
« Sông Tiền-đường đó, ấy (1) mồ hồng-nhan ! »
Thương ôi ! không hợp mà tan,
Một nhà vinh-hiển, riêng oan một nàng !
Chiêu hồn, thiết vị lễ thường (2),
Giải-oan lập một đàn-tràng bên sông (3).
Ngọn trào, non bạc trùng-trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
Tinh thâm, bể thẳm lạ điều,
Nào hồn tinh-vệ (4) biết theo chốn nào ?
Cơ-duyên đâu bỗng lạ sao ?
Giác-Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
Trông lên linh-vị chữ bài,
Thất-kinh mới hỏi : « Những người đâu ta ?
« Với nàng thân-thích (5) gần xa ?
« Người còn, sao bỗng làm ma khóc người ? »
Nghe tin, nhơ-nhác rụng-rời,
Xúm quanh kể-lể, rộn lời hỏi tra :

---

(1) Chữ *ấy* đây, thường nghe có người đọc là *là*.

(2) *Chiêu hồn* 招魂 là gọi hồn. — *Thiết-vị* 設位 là đặt bài-vị.

(3) *Giải oan* 解冤 là cởi bỏ cái oan. — *Đàn tràng* 壇場 là chỗ làm lễ giải oan.

(4) *Tinh vệ* 精衛 là tên một thứ chim nhỏ ở vùng bể, hình như con quạ, đầu sặc-sỡ, mỏ trắng, chân đỏ, thường ngậm đem những cành khô và soi đá ở núi Tây để lấp bể Đông. Chữ « *hồn tinh vệ* » đây, do ở một tích cổ chép người con gái vua Viêm-đế bị chết đuối, sau hóa làm con tinh-vệ, cũng gọi là *con chim oan*. Nhân thế, người ta có sự thương-hận lắm lắm, thời hay ví như « *tinh-vệ lấp bể* ».

(5) *Thân thích* 親戚 là thân-tình, họ mạc.

« Này chồng, này mẹ, này cha,
« Này là em ruột, này là em dâu.
« Thật tin (1) nghe đã bấy lâu,
« Pháp-sư (2) dạy thế, sự đâu lạ dường! »
Sư rằng: « Nhân quả với nàng,
« Lâm-truy buổi trước, Tiền-đường buổi sau.
« Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
« Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
« Cùng nhau nương cửa Bồ-đề (3),
« Thảo am (4) đó cũng gần kề chẳng xa.
« Phật-tiền ngày bạc (5) lân-la,
« Đăm-đăm, nàng cũng nhớ nhà khôn khuây. »
Nghe tin, nở mặt mở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
Rõ-ràng hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
Minh, dương (6) đôi ngả chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người cửu-nguyên (7)!

---

(1) *Thật tin* là nói tin chết.

(2) *Pháp-sư* 法師 cũng là nói thầy tu.

(3) *Bồ-đề* 菩提 chữ nhà Phật. *Cửa Bồ-đề* tức là nói cửa Phật.

(4) *Thảo am* 草庵 là cái chùa lợp gianh cỏ.

(5) *Ngày bạc* là nghĩa chữ 白日 bạch nhật.

(6) *Minh dương* 冥陽 là âm-phủ và dương-gian.

(7) *Cửu-nguyên* 九原 là nói dưới âm-phủ. Nguyên xưa chỗ mộ-địa của các quan khanh, đại-phu nước Tấn chôn ở đất *Cửu nguyên*, người đời sau nhân lấy chữ đó mà gọi chỗ mộ-địa.

Cùng nhau lạy tạ Giác-Duyên,
Bộ hành một lũ, theo liền một khi.
Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
Tình-thâm luống hãy hồ-nghi nửa phần.
Quanh-co theo dải giang-tân (1),
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật-đường.
Giác-Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong, vội dạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà :
Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi ;
Hai em phương-trưởng (2) hòa hai,
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa !
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao !
Giọt châu thánh-thót quén (3) bào,
Mừng mừng, tủi tủi, xiết bao sự tình !
Huyên già dưới gối gieo mình,
Khóc than, mình kể sự mình đầu đuôi :
« Từ con lưu-lạc quê người,
« Bèo trôi, sóng vỗ, chốc mười lăm năm !
« Tính rằng sông nước cát lầm,
« Kiếp này, ai lại còn cầm gặp đây ! »
Ông bà trông mặt, cầm tay,
Dong-quang chẳng khác chi ngày bước ra ;
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.

(1) *Giang tân* 江 津 là bến sông.

(2) *Phương trưởng* 方 長 là khôn lớn.

(3) Chữ này, có bản để là *quyền*, là *quyễn*, là *quyến*, tóm lại không biết chữ nào hơn, mà nghĩa thời chỉ là thấm áo.

Nỗi mừng, biết lấy gì cân?
Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu?
Hai em hỏi trước hạn sau,
Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi.
Rủ nhau lạy trước Phật-đài,
Tái-sinh trần-tạ lòng người từ-bi (1).
Kiệu hoa giục-giã tức thì,
Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng: « Chút phận hoa rơi,
« Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay,
« Tính rằng mặt nước chân mây,
« Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
« Được rày tái-thế tương-phùng, (2)
« Khát-khao đã thỏa tấm lòng lâu nay!
« Đã đem mình bỏ am-mây,
« Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.
« Mùi thiền, đã bén muối dưa,
« Màu thiền, ăn mặc đã ưa nâu-sồng,
« Sự đời, đã tắt lửa lòng,
« Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
« Dở-dang, nào có hay gì?
« Đã tu, tu chót qua thì thì thôi!
« Trùng-sinh (3) ân nặng bể trời,
« Lòng nào nỡ rứt nghĩa người ra đi? »

---

(1) *Trần tạ* 陳謝 là bầy tỏ lòng tạ ơn đức.

(2) *Tái thế tương phùng* 再世相逢 là đổi đời thứ hai lại gặp nhau.

(3) *Trùng sinh* 重生 là ý nói lại đẻ ra mình lần thứ hai.

Ông rằng : « Bỉ, thử nhất thì, (1)
« Tu hành, thì cũng phải khi tòng quyền.
« Phải điều cầu Phật, cầu Tiên,
« Tình kia, hiếu nọ, ai đền cho đây ?
« Độ-sinh (2) nhờ đức cao dày,
« Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung ».
Nghe lời, nàng phải chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.
Một đoàn về đến quan-nha,
Đoàn-viên (3) vội mở tiệc hoa vui-vầy.
Tàng-tàng chén cúc dở say,
Đứng lên, Vân mới giãi-bầy một hai.
Rằng : « Trong tác-hợp cơ trời, (4)
« Hai bên gặp-gỡ, một lời kết-giao.
« Gặp cơn bình-địa ba-đào, (5)
« Vậy đem duyên chị buộc vào cho em :
« Cũng là phận cải, duyên kim (6),
« Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao ?
« Những là rày ước mai ao,
« Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình !

---

(1) *Bỉ, thử nhất thì* 彼此一時 bốn chữ này bởi sáu chữ 彼一時此一時 *Bỉ nhất thì, thử nhất thì,* nghĩa là ngày xưa là một thì, ngày nay lại là một thì, không thể ví với nhau; mà đây bốn chữ là nói rút.

(2) *Độ sinh* 度生 là cứu cho sống lại.

(3) *Đoàn viên* 團圓 là tròn vẹn, đông đủ.

(4) *Tác hợp* 作合 là trời làm cho hợp lại với nhau.

(5) *Bình địa ba đào* 平地波濤 là đất bằng nổi sóng.

(6) Đã có chua ở câu « *Rụng cải rơi kim* ».

« Bây giờ gương vỡ lại lành,
« Khuôn-thiêng lừa lọc (1), đã đành có nơi,
« Còn duyên, may lại còn người,
« Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyền xưa.
« Quả mai ba bảy đương vừa, (2)
« Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì. » (3)
Dứt lời, nàng vội gạt đi :
« Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ ?
« Một lời tuy có ước xưa,
« Xét mình dãi gió dầu mưa đã nhiều.
« Nói càng hổ-thẹn trăm chiều,
« Thà cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi (4) ! »
Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời !
« Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?
« Một lời đã trót thâm-giao, (5)
« Dưới dày có đất, trên cao có trời !
« Dẫu rằng vật đổi sao dời,
« Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh !
« Duyên kia có phụ chi tình,
« Mà toan chia gánh chung tình làm hai ? »

(1) Nghĩa nói trời khéo khuôn xếp cho.

(2) Câu này lấy ý trong thơ *Xiếu mai* 摽梅 ở Kinh thi, nói quả mơ ở trên cành còn bẩy quả, ba quả, là tiết cuối xuân, tuy là kỳ bôn-giá có muộn mà lấy nhau cũng còn vừa.

(3) Câu này ngẫm thật buồn cười, như cô Kiều lúc đó còn có thể nói « đào non », thời tác giả thật cũng tài tình vậy !

(4) Ý là : thà để im cho xong chuyện.

(5) *Thâm giao* 深交 là chơi thâm-thiết với nhau.

Nàng rằng: « Gia-thất duyên hài (1),
« Chút lòng ân-ái ai ai cũng lòng.
« Nghĩ rằng: trong đạo vợ chồng,
« Hoa thơm phong nhị (2), trăng vòng tròn gương.
« Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
« Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
« Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
« Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa (3).
« Bấy chầy gió táp mưa sa,
« Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn !
« Còn chi là cái hồng nhan ?
« Đã xong thân-thế, còn toan nỗi nào ?
« Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao ?
« Dám đem trần-cấu (4) dự vào bố-kinh (5) !
« Đã hay chàng nặng vì tình,
« Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru ?
« Từ nay khép cửa phòng thu,
« Chẳng tu thì cũng như tu mới là !
« Chàng dù nghĩ đến tình xa,
« Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ (6).
« Nói chi kết tóc xe tơ,
« Đã buồn cả ruột, mà dơ cả đời ! » (7)

---

(1) *Gia thất duyên hài* 家室緣諧 là cửa nhà phận duyên thuận hòa.

(2) *Phong nhị* là còn giữ nguyên cái nhị như lúc mới nở.

(3) Câu này nghe thật đáng thương tâm, khiến cho người ta có thể khóc được.

(4) *Trần cấu* 塵垢 là bụi nhơ.

(5) *Bố kinh* đã có chua ở trên.

(6) Ý là nói đổi vợ chồng làm bè bạn.

(7) Tám chữ này thật già giọng.

Chàng rằng : « Khéo nói nên lời,
« Mà trong lẽ phải có người, có ta !
« Xưa nay trong đạo đàn bà,
« Chữ trinh kia cũng có ba bẩy đường :
« Có khi biến, có khi thường,
« Có quyền, nào phải một đường chấp kinh (1).
« Như nàng lấy hiếu làm trinh, (2)
« Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?
« Trời còn để có hôm nay,
« Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời (3) ;
« Hoa tàn mà lại thêm tươi,
« Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
« Có điều chi nữa mà ngờ,
« Khách qua đường để hẵng-hờ chàng Tiêu (4) ? »
Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời khôn lẽ chối lời,
Cúi đầu, nàng những ngắn dài thở-than.

---

(1) *Chấp kinh* 執經 là cầm giữ đạo thường.

(2) Bốn chữ này, văn-lý thật già giặn.

(3) Câu này nên nhận nghĩa luôn với hai câu dưới đây.

(4) Câu này có bởi ở câu thơ Đường. Xưa Thôi-Giao đời Đường có một con hầu gái, bán vào dinh quan Liên-súy, Giao có thơ rằng : 侯門一入深如海從此蕭郎是路人 *Hầu môn nhất nhập thâm như hải, tùng thử Tiêu-lang thị lộ nhân.* Nghĩa là : cửa hầu đã vào khỏi, chỉ thấy sâu như bể ; từ đây anh chàng họ Tiêu thành ra người qua đường. Quan Liên-súy thấy lời thơ đó, cho đứa con hầu lại cùng về với Giao. (Hai chữ « *Tiêu-lang* » thường nói chung các người con trai.) — Câu văn đây, khiến ý ở một chữ « *để* », là nói sao lẽ để như vậy.

Đoản-viên tiệc mở nhà lan,
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.
Cùng nhau giao-bái (1) một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi.
Động-phòng dìu-dặt chén mồi,
Bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó, đào tơ,
Mười lăm năm, mới bây giờ là đây!
Tình duyên ấy, hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi, đêm chầy trăng cao.
Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ dạng má-đào thêm xuân.
Tình-nhân lại gặp tình-nhân,
Hoa xưa ong cũ, mấy phân chung tình!
Nàng rằng: « Phận thiếp đã đành,
« Có làm chi nữa, cái mình bỏ đi!
« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
« Chiều lòng gọi có xướng-tùy (2) mảy-may.
« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
« Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi!
« Những như âu-yếm vành ngoài,
« Còn toan mở mặt với người cho qua.
« Lại như những thói người ta,
« Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa,

(1) *Giao bái* 交拜 là lạy vái lẫn nhau.

(2) *Xướng tùy* 唱隨 là bởi chữ 夫唱婦隨 *phu xướng phụ tùy*, chồng xướng lên trước mà vợ theo sau. Vậy hai chữ này cũng như nói vợ chồng.

« Khéo là dơ-nhuốc bày trò,
« Còn tình đâu nữa, mà thù đấy thôi ! (1)
« Người yêu, ta xấu với người,
« Yêu nhau, thì lại bằng mười phụ nhau !
« Cửa nhà dù tính về sau,
« Thì đà em đó, lọ cầu chị đây ?
« Chữ trinh còn một chút này,
« Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan !
« Còn nhiều ân-ái chan-chan,
« Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ? »
Chàng rằng : « Gắn bó một lời,
« Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
« Xót người lưu-lạc bấy lâu,
« Tưởng thề-thốt nặng cũng đau-đớn nhiều !
« Thương nhau sinh tử đã liều,
« Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
« Chừng xuân tơ-liễu còn xanh,
« Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái-ân.
« Gương trong chẳng chút bụi trần,
« Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !
« Bấy lâu đáy bể mò kim,
« Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng-hoa ?
« Ai ngờ lại hợp một nhà,
« Lọ là chăn gối, mới ra sắt cầm ! »
Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng :

(1) Trong Tả-truyện có chữ : 嘉耦曰配. 怨耦曰仇 *Giai ngẫu viết phối, oán ngẫu viết cừu.* Nghĩa là : đôi tốt thì gọi là sánh nhau, đôi oán thì gọi là thù.

« Thân tàn gạn đục, khơi trong, (1)
« Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.
« Mấy lời tâm-phúc ruột-rà,
« Tương-tri dường ấy, mới là tương-tri !
« Chở-che đùm-bọc thiếu gì ?
« Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ! »
Thoắt thôi, tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình.
Thêm nến giá, nối hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao-hoan. (2)
Tình xưa lai-láng khôn hàn (3),
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,
« Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !
« Ăn-năn thì sự đã rồi !
« Nể lòng người cũ, vâng lời một phen ».
Phím đàn dìu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm-ấm dương-hòa (4) !
Ấy là hồ-điệp, hay là Trang-sinh (5) ?

(1) Bốn chữ này bởi chữ 激濁揚清 *khích trọc dương thanh, gạn cái đục khơi cái trong*, nghĩa là bỏ quên điều xấu mà phô gợi điều tốt lên.

(2) *Giao hoan* 交歡 là cùng vui với nhau.

(3) *Khôn hàn* nghĩa là khó ngăn lại, cầm lại được.

(4) *Dương hòa* 陽和 là khí dương êm hòa.

(5) *Hồ điệp* 蝴蝶 là con bươm bướm. *Trang sinh* 莊生 tức là ông Trang-Chu. Xưa Trang-Chu nằm chiêm bao thấy mình hóa làm con bươm bướm.

Khúc đâu êm-ái xuân tình !
Ấy hồn Thục-đế, hay mình đỗ-quyên (1) !
Trong sao châu rỏ duềnh quyên (2) !
Ấm sao hạt ngọc Lam-điền mới đông (3) !
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào, là chẳng não-nùng xôn-xao.
Chàng rằng : « Phổ ấy tay nào ?
« Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vầy ?
« Thương, vui bởi tại lòng này,
« Hay là khổ tận, đến ngày cam lai ? » (4)
Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,
« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

---

(1) *Thục-đế* 蜀帝 là ông vua nước Thục. *Đỗ-quyên* 杜鵑 là con quốc. Tương truyền từ xưa có vua nước Thục bị mất nước, sau hóa hồn làm con quốc, thường kêu « quốc quốc » tức là lòng tiếc nước không thôi.

(2) *Châu* 珠 là ngọc trai. *Duềnh quyên* là vụng bể có bóng trăng soi. (Chữ *quyên* 娟 nghĩa là sáng đẹp).

(3) *Lam điền* 藍田 là tên một cái núi, ở về huyện Lam-điền tỉnh Thiểm-tây ; núi này sản nhiều ngọc tốt. — Trở lên mấy câu tả đờn ở đoạn này, có lấy ý ở một bài thơ cổ nói về đờn : 莊生曉夢迷蝴蝶, 蜀帝春心託杜鵑. 滄海月明珠有淚, 藍田日暖玉生煙. *Trang-sinh hiểu mộng mê hồ điệp, Thục-đế xuân tâm thác đỗ-quyên. Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ, Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên.* Nghĩa rằng : Ông Trang-sinh giấc chiêm bao buổi sớm còn mê-màng là con bươm bướm ; vua nước Thục cái lòng xuân gửi ở con đỗ-quyên ; chỗ bể rộng bóng trăng soi, hạt trai có nước mắt ; núi Lam-điền bóng nắng ấm, những hòn ngọc lên hơi.

(4) *Khổ tận* 苦盡 là cái đắng đã hết ; *cam lai* 甘來 là cái ngọt mới lại. Nói vận khổ hết mà lúc sướng đến.

« Một phen tri-kỷ cùng nhau,
« Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa ».
Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông.
Tình riêng, chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ-lùng khen-lao.
Cho hay thục-nữ (1) chí cao, (2)
Phải người sớm mận tối đào như ai ?
Hai tình vẹn-vẽ hòa hai,
Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba-sinh đã phỉ mười nguyền,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn-bầy.
Nhớ lời, lập một am mây,
Khiến người thân-tín rước thầy Giác-Duyên.
Đến nơi đóng cửa, cài then,
Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ lên mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu. (3)
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

(1) *Thục nữ* 淑女 là người con gái hiền.

(2) *Chí cao* 志高 là có chí-thú cao thượng.

(3) Câu này có chiếu ứng với câu « *Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu.* »

Một nhà (1) phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng-dặc, quan-giai (2) lần-lần.
Thừa gia (3) chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù-mộc, một sân quế hòe.
Phong-lưu phú-quí ai bì,
Vườn xuân một cửa, (4) để bia muôn đời.
Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong-trần, phải phong-trần,
Cho thanh-cao, mới được phần thanh-cao.
Có đâu thiên vị (5) người nào,
Chữ *tài*, chữ *mệnh*, dồi-dào cả hai.

---

(1) Hai chữ « *một nhà* » đây, theo thế văn chiếu lên câu « *Có nhà viên-ngoại họ Vương* » ở đầu truyện, vậy là nhà họ Vương thời phải. Song ở dưới lại có câu « *Thừa gia chẳng hết nàng Vân* », mà Kiều thời ở cùng với Kim-Trọng, cho nên lại có thể ngờ là nhà họ Kim. Xin để người xem truyện tự xét nhận.

(2) *Quan giai* 官階 là cái bước làm quan, bước lên từng bực.

(3) *Thừa gia* 承家 là đởm đương mọi chức nhiệm của một nhà.— Hai chữ « *chẳng hết* » đây, phần nhiều các bản như nhau, riêng bản của cụ Bùi-khánh-Diễn để là *đã có*. Song cứ chữ « *chẳng hết* » nghe lời văn thật già, mà nghĩa là đởm-đương có thừa cũng không ngại mờ tối.

(4) *Vườn xuân* là nói cảnh vui vẻ. *Một cửa* cũng như nói một nhà.

(5. *Thiên vị* 偏為 là riêng vì.

Có tài mà cậy chi tài :
Chữ tài liền với chữ tai một vần (1)
Đã mang lấy nghiệp (2) vào thân,
Cũng đừng tránh lẫn Trời gần, Trời xa.
Thiện-căn (3) ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.
Lời quê chắp nhặt dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

HẾT

(1) Tục-ngữ Việt : *Ngu-si hưởng thái-bình.*

(2) Chữ *nghiệp* đã chú ở trang 189, câu « *Nghiệp, duyên cân lại nhắc đi còn nhiều* ».

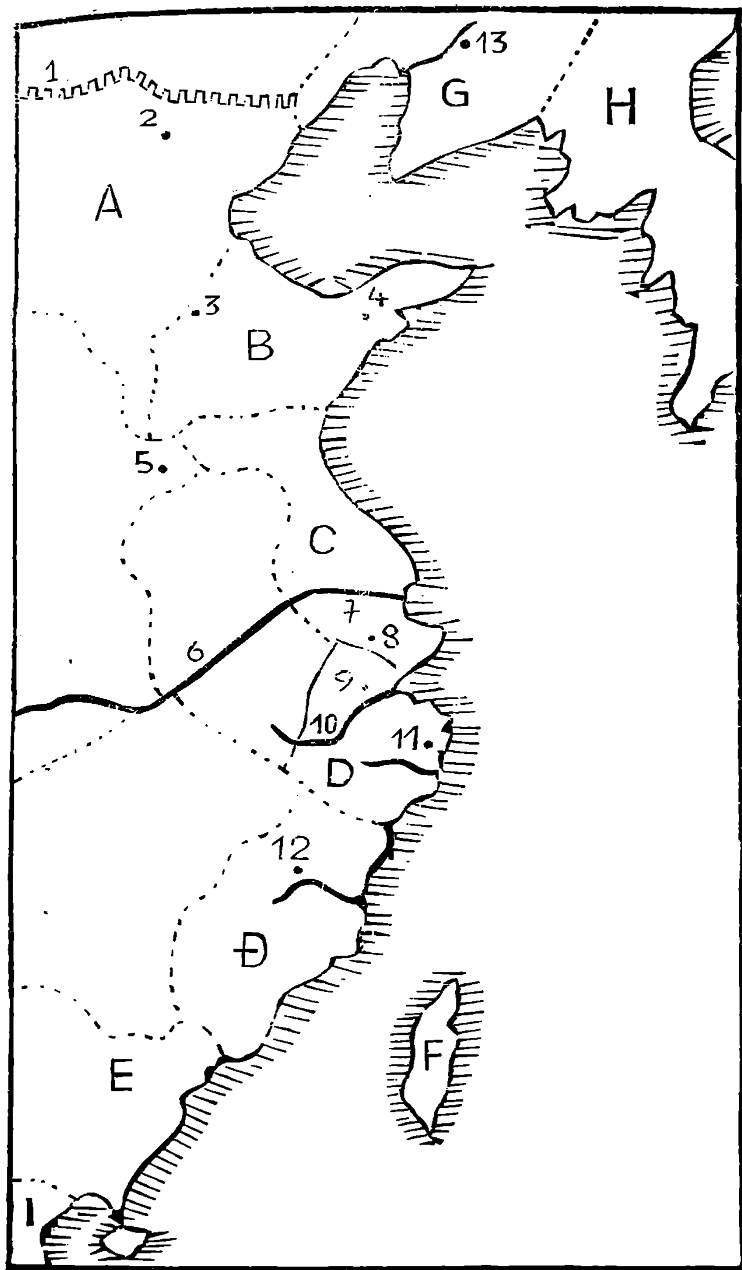
(3) *Căn* là cái gốc, cái rễ.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN : VÌ NGUYÊN BẢN BỊ THẤT-LẠC MẤT TRANG SAU CÙNG, BA LỜI CHÚ TRÊN ĐÂY KHÔNG PHẢI CỦA *TẢN-ĐÀ* MÀ DO CHÚNG TÔI THÊM VÀO CHO ĐƯỢC ĐẦY-ĐỦ.

Bản-đồ những địa-điểm có liên-lạc với truyện Kiều.

A. *Trực-lệ*
B. *Sơn-đông*
C. *Giang-tô*
D. *Tích-giang*
Đ. *Phúc-kiến*
E. *Quảng-đông*
F. *Đài-loan*
G. *Liêu-đông*
H. *Cao-ly*
I. *Việt-Nam*

1. *Vạn-lý-trường-thành*
2. *Bắc-kinh*
3. *Lâm-thanh*
4. *Lâm-truy*
5. *Thư-dương*
6. *Sông Dương tử*
7. *Châu Thường*
8. *Vô-tích*
9. *Hàng-châu*
10. *Sông Tiền-Đường*
11. *Châu-Thai*
12. *Nam-bình*
13. *Liêu-dương*


1
2
A
3
4
B
5
C
6
7
8
9
10
11
D
12
Đ
E
F
G
13
H
I

VƯƠNG - THÚY - KIỀU CHÚ - GIẢI
TÀN - TRUYỆN DO HƯƠNG - SƠN
TÁI-BẢN IN XONG NGÀY 25-1-1952
TẠI NHÀ IN LÊ-VĂN-TÂN, HÀ-NỘI.